

GTN Foods

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2016



GTN Foods

CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn,  
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (+84-4) 6276 6366; Fax: (+84-4) 6276 6466

Email: [info@gtnfoods.com.vn](mailto:info@gtnfoods.com.vn) Website: [www.gtnfoods.com.vn](http://www.gtnfoods.com.vn)

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2016



# MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2
Thông điệp của Tổng Giám Đốc	4

## VỀ CHÚNG TÔI

Giới thiệu GTNfoods	6
Chiến lược 5 năm của GTNfoods	7
Cơ cấu sở hữu GTNfoods	8
Cơ cấu Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	10
Cơ cấu cổ đông	14
Báo cáo đánh giá của Ban điều hành	17

## CÁC MẢNG KINH DOANH

CTCP Sữa Mộc Châu (Moc Chau Milk)	21
Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (Vilico)	26
Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP (Vinatea)	31
CTCP Thực phẩm Lâm Đồng (Ladofoods)	39

## BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	44
Báo cáo Quản trị công ty	47
Báo cáo của Ban kiểm soát công ty	50

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 56

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 91



## Thông điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Kính thưa Quý Cổ đông!*

Năm 2016, Công ty Cổ phần GTNfoods (GTNfoods) tiếp tục đánh dấu những bước chuyển mình mạnh mẽ về quy mô vốn, tái cấu trúc hoạt động doanh nghiệp, đội ngũ nhân sự và năng lực phát triển.

Việc phát hành thành công cổ phần riêng lẻ trong 2 lần trong năm 2016 không những giúp tăng vốn điều lệ từ 748 tỷ lên 2500 tỷ, tăng vốn hóa thị trường từ khoảng 600 tỷ lên khoảng 4500 tỷ mà còn giúp GTNfoods thực hiện thành công các kế hoạch đầu tư vào các công ty tiềm năng, tiêu biểu là việc Công ty đã hoàn thành nâng tỷ lệ sở hữu lên 95% tại Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP ("Vinatea") và 65% tại Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico") dẫn đến gián tiếp hợp nhất công ty con là Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu ("Mộc Châu Milk"). Các hoạt động mua bán sát nhập này đã tạo tiền đề vững chắc cho GTNfoods thực hiện mảng kinh doanh cốt lõi của mình là ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Cả hai lần huy động vốn trong năm nay đều nhận được sự ủng hộ và cam kết gắn bó chặt chẽ từ các đối tác Nhà đầu tư chiến lược trong nước và ngoài nước như Invest Tây Đại Dương, Tael Two Partners, PENM Partners, Hanil Feed, Kingsmead, Probus, HSC và Bản Việt.

Trong năm nay, GTNfoods và các công ty thành viên tiếp tục nỗ lực tái cấu trúc hệ thống với trọng tâm là kiện toàn bộ máy quản trị, đầu tư vào nguồn nhân lực và các hoạt động chiến lược khác hướng tới tạo ra giá trị. Cụ thể, GTNfoods đã thành công trong việc làm mới lại nhận diện thương hiệu của Công ty và của công ty con Vinatea, tạo ra hình ảnh trẻ trung năng động cho toàn doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các công ty thành viên trong hệ thống GTNfoods cũng giới thiệu với thị trường các sản phẩm mới như trà túi lọc Vinatea, dòng nước ép trái cây Vivazz Sparkling đi kèm với các hoạt động nâng cấp cơ sở vật chất, đẩy mạnh xây dựng kênh phân phối, xây dựng thương hiệu và ghi nhận được những kết quả phản ánh tích cực bước đầu.

Năm 2017 chắc chắn sẽ tiếp tục là một năm đầy thách thức nhưng cũng là cơ hội để GTNfoods có những bước phát triển đột phá. Với thế mạnh vốn là đội ngũ lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, kỷ cương và cống hiến, cộng thêm sự hỗ trợ quý báu từ các đối tác Nhà đầu tư, GTNfoods tin tưởng sẽ thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững, đạt được mục tiêu trở thành doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực Nông nghiệp và Hàng tiêu dùng tại Việt Nam từ đây đến năm 2020 với các sản phẩm hàng tiêu dùng chè, sữa, thực phẩm thịt gia súc, gia cầm.

Để đạt được thành công các mục tiêu trong tương lai, toàn thể Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo và Cán bộ công nhân viên GTNfoods mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ từ Quý Cổ đông. Chúng tôi sẽ nỗ lực hết sức để đảm bảo phát triển doanh nghiệp theo đúng định hướng và gia tăng giá trị cho nhà đầu tư.

*Xin cảm ơn và thân ái!*

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Tạ Văn Quyền**



**Ông TẠ VĂN QUYỀN**

*Chủ tịch HĐQT*



## Thông điệp của TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Nhà đầu tư, Cán bộ Công nhân viên và những người quan tâm đến Công ty Cổ phần GTNfoods ("GTNfoods").

**2016** là một năm với những thay đổi cơ bản của GTNfoods. Chúng tôi đã hoàn thành hai đợt tăng vốn với tổng huy động gần 100 triệu USD giúp hoàn thành việc mua sở hữu các Tổng Công ty Chè Việt Nam và Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam như kế hoạch đã đề ra, tạo tiền đề vững chắc cho các hoạt động tại các ngành kinh doanh chiến lược Nông nghiệp và Thực phẩm. Chúng tôi thực sự trân trọng khi có cơ hội được hợp tác với các đối tác và nhà đầu tư có năng lực với cam kết gắn bó lâu dài, cũng như có những cơ hội được làm việc với các Tổng công ty tiềm năng, được điều hành bởi những lãnh đạo xuất sắc.

Chúng tôi cũng đã đổi tên thành Công ty Cổ phần GTNfoods trong năm nay, để nhấn mạnh rằng GTN là một công ty nông nghiệp và thực phẩm đầy tiềm năng của Việt Nam.

Sẽ có nhiều điều đáng chờ đợi trong năm 2017 khi GTNfoods vẫn đang tiếp tục xây dựng cây cầu nối tới tương lai của chúng tôi. Việc tăng trưởng của các công ty như Vinatea, Vilico và tất nhiên cả Mộc Châu Milk sẽ rất nhanh chóng. Công việc của chúng tôi là liên kết chặt chẽ với các nhà đầu tư, cán bộ công nhân viên, khách hàng và đối tác để đảm bảo rằng tương lai chúng tôi hoạch định ra không phải chỉ để đạt được một cách hời hợt mà nhằm tạo ra một công ty đặc biệt cho những thập nguyên tiếp theo, khi mà Việt Nam bước vào một giai đoạn sẽ có những dấu ấn bút phá trong chuyển mình và tăng trưởng.

Trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, tôi nhớ một nhà đầu tư đã chỉ vào các sản phẩm trà, sữa và rượu vang đặt trên bàn trưng bày. Anh ta đã rất tự hào khi nói rằng đây là những sản phẩm mà anh mong muốn được chia sẻ với gia đình và bè bạn. Tất cả các sản phẩm đều tuyệt vời.

Điều tuyệt vời mà chúng tôi đang tạo ra và mang lại cho cộng đồng chính là tiêu chí tiên quyết của GTNfoods. Thực phẩm của chúng tôi thực sự đáng tin cậy. 100% các sản phẩm sữa, sữa chua, phô mai, bơ đến từ những con bò của Mộc Châu Milk. Sản phẩm trà Vinatea đến từ các vùng nguyên liệu của chính chúng tôi. Chúng tôi thật sự là một Công ty Độc lập và Nguyên gốc, đang tạo ra một thể hệ thực phẩm Việt Nam ngon, sạch và chất lượng đến người tiêu dùng.

Bởi vì chúng tôi bắt đầu với những sản phẩm tuyệt vời, những điều khác chúng tôi phải làm là trong tầm tay.

GTN đang có một cơ hội tuyệt vời phía trước, xây dựng một cây cầu nối tới tương lai.

*Trân trọng,*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Michael Louis Rosen**



**Ông MICHAEL LOUIS ROSEN**

Thành viên HĐQT kiêm CEO



# GIỚI THIỆU

Tên công ty	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS</b>
Tên tiếng Anh	<b>GTNFOODS JOINT STOCK COMPANY</b>
Tên viết tắt	<b>GTN</b>
Vốn điều lệ	<b>2.500 tỷ đồng</b>
Trụ sở chính	<b>92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội</b>
Điện thoại	<b>(84-4) 6276 6366</b>
Fax	<b>(84-4) 6276 6466</b>
Email	<b>info@GTNfoods.com.vn</b>
Website	<b>www.GTNfoods.com.vn</b>
Giấy phép đăng ký kinh doanh và mã số thuế	<b>0105334948</b>

Công ty Cổ phần GTNfoods (GTNfoods) được hình thành thông qua sự hợp nhất của các công ty đã có bề dày lịch. Năm 2014 GTNfoods xác định lại chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp, đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và hàng tiêu dùng thông qua việc đầu tư vào các Tổng Công ty của nhà nước với bề dày lịch sử hoạt động, thương hiệu phổ biến, cơ sở hạ tầng tốt, nhưng gặp nhiều rào cản trong phát triển kênh phân phối, bán hàng và marketing. Điển hình là đầu tư sở hữu 35% Công ty Cổ phần thực phẩm Lâm Đồng, 95% Tổng Công Ty Chè, 65% Tổng Công ty Chăn nuôi trong đó sở hữu 51% Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

Mục tiêu của GTNfoods là xây dựng một nền tảng nông nghiệp lớn vững chắc, từ đó phát triển chuỗi cung ứng, cung cấp thực phẩm có chất lượng tốt và sạch nhất đến người tiêu dùng.

Thế mạnh của công ty là đội ngũ lãnh đạo trong nước và nước ngoài có trình độ và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, hàng tiêu dùng, marketing, xây dựng kênh phân phối, tái cấu trúc doanh nghiệp và quản trị tài chính.

Để thúc đẩy tăng trưởng, Công ty sẽ tái cấu trúc bộ máy, tăng hiệu quả về vận hành, sản xuất, tiết giảm chi phí, xây dựng lại chiến lược marketing, định vị lại thương hiệu, thúc đẩy bán hàng. Ngoài ra, doanh nghiệp sẽ liên tục đầu tư vào R&D để đưa ra các sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường.

Ngoài ra, GTNfoods cũng sẽ liên tục cải tiến phong cách, bao bì, nhãn hiệu giúp cho sản phẩm luôn luôn trẻ trung, bắt mắt, hiện đại, chuyên nghiệp. Khẩu hiệu cho phong cách sản phẩm của chúng tôi là Global Design Local Insights (Phong Cách Quốc Tế, Nguồn gốc Nội Địa).

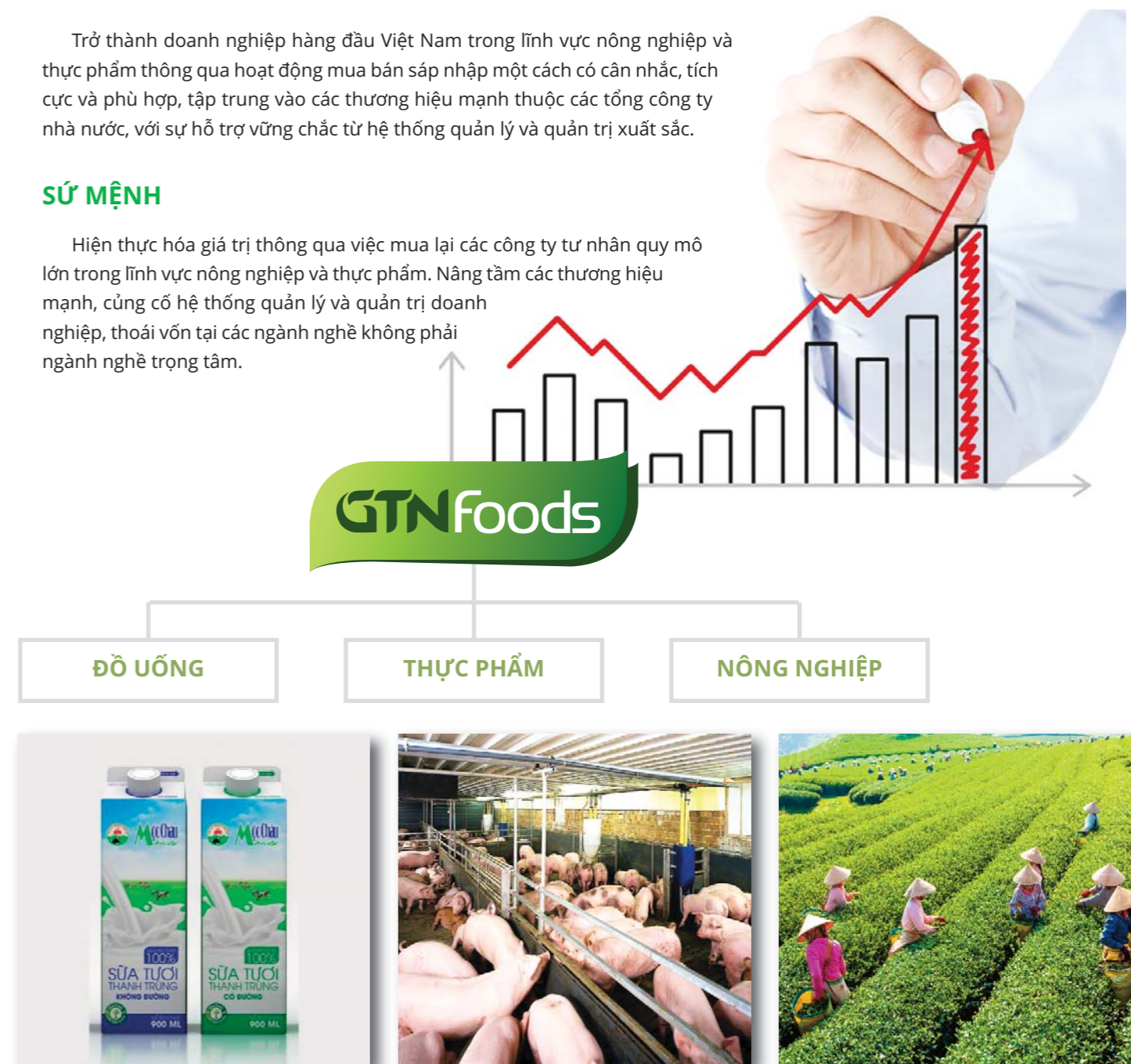
# CHIẾN LƯỢC 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2017-2021 CỦA GTNFOODS

## TẦM NHÌN

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm thông qua hoạt động mua bán sáp nhập một cách có cân nhắc, tích cực và phù hợp, tập trung vào các thương hiệu mạnh thuộc các tổng công ty nhà nước, với sự hỗ trợ vững chắc từ hệ thống quản lý và quản trị xuất sắc.

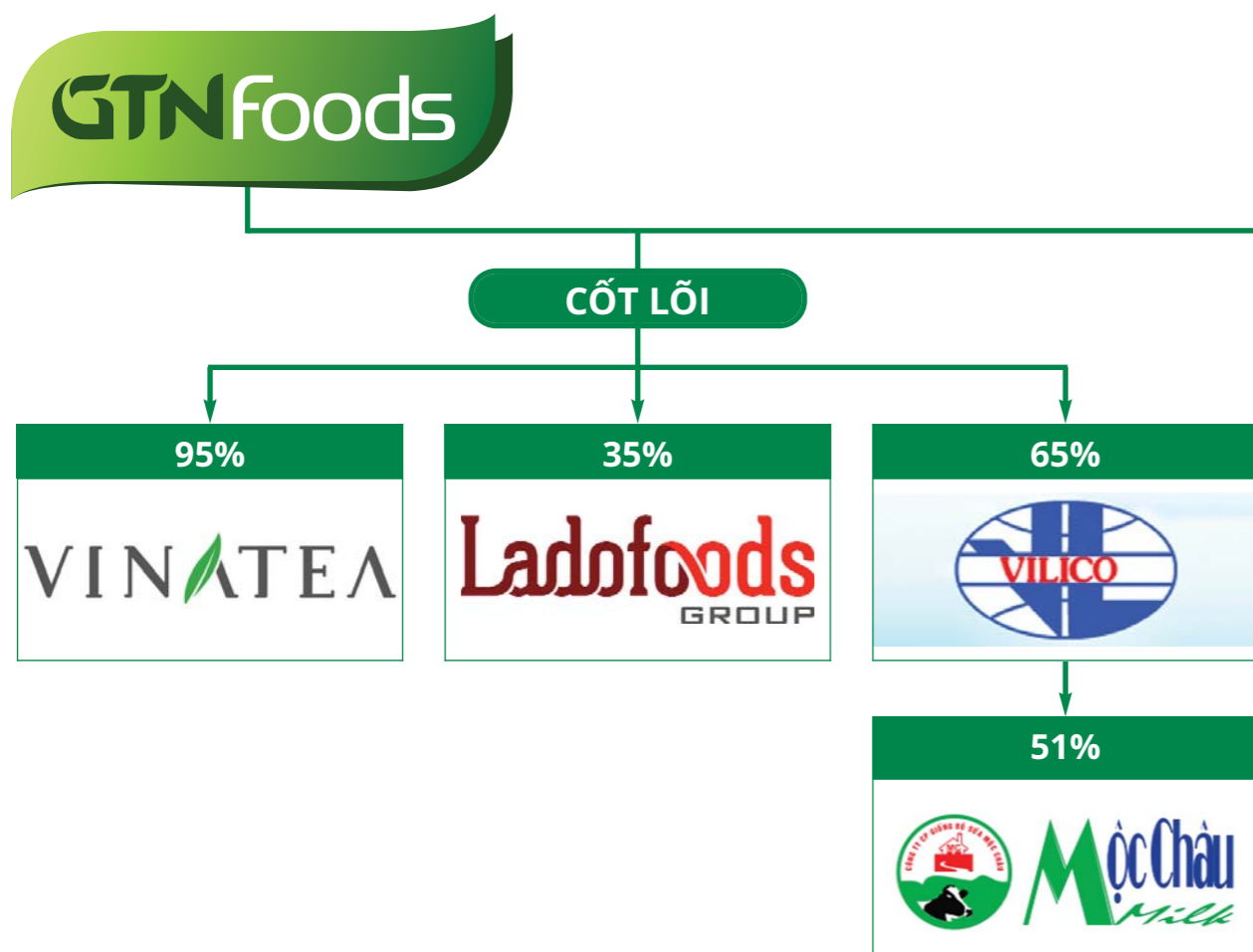
## SỨ MỆNH

Hiện thực hóa giá trị thông qua việc mua lại các công ty tư nhân quy mô lớn trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm. Nâng tầm các thương hiệu mạnh, củng cố hệ thống quản lý và quản trị doanh nghiệp, thoái vốn tại các ngành nghề không phải ngành nghề trọng tâm.

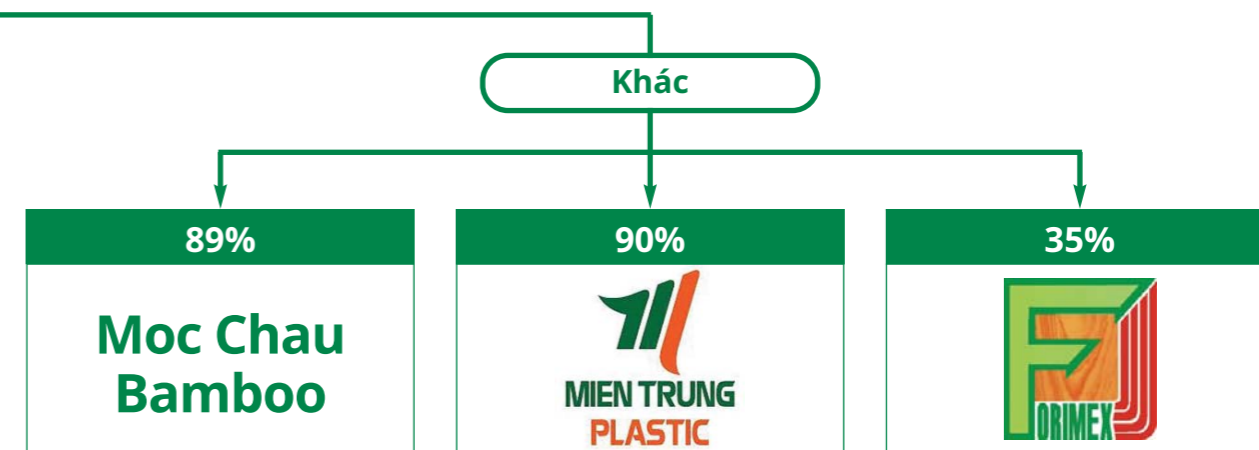
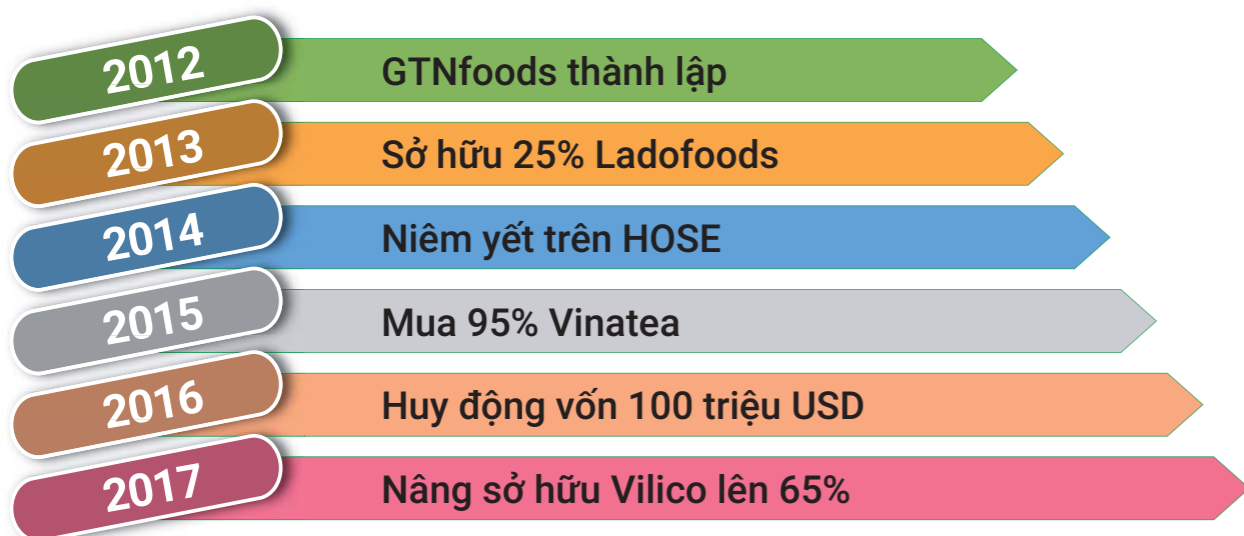




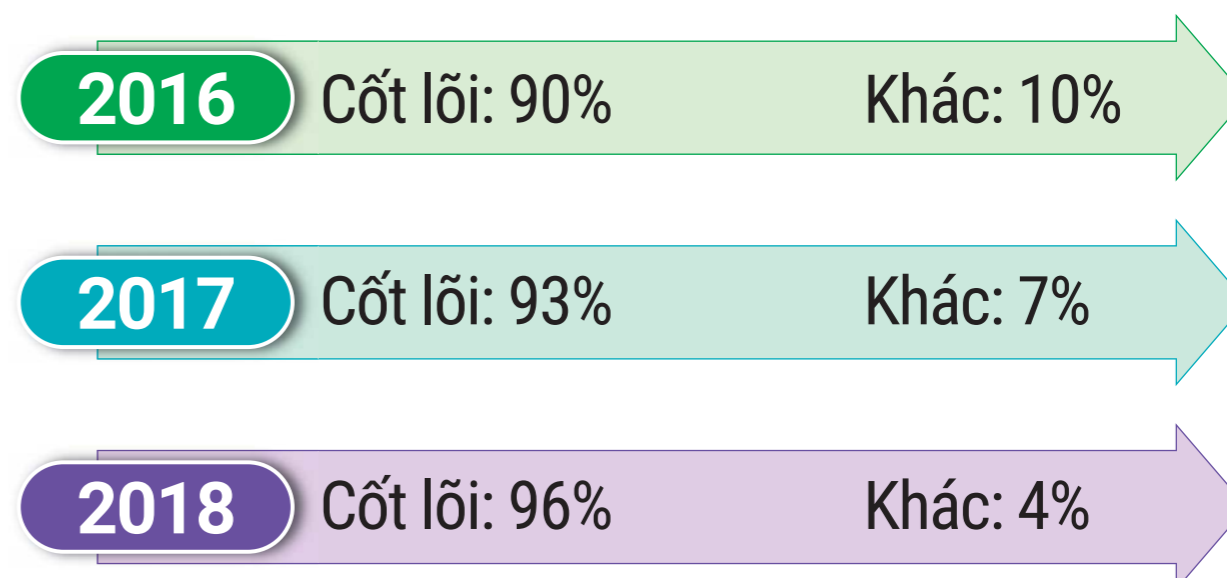
## CƠ CẤU HỆ THỐNG GTNFOODS SỞ HỮU



## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



## CẤU TRÚC DOANH THU ƯỚC TÍNH





# CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông TẠ VĂN QUYỀN**  
Chủ tịch HĐQT

Năm 2012 Ông Tạ Văn Quyền trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và giữ vị trí Tổng Giám đốc từ năm 2014. Ông có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực sản xuất, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như quản lý sản xuất tại Công ty Bánh Kẹo Hải Hà, Giám đốc điều hành Công Ty TNHH Chế Biến Thực Phẩm Tiến Bảo, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám Đốc Công ty cổ phần Thực Phẩm Q&Q Việt Nam.

Khát khao của ông Quyền là đưa GTN thành một công ty thực phẩm và hàng tiêu dùng hàng đầu Việt Nam với nhiều thương hiệu lớn.

Ông Tạ Văn Quyền tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành kỹ sư công nghệ thực phẩm.



**Ông NGHIÊM VĂN THẮNG**  
Phó chủ tịch HĐQT

Ông Nghiêm Văn Thắng từng làm việc tại Phòng An toàn Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ông có rất nhiều kiến thức và kinh nghiệm trong việc quản lý các mảng hoạt động sản xuất về nông nghiệp và thực phẩm mà hiện nay đang là mảng kinh doanh cốt lõi của GTNfoods, từng là Phó Trưởng phòng Kế hoạch tại Bibica, Trưởng phòng Sản xuất tại Bánh kẹo Tràng An. Ông Thắng cũng có kiến thức sâu rộng về quản lý tài chính, từng giữ vị trí Phó Trưởng phòng Giao dịch Tài sản, Morgan Stanley - Gateway, và Giám đốc Chi nhánh tại MBS. Năm 2012, ông Nghiêm Văn Thắng đầu tư vào Ladofoods, trở thành Thành viên Hội đồng Quản trị Ladofoods. Hiện ông Thắng đang giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Ladofoods. Ông rất có kinh nghiệm trong việc xây dựng và định hướng các hệ thống quản trị, bán hàng và phân phối. Ông là thành viên sáng lập của GTNfoods, đã dẫn dắt việc chuyển hóa doanh nghiệp tập trung vào mảng Nông nghiệp và Thực phẩm.

Ông Nghiêm Văn Thắng tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Hà Nội, chuyên ngành Kỹ sư Công nghệ Thực phẩm.



**Ông MICHAEL LOUIS ROSEN**  
Thành viên HĐQT kiêm CEO

Ông Michael Louis Rosen có nhiều kinh nghiệm trong việc huy động vốn cho doanh nghiệp, đã từng huy động thành công 80 triệu USD cho Pan Group dưới vai trò CEO và Phó Chủ tịch. Ông đồng thời từng điều hành một doanh nghiệp thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán New York (NYSE). Ông Rosen là Giáo sư giảng dạy tại Khoa Quản lý, trường kinh doanh NYU; Nguyên Giám đốc Chiến lược của Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

Tham gia với GTN vào đầu năm 2016, với nhiều năm kinh nghiệm tại Việt Nam, ông Michael mong muốn đưa GTN thành một tập đoàn lớn mang tầm quốc tế.

Ông Michael Lous Rosen lấy bằng Tiến sĩ, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Wharton School of the University of Pennsylvania.



**Bà CHEW MAY YING**  
Thành viên HĐQT

Bà Chew May Ying có kinh nghiệm 20 năm làm việc trong lĩnh vực kế toán và ngân hàng đầu tư, từng là trợ lý tại Công ty Kiểm toán Price Waterhouse Cooper trong 5 năm từ 1996 đến 2001, trước khi nắm giữ các chức vụ quản lý cấp cao như Trưởng phòng tại Public Investment Bank Berhad từ 2001 đến 2005, Quản lý Cấp cao tại RHB Investment Bank Berhad từ 2005 đến 2007, Phó Giám đốc tại Am Investment Bank Berhad từ 2007 đến 2008. Từ 2008 đến nay, bà May nắm giữ vị trí Giám đốc Điều hành tại TAEI Partners Group, đối tác đầu tư chiến lược của GTNfoods.



**Ông La Mạnh Tiến**  
TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Ông La Mạnh Tiến đã dành nhiều tâm huyết, công sức của mình để xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp của GTNfoods. Ông Tiến tốt nghiệp ĐH Montesquieu University, Pháp và hiện là Thạc sĩ Quản lý Tài chính. Ông từng giữ các chức vụ quản lý cao cấp tại Tổng Công ty Cổ phần Vinaconex, Công ty Xây dựng Vincom, CTCP Vinabamboo.

Với nhiều năm kinh nghiệm quản trị tại tập đoàn lớn, ông Tiến tham gia GTNfoods với mong muốn xây dựng GTNfoods thành một công ty lớn, chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Hiện nay, ông Tiến là thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP, Công ty con của GTNfoods.



Ông Lars hiện đang là Phó Giám đốc quỹ PENM Partners - Đối tác chiến lược của GTNfoods từ năm 2006. Ông trở thành thành viên HĐQT GTNfoods từ tháng 3/2017.



**Ông LARS KJAERS**  
Thành viên HĐQT

Ông Lars đã có kinh nghiệm làm thành viên HĐQT của 11 tập đoàn quốc tế và Việt Nam, bao gồm Tập đoàn Masan, Tập đoàn Hòa Phát, CTCP Nước khoáng Vĩnh Hảo, Coca-Cola Nordic Bottler.

Ông Lars từng là Giám đốc quỹ Nordic Project Fund, tập trung vào các thị trường mới nổi với danh mục hơn 200 công ty; Giám đốc công ty InWear & IC và Giám đốc Carlsberg Đan Mạch.

Với kinh nghiệm hoạt động sâu rộng về các thị trường mới nổi, xây dựng chiến lược, phát triển doanh nghiệp, phát triển hoạt động sản xuất, tái cấu trúc và M&A cũng như kinh nghiệm làm thành viên Ban lãnh đạo tại Việt Nam cũng như châu Âu, ông Lars là sự bổ sung lớn về khả năng gia tăng giá trị cho đội ngũ lãnh đạo của GTNfoods.

## CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT



**Ông TRẦN VIỆT THẮNG**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Trần Việt Thắng có rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán và từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng có liên quan như Trưởng phòng Kế toán tại CTCP Thép Thủ Đức, công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam; Quản lý Tài chính tại CTCP Nhựa Gia Lợi; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Xây dựng Miền Nam; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Bê tông Hồng Hà Bình Dương; Thành viên HĐQT tại CTCP Bất động sản Nghĩa Nhân; Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Dược phẩm Phyto. Tại Ladoofods, ông Thắng đang giữ vị trí Thành viên HĐQT kiêm Trưởng Ban Kiểm soát công ty. Ông Thắng cũng có nền tảng gia đình vững chắc làm việc trong ngành đầu tư và phát triển bất động sản tại TP. Hồ Chí Minh.

Ông Thắng tốt nghiệp với hai chuyên ngành Tài chính và Kế toán tại Đại học Tài chính - Kế toán.



**Ông NGUYỄN HỒNG ANH**  
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Hồng Anh là chuyên gia trong lĩnh vực nông nghiệp với hơn 20 năm kinh nghiệm trong vị trí quản lý như Chủ tịch hiệp hội khuyến nông và Phó Giám đốc Chi cục bảo vệ thực vật Hà Nội từ năm 2004 đến năm 2014. Ông Hồng Anh được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc Vilico, Công ty con của GTNfoods trong năm 2016 và sau đó là thành viên HĐQT GTNfoods vào tháng 3 năm 2017. Ông Hồng Anh tốt nghiệp bằng Thạc Sĩ nông nghiệp tại Đại học Quốc Gia Hà Nội.



**Ông PAN MUN KIT**  
Thành Viên Ban Kiểm Soát

Ông Pan Mun Kit có kinh nghiệm 10 năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, hiện đang giữ vị trí Phó Chủ tịch của TAEI Partners Group từ 2013 đến nay. Ông từng làm việc tại Ngân hàng Đầu tư OSK - Malaysia từ 2007 đến 2009; Trợ lý Giám đốc Ngân hàng Đầu tư May Bank - Malaysia, 2009-2013.



**Bà NGUYỄN THỊ THU**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu trở thành Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần GTNfoods từ tháng 4/2016. Trước đó bà Thu có từng giữ vị trí Kế toán tại CTCP Sản xuất và Thương mại Hachi và CTCP Đầu tư TMI Việt Nam.

Bà Thu hiện đang là Thạc sỹ Kinh tế - Tài chính.



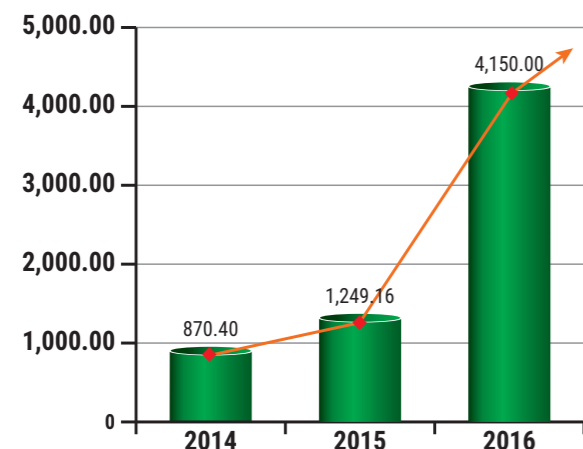
# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty:	<b>2.500.000.000.000 đồng</b>
Mệnh giá 1 cổ phiếu:	<b>10.000 đồng</b>
Khối lượng cổ phiếu niêm yết:	<b>250.000.000 cổ phiếu</b>
Khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng:	<b>74.800.000 cổ phiếu (31/12/2016)</b>
Cổ phiếu quỹ:	<b>0 cổ phiếu</b>
Giá trị vốn hóa trên thị trường:	<b>4.150 tỷ đồng (31/12/2016)</b>

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần GTNfoods ("GTNfoods", "GTN") được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã giao dịch GTN và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

## GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG QUA CÁC NĂM



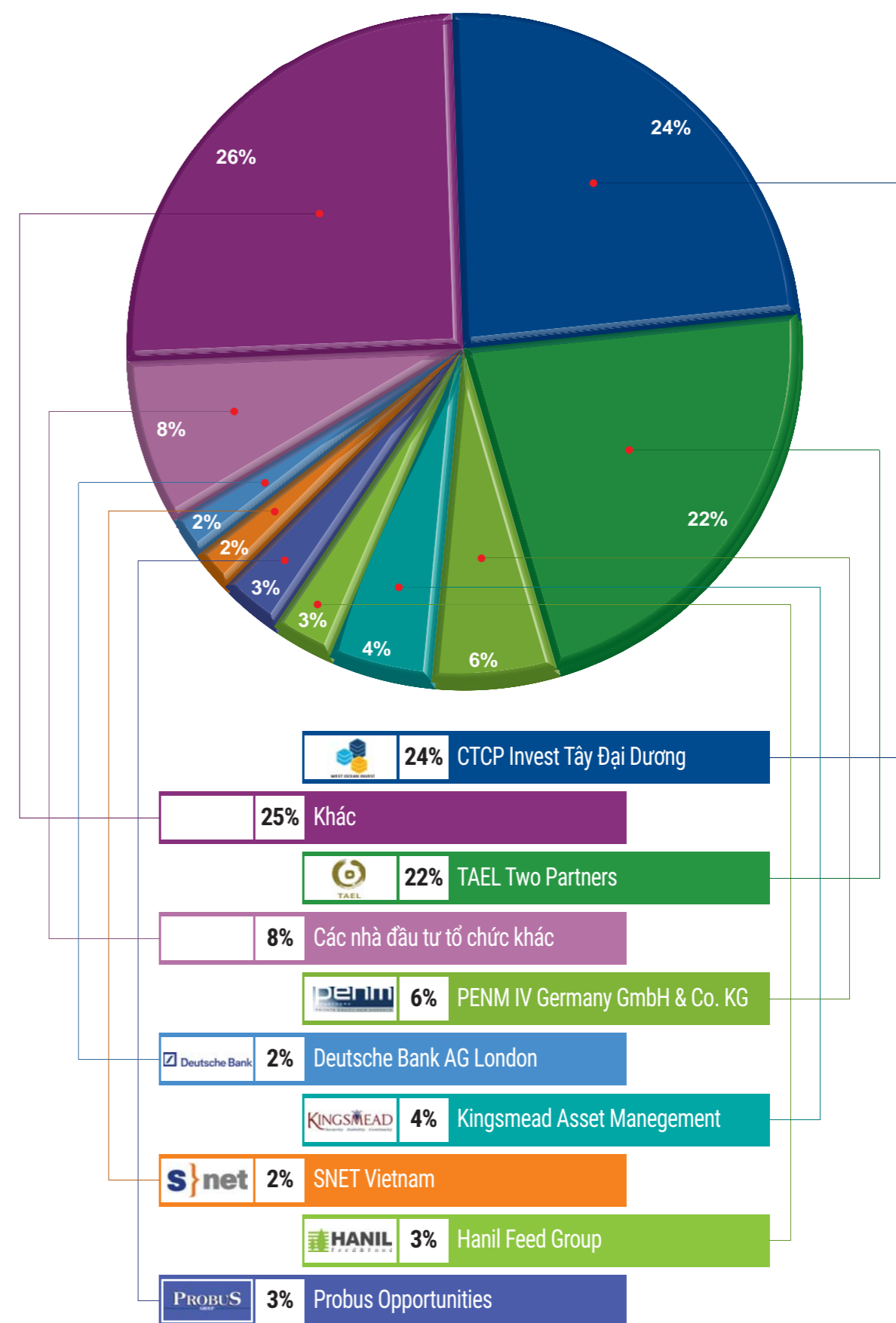
## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU TRONG NĂM 2016

Tháng 1/2016: Công ty Cổ phần GTNfoods phát hành riêng lẻ thành công 75.200.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000VNĐ/cổ) tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ VNĐ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường ngày 09 tháng 11 năm 2015.

Tháng 11/2016: Phát hành riêng lẻ thành công 100.000.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000VNĐ/cổ) tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ VNĐ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2016.

## CƠ CẤU SỞ HỮU

STT	Danh mục cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông quốc tế			
		Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	% sở hữu	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn (+5%)	60,900,000	24.36%	1	69,999,990	28%	2
2	Cổ đông khác	67,988,667	27.20%	1275	51,111,343	20.44%	23
	Tổng cộng	128,888,667	51.56%	1276	121,111,333	48.44%	25





**TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN**

Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần INVEST TÂY ĐẠI DƯƠNG	60,900,000	24.36
TAEL TWO PARTNERS LTD	55,000,000	22.00
PENM IV Germany GmbH & Co. KG	14,999,990	6.00

**THÔNG TIN CỔ PHIẾU HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG ĐẾN NGÀY 31/12/2016**

	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng*	Cổ phiếu chuyển nhượng tự do	Tổng cộng
Tổng cộng	175,200,000	74,800,000	250,000,000
Tỷ lệ	70.08%	29.92%	100%

\* Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng từ hai đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ trong năm 2016, hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày hoàn thành phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hiện hành.

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	130.899.990	52,36%	3	3	-
	- Trong nước	60.900.000	24,36%	1	1	-
	- Nước ngoài	69.999.990	28,00%	2	2	-
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	119.100.010	47,64%	1298	29	1269
	- Trong nước	67.039.637	26,82%	1275	19	1256
	- Nước ngoài	52.060.373	20,82%	23	10	13
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>250.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>1302</b>	<b>33</b>	<b>1269</b>
Trong đó: - Trong nước		127.939.637	51,18%	1276	20	1256
- Nước ngoài		122.060.363	48,82%	25	12	13

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2017**

Năm 2016 là năm đánh dấu sự chuyển mình rõ nét về quy mô tiềm lực phát triển và chiến lược kinh doanh sang lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm của GTNfoods. Một mặt, Công ty hoàn thành phát hành riêng lẻ cổ phần thành công trong 2 lần giúp tăng vốn điều lệ từ 748 tỷ lên 2500 tỷ với sự tham gia của nhiều nhà đầu tư chiến lược như TAEL Two Partner, PENM Partners, Hanil Feed Co.,Ltd. Mặt khác, Công ty tiếp tục hiện thực hóa mục tiêu trở thành công ty hàng đầu khu vực đối với lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm và hàng tiêu dùng thông qua việc tiếp tục mua lại cổ phần, nâng cao tỷ lệ sở hữu chi phối các công ty có thế mạnh trong ngành, từ đó tạo nên chuỗi giá trị gia tăng trong ngành.

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HUY ĐỘNG VỐN TRONG NĂM 2016**

Tháng 1/2016: Công ty Cổ phần GTNfoods phát hành riêng lẻ thành công 75.200.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường ngày 09 tháng 11 năm 2015.

Tháng 11/2016: Phát hành riêng lẻ thành công 100.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2016.

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN M&A TRONG NĂM 2016**

Với mô hình hoạt động theo hình thức Tập đoàn trong đó Công ty mẹ đóng vai trò là Công ty quản lý vốn và điều phối sự phối hợp sản xuất, kinh doanh, phân phối giữa các công ty thành viên, trong năm 2016, Công ty Cổ phần GTNfoods tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thông qua M&A và gia tăng tỷ

lệ sở hữu ở các công ty thành viên. Các giao dịch này được tài trợ bởi nguồn vốn huy động từ các đợt tăng vốn điều lệ qua phát hành riêng lẻ cổ phần trong năm 2016.

- Hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty Chè Việt Nam từ 75% lên 95%.

- Hoàn tất việc thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Hàng tiêu dùng GTNfoods ("GTNfoods Consumer") nhằm tạo nền tảng cơ bản cho việc quản lý tập trung hoạt động phân phối các sản phẩm của toàn hệ thống GTNfoods trong tương lai.

- Hoàn tất việc mua thành công Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn ("Forimex") chiếm tỷ lệ sở hữu 35%.

- Tiến hành thực hiện và hoàn tất vào những ngày đầu năm 2017 việc mua chiếm tỷ lệ sở hữu 65% Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC) tương ứng với 40.969.500 cổ phần.

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**

Đơn vị: tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% hoàn thành kế hoạch năm	Thực hiện 2016 so với 2015
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.500	18.21	2.109	72,89%	86,34%
2	LNST hợp nhất	100	16.3	57.3	16,3%	28,49%
3	Lợi nhuận CĐ công ty mẹ		16	54.9		29,14%



**CƠ CẤU DOANH THU VÀ TỶ LỆ TĂNG TRƯỞNG**
*Đơn vị: tỷ VND*

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	Tăng trưởng
Doanh thu từ Chè	375	-	N/a
Doanh thu từ Sản phẩm Nhựa	127	171	- 25,6%
Doanh thu từ Sản phẩm từ Tre	3	3.1	- 0,03%
Doanh thu Thương mại	1.316	1.889	- 30,33%
Doanh thu từ các đơn vị khác	-	46	- 100%
Tổng doanh thu	1.821	2.109	- 13,7%

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần GTNfoods tiếp tục thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ trọng tâm kinh doanh đồng thời tái cấu trúc, sắp xếp lại các mảng kinh doanh chính của Công ty nhằm tối ưu hóa quản lý và hiệu quả sản xuất, và điều hành. Hiện tại các mảng kinh doanh của toàn Hệ thống bao gồm:

- (I) Mảng sản xuất kinh doanh Chè - thực hiện thông qua Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP ("Vinatea");
- (II) Mảng sản xuất kinh doanh sản phẩm Nhựa - thực hiện thông qua Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung ("Nhựa Miền Trung");
- (III) Mảng kinh doanh thương mại nông sản và phân bón - thực hiện bởi GTNfoods.
- (IV) Ngoài ra kết quả kinh doanh hợp nhất của Hệ thống

GTNfoods còn được đóng góp bởi các thu nhập khác như: sản xuất kinh doanh sản phẩm tre, thu nhập hoạt động tài chính, cho thuê văn phòng...

Kết quả kinh doanh năm 2016 với các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch năm đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2016 với mức hoàn thành lần lượt tại 72,84% và 16,3%. Nguyên nhân là do chi phí gia tăng phát sinh từ quá trình tái cấu trúc và xử lý hàng tồn kho, khoản nợ tồn đọng lâu ngày từ Công ty con mới tiếp quản là Vinatea, song song với việc cắt giảm nguồn lực và đầu tư tại các hoạt động sản xuất kinh doanh không trọng tâm khiến doanh thu và lợi nhuận giảm. Ngoài ra, việc hoàn thành M&A công ty con Vilico tại ngày 03/01/2017 muộn hơn dự kiến cũng khiến các chỉ tiêu thực tế không đạt được như kế hoạch.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**
*Đơn vị: tỷ VND*

STT	Chỉ tiêu	2016	2015	Tăng/giảm
1	TÀI SẢN	3.206	2.100	52,67%
2	Tài sản ngắn hạn	2.349	1.339	75,43%
3	Tài sản dài hạn	856	761	- 12,48%
4	NỢ PHẢI TRẢ	385	1.103	- 65,1%
5	NGUỒN VỐN	2.821	997	182,95%

Tại thời điểm 31/12/2016, giá trị tổng tài sản hợp nhất toàn Công ty đạt 3.206 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu ở mức 2.821 tỷ, lần lượt tăng 52,67% và 183% so với cuối năm 2015, nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2016, GTNfoods đã liên tục thực hiện các vòng tăng vốn để

đầu tư M&A vào các doanh nghiệp tiềm năng trong ngành Nông nghiệp, thực phẩm và hàng tiêu dùng, kết quả là hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính của các công ty mới được hợp nhất vào kết quả GTNfoods dẫn đến giá trị tổng tài sản và nguồn vốn tăng mạnh.

**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (BÁO CÁO HỢP NHẤT)**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,42	1,54
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	8,15	1,4
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,12	0,52
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,14	1,11
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	Lần	0,01	0,02

**CƠ CẤU NGUỒN VỐN VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

Với đặc thù hoạt động chính của Công ty mẹ là huy động vốn để thực hiện các giao dịch đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn: tại thời điểm 31/12/2016 chiếm 88%.

Trong giai đoạn 2015-2016, GTNfoods luôn duy

trì khả năng thanh khoản tốt nhờ nguồn số dư tiền mặt lớn từ các hoạt động tăng vốn, điều này giúp Công ty mẹ chủ động trong quá trình thực hiện chiến lược mua lại cổ phần chi phối tại các Công ty mục tiêu cũng như khả năng hỗ trợ về tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên trong toàn Hệ thống khi cần.

**KHẢ NĂNG SINH LỜI**

Khả năng sinh lời của toàn Hệ thống trong giai đoạn này chưa cao, ben cạnh lý do thị trường khó khăn còn do chi phí gia tăng phát sinh từ quá trình tái cấu trúc và xử lý hàng tồn kho, khoản nợ tồn đọng lâu ngày từ Công ty con mới tiếp quản là Vinatea; thêm vào đó là việc hoàn thành M&A công ty con Vilico tại ngày 03/01/2017 muộn hơn dự kiến.

Ban điều hành đánh giá đây là một năm bản lề chiến lược khi các nguồn lực được tập trung tối đa vào các hoạt động tái cấu trúc tại các công ty con, huy động vốn và thực hiện các thương vụ M&A và tin tưởng rằng đây là động lực để toàn hệ thống GTNfoods có thể phát triển bền vững trong tương lai.

**ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

Tiếp tục triển khai tìm kiếm và hợp nhất các Công ty những doanh nghiệp có tiềm năng nằm trong chuỗi giá trị ngành nông nghiệp, thực phẩm, hàng tiêu dùng;

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Công ty, bộ máy quản trị, tài chính, tạo nền tảng hạ tầng vững chắc cho doanh nghiệp tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm tiếp theo;

Đối với các Công ty thành viên sau M&A, tích cực tham gia vào quá trình hoàn thiện, nâng cao năng lực quản trị sản xuất, quản lý tài chính, xây dựng hệ thống phân phối và định hướng chiến lược phát triển để cùng nhau thực hiện mục tiêu lợi ích cao nhất của toàn Hệ thống.

**KẾ HOẠCH KINH DOANH 2017**
*Đơn vị: tỷ VND*

STT	CHỈ TIÊU (SỐ LIỆU HỢP NHẤT)	THỰC HIỆN 2016	KẾ HOẠCH 2017	TĂNG TRƯỞNG
1	Doanh thu hợp nhất	1.821	3.950	117%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	16,3	225	1.280%
3	Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	16	70	338%

(\*) Chỉ tiêu kế hoạch 2017 phụ thuộc sự phê duyệt của HĐQT và thông qua bởi Đại hội đồng Cổ đông Công ty

**GIẢI TRÌNH CƠ SỞ CHO KẾ HOẠCH KINH DOANH 2016**

Dựa trên chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận dự kiến được trình để thông qua bởi HĐQT và Đại hội đồng Cổ đông của các công ty con hiện hữu và các công ty con đã được mua bán sáp nhập trong năm 2016. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Công ty mẹ và các công ty con được xây dựng dựa vào các đánh giá thị trường dự kiến, tình hình cạnh tranh và kế hoạch hoạt động của từng công ty trong năm 2017. Cụ thể cho từng lĩnh vực hoạt động như sau:

**Mảng sản xuất kinh doanh Sữa:** Việc hợp nhất thành công Vilico vào đầu năm 2017 dẫn đến việc Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu gián tiếp trở thành công ty con của GTNfoods sẽ đưa về cho toàn Hệ thống một mức doanh thu và lợi nhuận cao

từ mảng sản xuất kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa.

**Mảng sản xuất kinh doanh Chè:** Vinatea trong năm 2017 sẽ được hưởng lợi nhuận cao do kết quả từ việc phát triển thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm đem lại lợi nhuận gộp tốt hơn và quá trình tái cơ cấu giúp cắt giảm chi phí quản lý mà GTNfoods đang thực hiện tại Công ty. Dự kiến.

**Mảng Chăn nuôi:** Hoạt động chăn nuôi lợn tại Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP ("Vilico") với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh rất khả quan năm 2016 hứa hẹn sẽ tiếp tục được duy trì để đem về nguồn doanh thu và lợi nhuận hợp nhất tốt cho toàn Hệ thống.

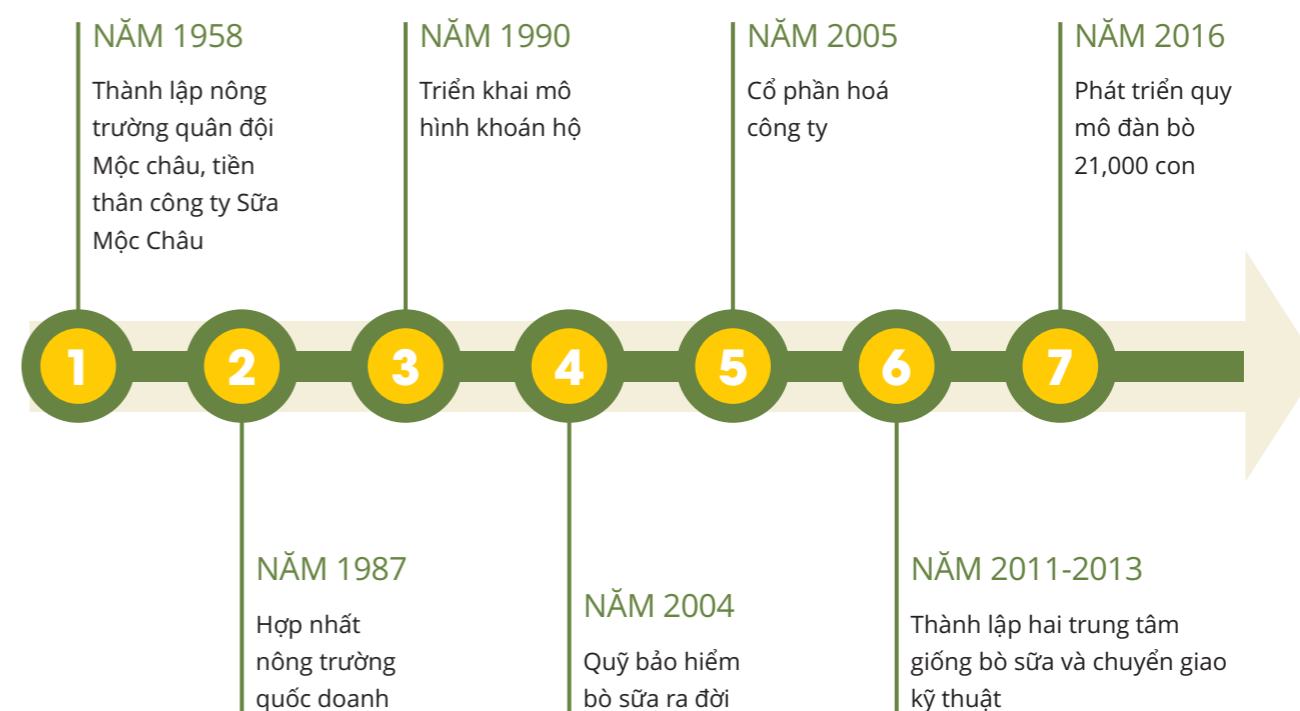
# CÁC MẢNH KINH DOANH CHÍNH

## MỘC CHÂU MILK

Công ty Cổ Phần Giống bò sữa Mộc Châu ("Mộc Châu Milk") tiền thân là Nông trường Quân đội Mộc Châu được thành lập từ năm 1958, chỉ với 100 con bò "nội", 24 con bò cho sữa do các chiến sĩ sư đoàn 355 đi mở rộng làm kinh tế vùng Tây Bắc. Với mục tiêu "Đi cùng người nông dân phát triển kinh tế và sản xuất sữa bò" cùng cam kết mang tới nguồn sữa thực- sạch tận gốc đến với người tiêu dùng, Công ty sữa Mộc châu liên tục phát triển, mở rộng, lớn mạnh trở thành một trong 4 công ty sữa lớn trên thị trường Việt Nam.

Ở Việt Nam, một nước có khí hậu nhiệt đới với nhiệt độ không khí thường trên 25 độ C, độ ẩm trên 80%, không thích hợp với việc chăn nuôi bò sữa. Tuy

nhiên, thiên nhiên lại ban tặng cho Mộc Châu (Sơn La) một kiểu khí hậu đặc thù như các khu vực ôn đới với nhiệt độ không khí khoảng 15-20 độ C và độ ẩm dưới 60%, cho phép phát triển các đàn bò sữa và những cánh đồng cỏ trên thảo nguyên bao la. Mộc Châu Milk đã khéo léo khai thác toàn bộ lợi thế về địa hình và khí hậu, chú trọng vào việc phát triển vùng nuôi trồng thức ăn chăn nuôi 1000 ha, xây dựng nhà máy thức ăn chăn nuôi, nhà máy chế biến sữa, các yếu tố kỹ thuật và dây chuyền sản xuất đồng bộ, tạo thành một chuỗi cung ứng khép kín đồng bộ, mang lại những sản phẩm tốt nhất cho thị trường. Ngày nay, Công ty đang sở hữu số lượng đàn bò sữa lên tới hơn 21.000 con với tổng sản lượng sữa tối đa lên tới 100.000 tấn/năm.

**CÁC CỘT MỐC CHÍNH**




**HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

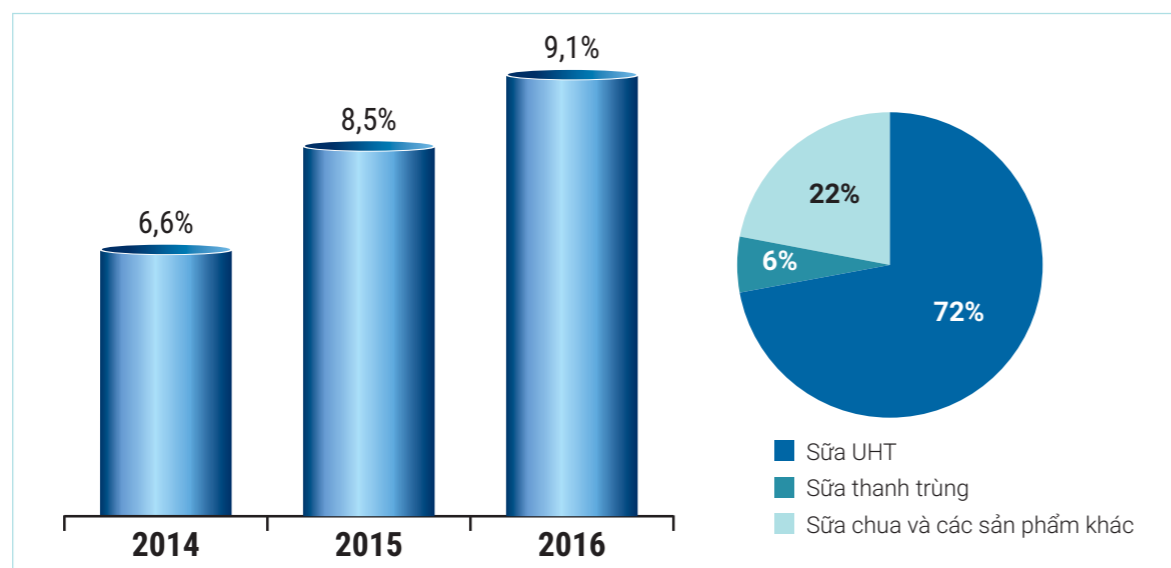
Trong 2016, Công ty sữa Mộc Châu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ : Doanh số đạt 2.300 tỉ, tổng số đàn bò lên tới 21.000 con, tổng sản lượng sữa đạt 100.000 tấn, tung ra thị trường sản phẩm mới, ổn định về mặt sản xuất và cổ phần hoá 100%, không còn vốn nhà nước.



**TÀI CHÍNH:**

Đơn vị (tỷ VNĐ)	2014	2015	2016
Vốn điều lệ	368	568	568
Doanh thu	2.016	2.106	2.280
Lợi nhuận gộp	270	339	431
Lợi nhuận thuần	139	180	203
Tổng tài sản	882	947	1.063
Vốn sở hữu	610	662	709

**TỶ SUẤT LỢI NHUẬN THUẦN**



Với sự trang bị tốt nhất về thiết bị và kỹ thuật, thành tích về doanh số đạt gần 2.300 tỉ đồng, tăng năm 2016, Mộc Châu Milk đã tạo nên dấu ấn với trưởng 17% so với năm 2015.

**SẢN PHẨM**

Nhằm đảm bảo tốt nhất về chất lượng của sữa và các sản phẩm từ sữa, Công ty sữa Mộc Châu đang vận hành hai nhà máy sản xuất sữa với hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại của Tetra Pak - Một trong những công ty dẫn đầu thế giới về ngành công nghiệp sản xuất sữa và đóng gói

hai nhà máy sản xuất sữa và một nhà máy sản xuất thức ăn gia súc với hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại của Tetra Pak - Một trong những công ty dẫn đầu thế giới về ngành công nghiệp sản xuất sữa và có mặt trên 165 quốc gia. Nhà máy này có 6 lines sản xuất sữa UHT và 2 lines sản xuất sữa chua và sữa thanh trùng với năng suất hơn 200 tấn/ngày.

Từ đó, các sản phẩm của công ty sữa Mộc châu cũng phát triển đa dạng hơn với các sản phẩm chính sau:

**Sữa UHT:** (Không đường, có đường, vị socola, vị dứa, vị dâu, vị cam) : Được tiệt trùng ở nhiệt độ 140-150 độ C trong khoảng thời gian ngắn 3-5s. Sữa UHT có thời hạn sử dụng lên tới 6 tháng và bảo quản ở nhiệt độ thường.



**Sữa tươi thanh trùng( có đường và không đường ):** lấy nguyên liệu từ nguồn sữa tươi mới vắt, đem đun ở 82 độ C trong vòng 30s rồi làm lạnh ngay lập tức. Bằng cách này sữa được giữ nguyên vẹn dinh dưỡng, tự nhiên và trong lành. Tuy nhiên sản phẩm này có thời hạn sử dụng chỉ trong khoảng từ 7-10 ngày tại điều kiện nhiệt độ 3°C.



**Sữa chua:** Từ nguồn nguyên liệu sữa tươi được cho lên men với các chủng vi khuẩn có lợi cho đường ruột, sữa chua Mộc châu có thời hạn sử dụng lên tới 45 ngày.

**Sữa chua uống (hương dâu và hương cam):** Sữa tươi lên men tự nhiên, thời hạn sử dụng 6 tháng kể từ ngày sản xuất.



Các dòng sản phẩm khác như bơ và phô mai:

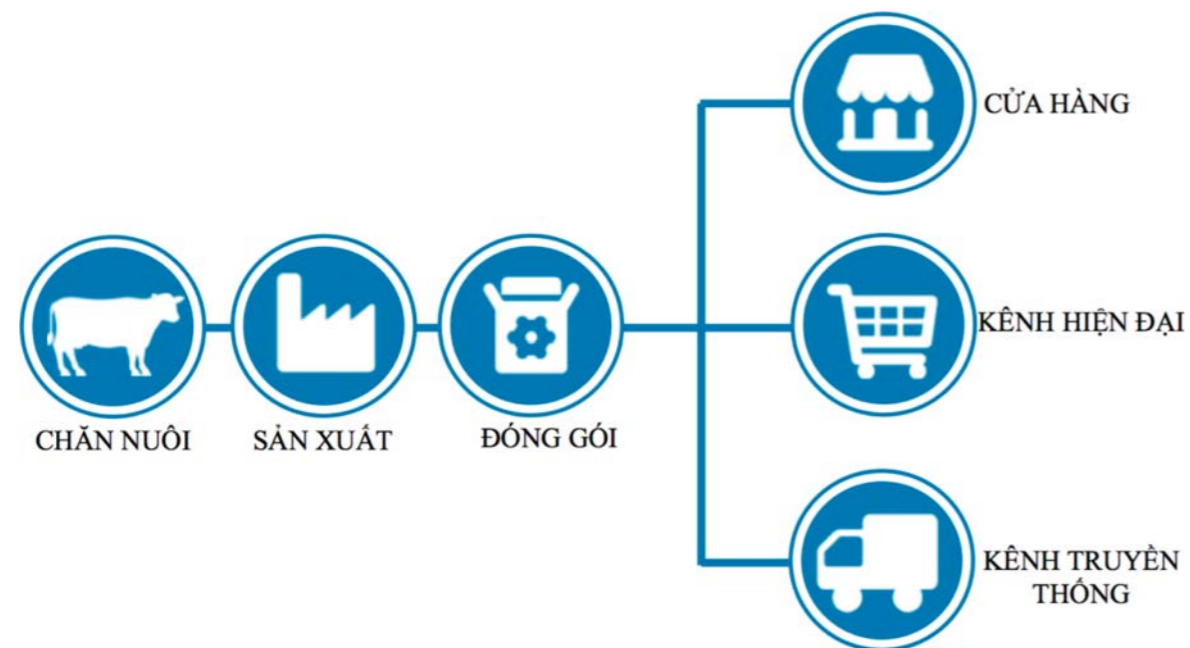




**HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mạng lưới phân phối sản phẩm của Mộc Châu Milk đã phát triển đội ngũ kinh doanh lên đến gần 800 người, 76 nhà phân phối ở khắp các tỉnh thành cả nước và hơn 50.000 điểm bán hàng.

Bên cạnh đó, công ty còn tạo công ăn việc làm ổn định cho gần 1000 công nhân nhà máy và hơn 600 hộ nuôi bò địa phương.



**HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI**

Ngoài việc nâng cao dây chuyền sản xuất và kỹ thuật, Mộc Châu Milk còn có những hoạt động văn hóa truyền thống nổi bật, thúc đẩy tinh thần người lao động và tạo nên dấu ấn riêng biệt của thương hiệu Sữa Mộc Châu. Điển hình là Cuộc Thi “Hoa Hũ Bò Sữa” được tổ chức vào tháng 10 hàng năm, thu hút đông đảo người dân- khách du lịch trong và ngoài nước. Cuộc thi này đã có lịch sử hơn 12 năm qua và luôn là một ngày hội lớn của toàn Thị Trấn Nông Trường Mộc Châu- Sơn La.

tươi thanh trùng, tiệt trùng, bánh sữa và các loại sản phẩm khác; Các công trình nghiên cứu công nghệ sản xuất bảo quản sữa tươi, cùng các phương pháp tổ chức chăn nuôi bò sữa...

Mộc Châu Milk- “Thảo nguyên xanh- sữa mát lành” đã trở thành một biểu tượng cho niềm tự hào của người dân Mộc Châu- Sơn La và là đơn vị đóng góp rất nhiều vào sự phát triển của đất nước, con người Việt Nam.

Bên cạnh đó, những chương trình tình nguyện, thiện nguyện, chia sẻ hoàn cảnh khó khăn với người dân vùng cao luôn là những hoạt động mang lại hình ảnh tốt đẹp về công ty với người tiêu dùng.

Với tất cả sự nỗ lực, kiên trì và đồng nhất giữa doanh nghiệp và người dân, Mộc Châu Milk đã giành được nhiều giải thưởng vinh quang, như: “Quả cầu Bạc”- Giải thưởng chất lượng cao Việt Nam 2001; Giải “Sao Vàng Đất Việt” năm 2003 do Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường trao tặng; Giải Cúp Sen Vàng; Huy chương vàng, bạc, giấy khen các loại; Các giải thưởng dành cho các sản phẩm sữa





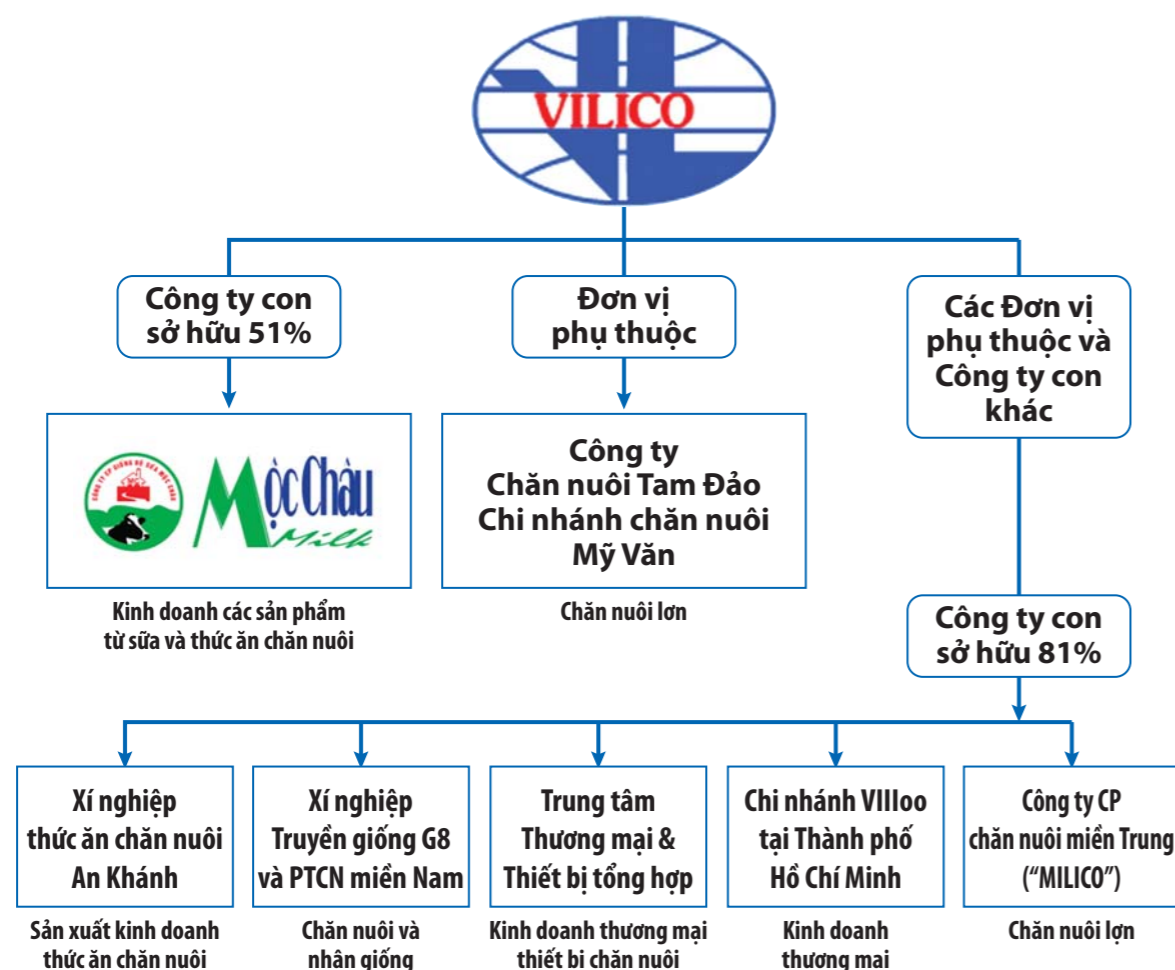
## CÁC MẢNH KINH DOANH CHÍNH

# VILICO

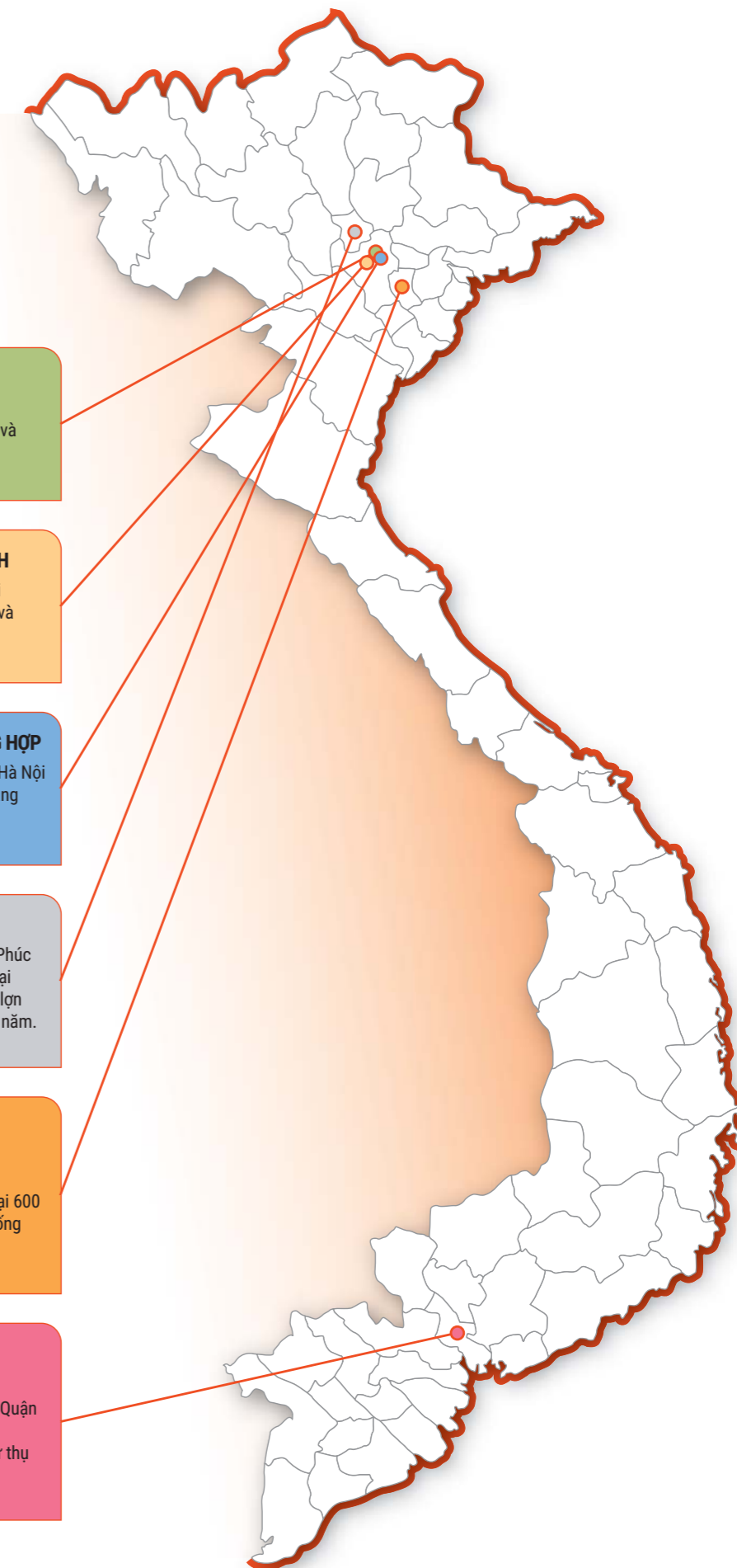
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam ("Vilico") được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21/06/1996 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn dựa trên sự hợp nhất của nhiều đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, khoa học - kỹ thuật... hoạt động trong ngành chăn nuôi nhằm thực hiện việc tập trung, phân công chuyên môn hóa, hợp tác kinh doanh nhằm nâng cao khả năng kinh doanh và hiệu quả kinh tế, đáp

ứng nhu cầu phát triển của ngành chăn nuôi Việt Nam. Trong hơn 20 năm phát triển và chuyển mình từ hình thức doanh nghiệp nhà nước đến khi chính thức trở thành Công ty Cổ phần năm 2013, Vilico luôn đóng vai trò là doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn, gà, bò sữa..., là lực lượng nòng cốt cùng với các tổng công ty nhà nước khác đóng góp trong tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, bảo đảm các sản phẩm quan trọng của nền kinh tế Việt Nam.

### CƠ CẤU TỔNG CÔNG TY



### CƠ SỞ VẬT CHẤT



#### TRỤ SỞ VĂN PHÒNG CÔNG TY

Địa chỉ: 519 Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
 Hoạt động: Trụ sở điều hành sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu  
 Diện tích: 1.761m<sup>2</sup>

#### XÍ NGHIỆP THỨC ĂN CHĂN NUÔI AN KHÁNH

Địa chỉ: Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Hà Nội  
 Hoạt động: Gia công, sản xuất thức ăn chăn nuôi và cho thuê kho bãi  
 Diện tích: 12.977,7m<sup>2</sup>

#### TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ TỔNG HỢP

Địa chỉ: Số 6 Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
 Hoạt động: Kinh doanh, gia công vật tư thiết bị trang trại chăn nuôi và nhà xưởng  
 Diện tích: 3.658m<sup>2</sup>

#### CÔNG TY CHĂN NUÔI TAM ĐẢO

Địa chỉ: Xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc  
 Hoạt động: Chăn nuôi lợn, sở hữu đàn lợn nái ngoại 3.000 con, tiêu thụ chủ yếu sản phẩm lợn choai thương phẩm, đạt 55.000 con 1 năm.  
 Diện tích: 756.151m<sup>2</sup>

#### CHI NHÁNH CHĂN NUÔI MỸ VĂN

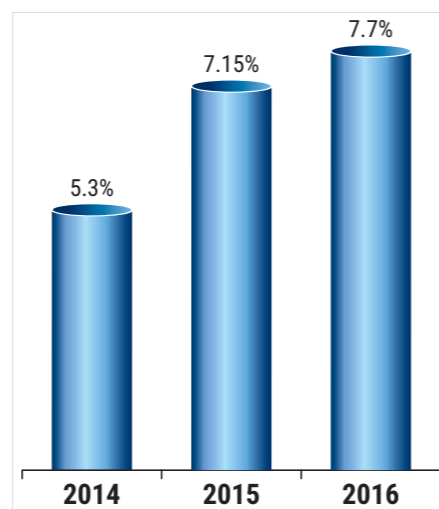
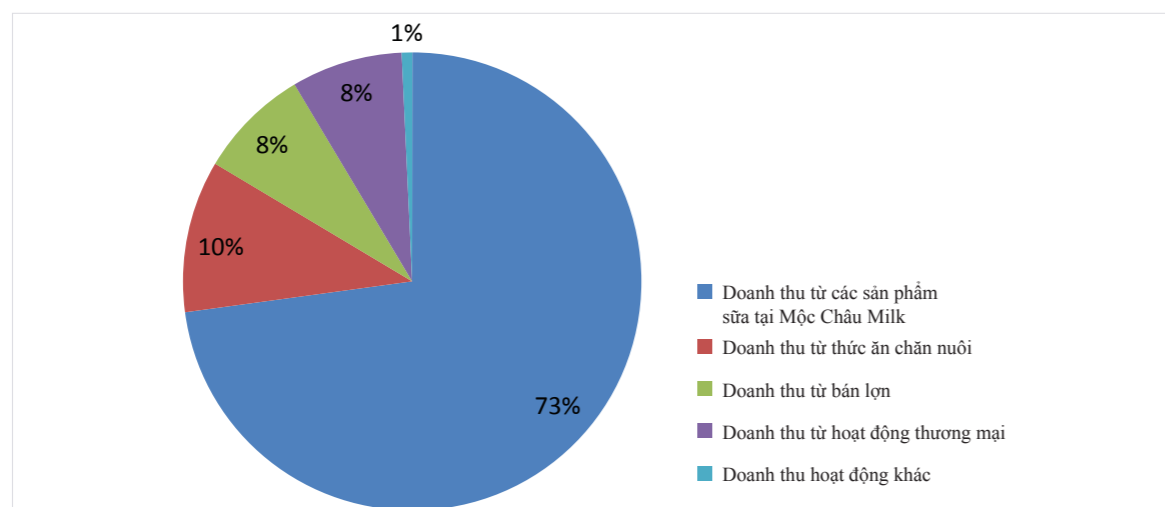
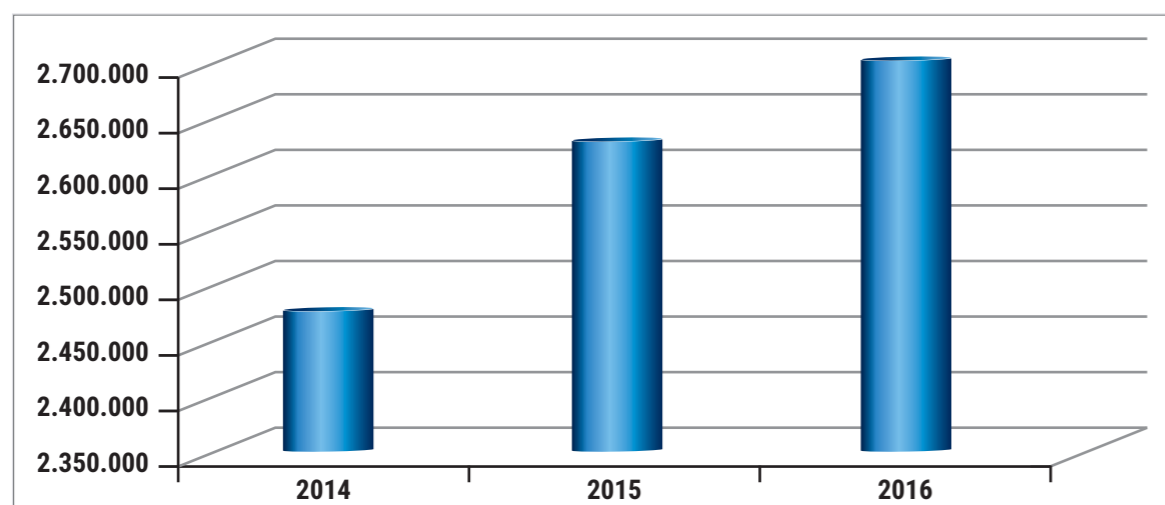
Địa chỉ: Xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên  
 Hoạt động: chăn nuôi lợn, sở hữu đàn lợn nái ngoại 600 con, tiêu thụ chủ yếu sản phẩm lợn giống sau cai sữa, đạt 11.500 con 1 năm.  
 Diện tích: 249.589m<sup>2</sup>

#### XÍ NGHIỆP TRUYỀN GIỐNG GIA SÚC VÀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI MIỀN NAM

Địa chỉ: 42/18 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 1, Quận Gò Vấp, TP.HCM  
 Hoạt động: Mua bán tinh gia súc đông lạnh, vật tư thụ tinh, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi...  
 Diện tích: 1.104,74m<sup>2</sup>

**HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

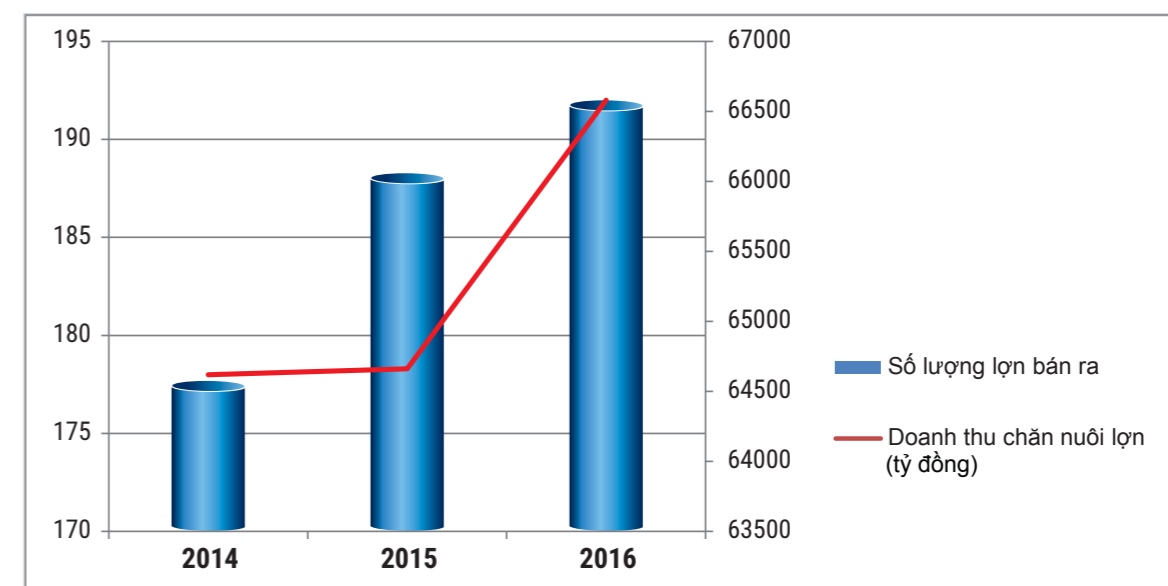
Tỷ VND	2014	2015	2016
Vốn điều lệ	631	631	631
Doanh thu	2.493	2.640	2.713
Lợi nhuận gộp	286	374	472
Lợi nhuận thuần	132	189	214
Tổng tài sản	1.371	1.454	1.607
Tổng nguồn vốn	1.082	1.171	1.251
Tỷ suất Lợi nhuận thuần	5.3%	7.15%	7.7%

**TỶ SUẤT LỢI NHUẬN THUẦN**

**2016**

**TỔNG DOANH THU**

**HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI LỢN**

Với lịch sử lâu đời phát triển trong ngành chăn nuôi, hai cơ sở Công ty Chăn nuôi Tam Đảo và Chi nhánh Chăn nuôi Mỹ Văn đã tận dụng được các lợi thế về kinh nghiệm lâu năm và các điều kiện môi trường, địa điểm phù hợp tại cơ sở để duy trì phát triển và đạt được những thành quả nhất định. Quy trình chăn nuôi thú y được thực hiện nghiêm túc; công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng, kiểm soát và ngăn ngừa được dịch bệnh; Các chỉ tiêu kỹ thuật đã được cải thiện tốt hơn theo thời gian; Xây dựng được nguồn khách hàng truyền thống là vùng Ngọc Lũ - Bình Lục - Hà Nam để xuất bán cho Trung Quốc; Sản phẩm tiêu thụ ổn định, ít gặp tình trạng lợn tồn hay sản phẩm bị ứ đọng.


**TAM ĐẢO & MỸ VĂN**

Tổng diện tích	<b>100 ha</b>
Trong đó: Diện tích trang trại và văn phòng	<b>85 ha</b>
Số lợn nái	<b>3600 con</b>
Số lợn đực làm việc	<b>150 con</b>
Giống lợn	<b>Yorkshires, Landrace &amp; Duroc</b>
Nguồn gốc	<b>England, Canana &amp; USA</b>
Số lượng công nhân viên	<b>220</b>

**2016**




Năm 2016 là một năm thành công vượt kỳ xa kế hoạch, lợi nhuận thuần đạt trên 25 tỷ đồng đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay, nguyên nhân do thị trường và giá bán sản phẩm chăn nuôi lợn có nhiều thuận lợi khi nhu cầu từ thị trường Trung Quốc tăng mạnh, đội ngũ lãnh đạo nhanh nhạy nắm bắt được tín hiệu thị trường để đưa ra các kế hoạch chiến lược phù hợp, giúp Công ty hưởng được lợi nhuận cao nhất từ đà tăng của thị trường.

**ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN**

Theo Cục chăn nuôi, Bộ NN&PTNT, số liệu thống kê đến tháng 11/2016, tổng đàn lợn của Việt Nam là gần 27 triệu con. Theo số liệu do Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO), Việt Nam có một trong ngành chăn nuôi heo lớn trên thế giới khi đứng trong top 5 về tổng đàn. Tuy nhiên, ngành chăn nuôi tại Việt Nam chỉ nhập khẩu thịt là chính, còn xuất khẩu lại không nhiều, bị ảnh hưởng nhiều bởi thị trường tiêu thụ tại Trung Quốc. Trong thời gian gần đây, nhu cầu tiêu thụ thịt heo tại Trung Quốc đang tạo đà tăng trưởng cho ngành chăn nuôi heo trên toàn thế giới nhưng đằng sau sức tăng trưởng “NÓNG” này lại tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ rủi ro cao. Trong khi đó, tại thị trường nội địa, nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng cao do thu nhập của người dân được nâng lên, nhận thức trong tiêu dùng cũng đang được thay đổi, thói quen dùng “thịt tươi” cũng giảm dần tạo đà cho chăn nuôi quy mô lớn, theo chuỗi khép kín phát triển.

Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Vilico, kết hợp cùng với sự hỗ trợ của GTNfoods về tài chính và nhân sự quản lý và của nhà đầu tư chiến lược, Hanil Feed Co.,Ltd về chuyển giao công nghệ cải tiến sản xuất, đang xây dựng và thực hiện những kế hoạch tham vọng để từng bước cải tiến, tập trung phát triển theo quy mô lớn, đưa ra các hướng đi phù hợp tạo sức mạnh cạnh tranh tấn công chiếm lĩnh thị trường nội địa, với các mục tiêu cụ thể theo từng bước như sau:

- Tập trung đầu tư để xây dựng cơ cấu đàn giống đa nguồn gen, có năng suất, chất lượng tốt; Nâng cao năng suất, chất lượng đảm bảo sản phẩm đủ sức cạnh tranh với các thị trường tiêu thụ khác nhau như xuất bán nội địa, xuất cho Trung Quốc hay nuôi thịt và giết mổ chế biến...;
- Xây dựng riêng biệt các khu chăn nuôi đàn giống GGP, GP theo hướng hiện đại, đồng bộ để theo dõi, quản lý chặt chẽ chính xác hơn.
- Đầu tư xây mới các trại chăn nuôi quy mô lớn theo quỹ đất sẵn có để nâng quy mô tổng đàn;
- Đầu tư xây mới 1 trại chăn nuôi lợn thịt; Đầu tư xây dựng nhà máy giết mổ và chế biến; Hoàn thành chuỗi sản xuất khép kín, đa dạng sản phẩm (lợn thịt, thịt lợn và các sản phẩm từ thịt lợn); Đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu của thị trường tiêu dùng nội địa cũng như xuất khẩu.



**CÁC MẢNH KINH DOANH CHÍNH**

**VINATEA**

Tổng công ty chè Việt Nam - Công ty cổ phần (Vinatea) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập từ năm 1973. Thực hiện việc chuyển đổi mô hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần theo quyết định 864 của Thủ Tướng Chính phủ, Vinatea chính thức chuyển đổi mô hình thành công vào tháng 12/2015.

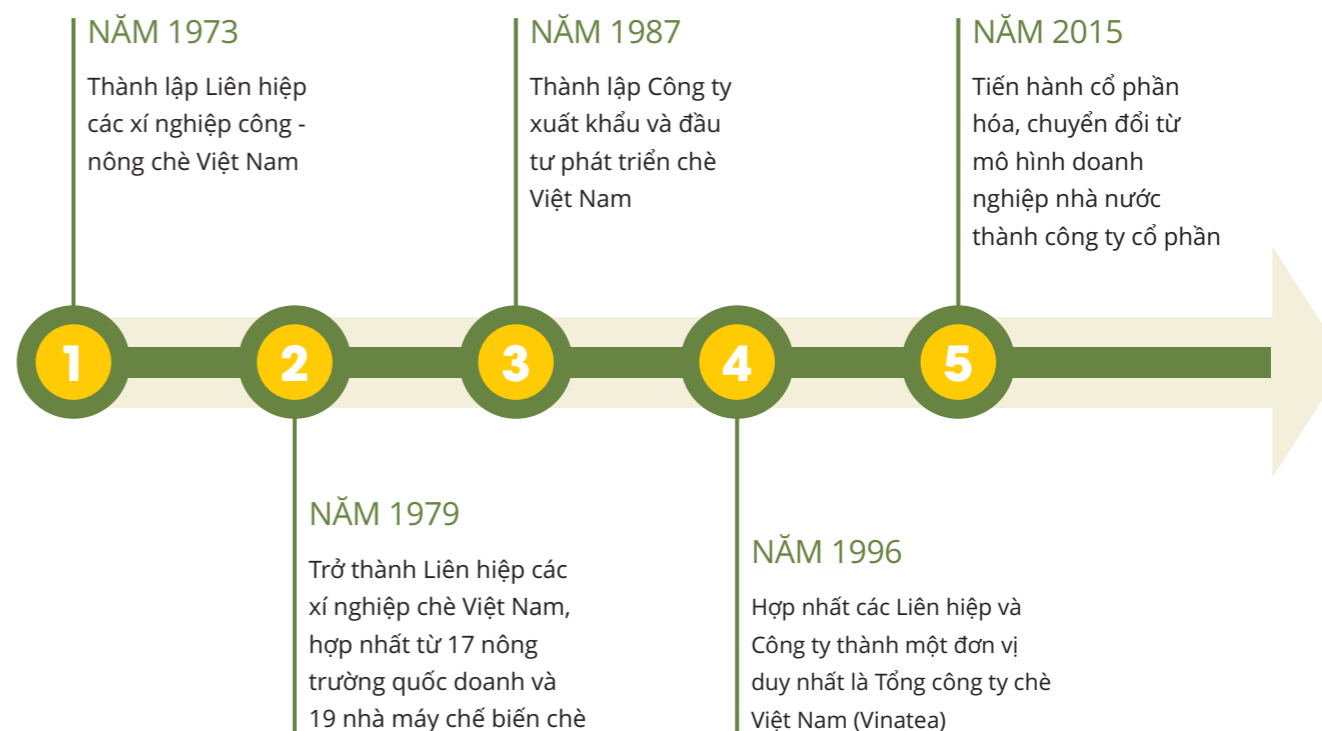
doanh hoàn chỉnh cùng đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn và nhiều năm kinh nghiệm làm chè, đồng thời là doanh nghiệp có quy mô và địa bàn hoạt động lớn nhất trong ngành chè Việt Nam.

**Các sản phẩm chè rời và chè túi lọc của Vinatea bao gồm:**

- Chè xanh chế biến theo công nghệ CTD;
- Chè Sencha Nhật Bản;
- Chè đen chế biến theo công nghệ Orthodox, CTC;
- Chè Oolong, chè Pouchung, chè Gunpowder
- Các loại chè thảo dược, chè ướp hương hoa quả.

Vinatea là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam sở hữu các vườn chè tập trung rộng lớn có năng suất cao, chất lượng tốt, các nhà máy chế biến hiện đại, hệ thống phụ trợ và phục vụ sản xuất kinh

**CÁC CỘT MỐC CHÍNH**





**CÁC TÀI SẢN/VÙNG NGUYÊN LIỆU**

Vinatea hiện sở hữu vùng nguyên liệu lớn nhất Việt Nam với 4.700 hecta đồi chè và khu sản xuất, tập trung chủ yếu tại Mộc Châu (1.138 ha) và Phú Đa (2.000 ha) với quy trình khép kín từ những dây cây chè cho đến các sản phẩm trà cuối cùng đến tay người tiêu dùng, được củng cố bằng mối quan hệ cộng sinh bền chặt giữa các nhà máy chế biến chè và người nông dân với mô hình khoán hộ đã được áp dụng hiệu quả qua nhiều thập kỷ.

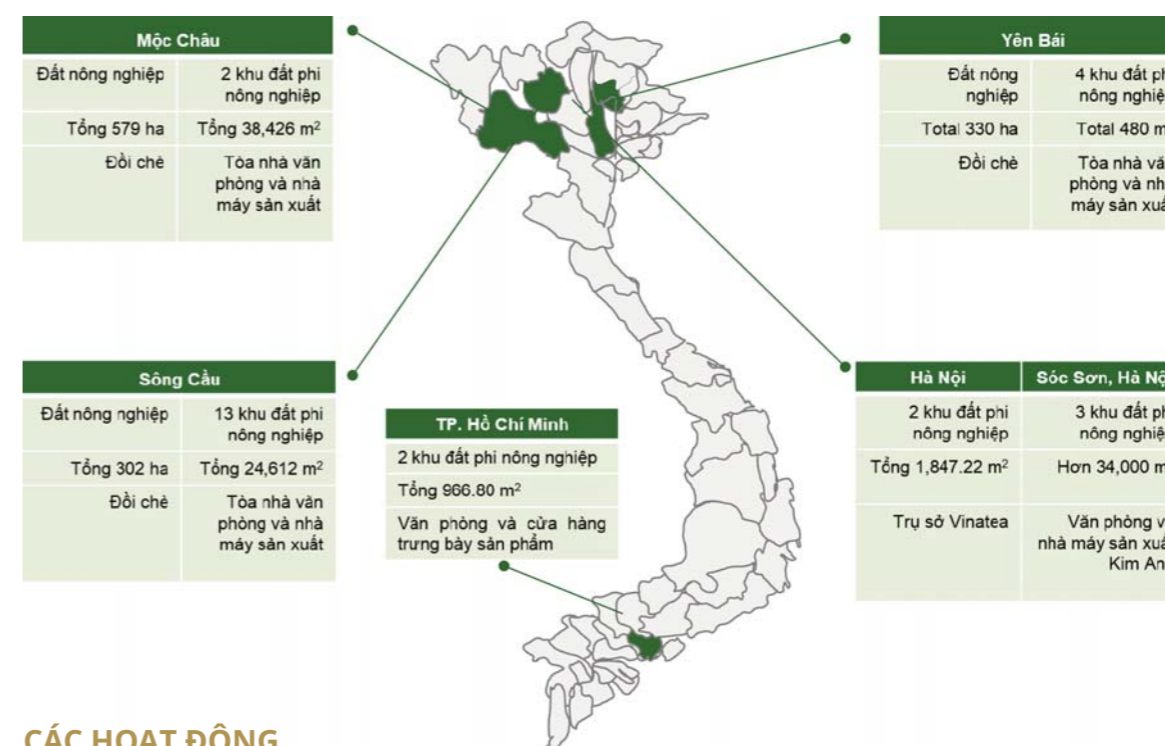
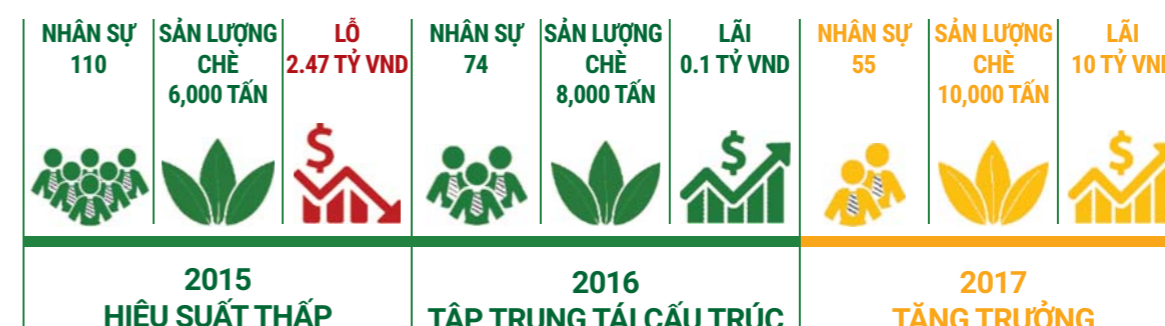
Thị trấn Nông trường Mộc Châu là ví dụ điển hình nhất cho thành công của sự gắn kết doanh nghiệp - nhà nông. Vị trí độc lập khép kín với các vùng lân cận cùng với thời tiết được thiên nhiên rất ưu ái đã bảo đảm cho việc nông dân luôn bán chè nguyên liệu cho nhà máy chế biến tại Mộc Châu với sản lượng và chất lượng tốt nhất và luôn duy trì ổn định. Mô hình tại Mộc Châu đã trở thành một hệ sinh thái kinh tế chuẩn mực cho các doanh nghiệp sản xuất chè: Doanh nghiệp sở hữu đất, hướng dẫn nông dân phát triển cây chè, hỗ trợ kỹ thuật, thu mua. Người nông dân thu hoạch chè khi đến vụ để bán làm nguyên liệu cho Công ty chè Mộc Châu của Vinatea theo hợp đồng ràng buộc chặt chẽ. Công ty chè Mộc Châu đảm bảo giá thu mua có lãi, tạo công ăn việc làm cho rất nhiều hộ nông dân. Vùng nguyên liệu đảm bảo cho Vinatea chiến thắng một cuộc chơi dài hạn hướng đến sản xuất quy mô lớn với chi phí thấp, hệ sinh thái khép kín, nguồn gốc đơn nhất, có chỉ dẫn địa lý, và kiểm soát hoàn toàn



nguồn cung nguyên liệu đặc biệt là về chất lượng.

Vinatea sở hữu 10 nhà máy chế biến chè đặt tại vị trí trung tâm của các vùng trồng chè, tập trung sản xuất bốn loại thành phẩm bao gồm trà ô long, trà xanh, Sencha và trà đen, với ít nhất sáu loại phẩm cấp khác nhau chính xác theo các đơn đặt hàng của đối tác trong nước và quốc tế. Tổng diện tích nhà máy và văn phòng trên 140.000m<sup>2</sup>, bao gồm 34.000m<sup>2</sup> tại Nhà máy chè Kim Anh, đặt tại Mai Đình - Sóc Sơn, gần sân bay Nội Bài, Hà Nội với quy mô kho chứa hơn 5.000 tấn, tập trung sản xuất các sản phẩm trà rời và trà túi lọc mang thương hiệu Vinatea với công suất ban đầu 10.000 hộp/ngày, công suất tối đa 19.000 hộp/ngày phục vụ cho thị trường nội địa.

Hình thức nhà máy	Địa danh	Số lượng nhà máy	Công suất nhà máy	Diện tích	Diện tích vùng trồng	Số công nhân	Công suất kho	Loại trà sản xuất
Chi nhánh	Mộc Châu	3 nhà máy (3 dây chuyền)	120 tấn/ngày	35.426 m <sup>2</sup>	1.138	300	1.000 tấn	Trà xanh Trà ô long
	Sông Cầu	1 nhà máy (2 dây chuyền)	40 tấn/ngày	14.299 m <sup>2</sup>	300	100	500 tấn	Sencha Trà xanh
	Yên Bái	1 nhà máy (2 dây chuyền)	40 tấn/ngày	21.980 m <sup>2</sup>	400	100	500 tấn	Trà đen Trà xanh
Công ty con	Nghĩa Lộ	1 nhà máy (2 dây chuyền)	40 tấn/ngày	5.000 m <sup>2</sup>	700	200	500 tấn	Trà đen Trà xanh
	Liên Sơn	1 nhà máy (2 dây chuyền)	40 tấn/ngày	5.000 m <sup>2</sup>	700	200	500 tấn	Trà đen Trà xanh
Công ty liên kết	Phú Đa	3 nhà máy	180 tấn/ngày	18.000 m <sup>2</sup>	2.000	450	500 tấn	Trà đen

**VỊ TRÍ CÁC NHÀ MÁY CHÈ VÀ VĂN PHÒNG VINATEA**

**CÁC HOẠT ĐỘNG**
**A. TÁI CẤU TRÚC**




Ban lãnh đạo và Hội đồng Quản trị Vinatea đã đặt ra tiến trình tái cấu trúc kéo dài hai năm, trong đó:

**2016 - Tái cấu trúc mạnh:**

- Nâng cao chất lượng hệ thống nhân sự
  - Tinh gọn nhân sự khối văn phòng, các đơn vị gián tiếp.
  - Đào tạo và xây dựng đội ngũ bán hàng & marketing chuyên nghiệp.
  - KIỆN TOÀN Bộ máy lãnh đạo
  - Thay đổi cơ cấu lãnh đạo, thêm đội ngũ có năng lực và kinh nghiệm quốc tế.
  - Thay đổi nhân sự cấp cao quản lý thương hiệu & marketing.
- Hoạt động sản xuất:
  - Ra mắt sản phẩm đóng gói trà túi lọc, trà rời cho thị trường nội tiêu.
  - Mua dây chuyền mới, tăng công suất nhà máy chè Kim Anh.
  - Bảo đảm vùng nguyên liệu, quản lý canh tác giảm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật

- Theo đuổi các chứng chỉ Global G.A.P, Fair Trade và Rainforest Alliance xuất khẩu sang thị trường châu Âu và Mỹ.
- Hoạt động thương hiệu & marketing:
  - Tổ chức thành công sự kiện “Điều kỳ diệu thiên nhiên ban tặng”, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới.
  - Xây dựng kế hoạch 3 năm về chiến lược thương hiệu & marketing.
- Kênh phân phối
  - Xây dựng lại hệ thống phân phối.
  - Đưa sản phẩm mới tiếp cận 109 siêu thị và hệ thống siêu thị trên toàn quốc.

**2017 - Tiếp tục theo đuổi:**

- Tinh giản bộ máy nhân sự.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhằm tăng tốc độ xử lý công việc & giảm chi phí.
- Mở rộng quy mô sản xuất.
- Ra mắt 4 sản phẩm trà thượng hạng cho phân khúc cao cấp.



**B. XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU**



Năm 2016 đánh dấu bước đi đầu tiên của Vinatea với bộ máy lãnh đạo mới trong quá trình xây dựng thương hiệu, bắt đầu bằng việc xây dựng bộ nhận diện thương hiệu mới và định vị lại thương hiệu Vinatea so với các doanh nghiệp chè khác trên thị trường. Logo mới của Vinatea đã truyền tải được toàn bộ định hướng của công ty và kỳ vọng của ban lãnh đạo về việc xác lập một vị trí khác biệt, dựa trên cơ sở lịch sử hoạt động lâu đời với giai đoạn rất dài xây dựng và dẫn dắt ngành chè tại Việt Nam.

Cùng với việc ra mắt logo và nhận diện thương hiệu mới, Vinatea đã tổ chức sự kiện ngày 25/11/2016 với chủ đề “Điều kỳ diệu thiên nhiên ban tặng” tại Hà Nội, giới thiệu đến công chúng những kết quả đầu tiên của cuộc đổi mới toàn diện và đánh dấu cột mốc đầy ý nghĩa cho quá trình thực thi chiến lược kinh doanh mới. Sáu sản phẩm trà túi lọc và bốn sản phẩm trà thượng hạng được chăm chút từ hình ảnh đến chất lượng được chính thức ra mắt trong sự kiện này là thành tựu thể hiện cho năng lực cách tân mạnh mẽ của Vinatea. Đây cũng được đánh giá là một trong những sự kiện lớn nhất của ngành trà tại Việt Nam trong nhiều năm trở lại đây.

**C. NỘI TIÊU**

Trà xanh Thái Nguyên: được tuyển chọn và sản xuất tại nhà máy của Vinatea trên dây chuyền Nhật Bản, kết hợp với Trà xanh Thái Nguyên truyền thống giúp người thưởng gần gũi như đang uống trà ấm pha tại nhà mình.

Trà xanh Thái Nguyên Hương nhài: được tuyển chọn và sản xuất tại nhà máy của Vinatea trên dây chuyền Nhật Bản giữ nguyên được vị hậu ngọt đặc trưng, ướp hoa nhài theo phương pháp truyền thống cho hương thơm bền và nồng nàn tự nhiên.

Trà Anh quốc Vinatea: mang phong vị Anh đậm đà, thoảng hương tự nhiên và còn tuyệt hơn khi pha







thêm chanh, đường hoặc sữa sẽ là sự lựa chọn hoàn hảo cho mọi khởi đầu. Nguyên liệu trà đen hảo hạng cho màu nước nâu đỏ đặc trưng.

Trà hoa Cúc: Hoa kim cúc là một trong các dược liệu quý của Đông Y, giúp sáng mắt, nhuận gan, an thần. có tác dụng thanh nhiệt, chống lão hóa, ngăn ngừa và cải thiện tình trạng khô mắt, mỏi mắt.

Sự kết hợp giữa Hoa Cúc sạch và Hồng Trà cùng các loại thảo dược tự nhiên đem đến màu nước và hương vị hoàn hảo thuyết phục người thưởng từ ngậm trà đầu tiên.

Hương thơm tự nhiên của hoa Cúc hòa vị mật ngọt dịu xua tan đi căng thẳng của một ngày làm việc vất vả.

Trà gừng: Thường thức vị gừng mà không lo bị nóng, không ngại cơ thể phải tiếp nhận một lượng đường lớn như những sản phẩm Trà gừng thông thường.

Sự kết hợp hoàn hảo giữa Trà và gừng ta Hà Giang cùng các loại dược liệu không chỉ là một loại thuốc chữa cảm lạnh và ho, các chất dinh dưỡng trong gừng còn giúp hỗ trợ hệ tiêu hóa, hạn chế sự thèm ăn. với thành phần trà xanh giàu chất oxy hóa, vitamin, chất khoáng giúp thúc đẩy sự trao đổi trong cơ thể. đem đến cho người thưởng hương vị tự nhiên, giúp sáng khoái tinh thần bất kỳ lúc nào trong ngày.

Trà ngủ ngon: Một tuyệt phẩm của Vinatea làm thay đổi quan niệm về uống trà là mất ngủ, trà Ngủ ngon đồng thời là câu trả lời của Vinatea cho việc làm thế nào để dễ ngủ mà không cần sự can thiệp của thuốc. Hương thơm nồng nàn của các loại dược liệu quý với mùi vị ngon đặc trưng dễ uống giống như thưởng thức loại đồ uống ưa thích ngay tại nhà sẽ đem đến giấc ngủ một cách tự nhiên không gây mệt và bảo đảm an toàn cho sức khỏe.

**D. XUẤT KHẨU**

**CHÈ ĐEN**



**CHÈ XANH**



Chè của Vinatea đã có độ phủ phần lớn diện tích châu Á, Đông Âu và thậm chí đã có mặt tại một số thị trường khắt khe về chất lượng như thị trường Đức tại Tây Âu. Tuy nhiên phần lớn thị trường châu Âu vẫn còn bỏ ngõ, trong khi thị trường châu Mỹ và châu Úc vẫn hoàn toàn để trống mặc dù đây là các quốc gia tiêu thụ chè lớn nhất thế giới với giá mua cao nhất, đặc biệt là Anh, Phần Lan, Pháp, Mỹ.

Phần lớn quy mô tiêu thụ chè của Châu Âu phụ thuộc vào hoạt động nhập khẩu. Theo số liệu từ CBI thuộc Bộ Ngoại giao (EU), tổng sản lượng tiêu thụ chè 2016 của Châu Âu là khoảng 342 nghìn tấn, trong đó giá chè nhập khẩu có mức tăng trung bình 3.5%/năm. 47.6% sản lượng chè được nhập khẩu vào châu Âu hiện nay đến từ các nước Kenya (21.3%), Ấn Độ (11.8%), Trung Quốc (8.4%), Sri Lanka (6.1%). Tuy nhiên số liệu từ CIB cũng cho thấy châu Âu đang có xu hướng giảm nhập khẩu chè từ các nước này.

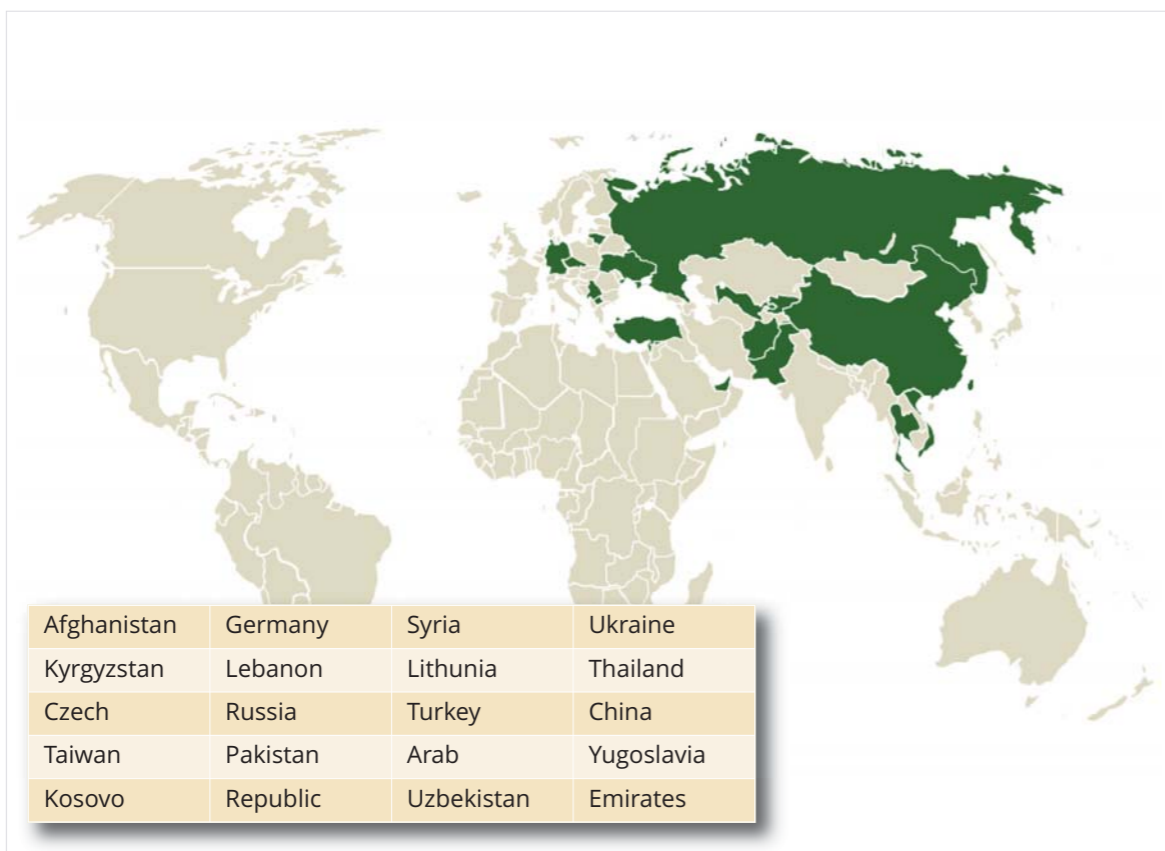
Ngoài việc tập trung vào các dòng trà hộp ra mắt thị trường nội địa, Vinatea vẫn duy trì mảng sản xuất và chế biến trà nguyên liệu quy mô lớn. Công ty vẫn duy trì sản lượng các loại chè thành phẩm thô để đáp ứng các đơn hàng lớn quốc tế, chủ yếu là chè xanh và chè đen với phẩm cấp và phương pháp chế biến khác nhau.

Lý do chính của sự suy giảm này là do thay đổi về xu hướng thay đổi khẩu vị dùng chè. Thay vào đó, châu Âu đang tìm kiếm các loại chè ngon với mùi vị đặc trưng từ Việt Nam, Lào, Java, Sri Lanka và Columbia để bù đắp sản lượng chè thiếu hụt. Đây là cơ hội thâm nhập vào thị trường châu Âu cho Vinatea trong tương lai.





**ĐỘ PHỦ CỦA CHÈ VINATEA TRÊN CÁC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI**



**E. TÀI CHÍNH**

Sau một năm chính thức trở thành công ty cổ phần với việc tái cấu trúc mạnh mẽ, doanh thu năm 2016 của Vinatea tăng hơn 2 lần so với năm 2015, đạt gần 380 tỷ đồng. Doanh thu tài chính đạt gần 7 tỷ, tăng gấp 2.5 lần so với cùng kỳ năm trước do ngân hàng điều chỉnh tăng lãi suất tiền gửi tiết kiệm. Các khoản mục chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm rõ rệt so với năm 2015. Bước đầu công ty tái cấu trúc đạt hiệu quả, kết quả kinh doanh chuyển từ lỗ sang hoạt động có lãi.

Sức khỏe tài chính của Vinatea đã được cải thiện rõ rệt. Tiền mặt và tương đương tiền của công ty luôn được duy trì ở mức gần 30% tổng tài sản, bảo đảm không bị thiếu hụt vốn lưu động, không phát sinh nhu cầu đi vay, đặc biệt là trong các giai đoạn bước vào vụ sản xuất. Lượng hàng tồn kho duy trì ở mức trên 10% tổng tài sản để đáp ứng các đơn hàng phát sinh. ❖



**CÁC MẢNH KINH DOANH CHÍNH**

**Ladofoods GROUP**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng - Ladofoods được kế thừa trên nền tảng xưởng rượu Lafaro của người Pháp, xây dựng và tích lũy từ thế kỷ 19, chuyên sản xuất các loại rượu dâu tằm, được ưa chuộng bởi người Đà Lạt trong thời tiết giá lạnh vùng cao nguyên.

Trong 25 năm phát triển, Ladofoods đã không ngừng thay đổi, chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước sang doanh nghiệp cổ phần, năng động bước vào thị trường mở cửa. Ngoài ra Ladofoods cũng thành công trong việc xây dựng thương hiệu Vang Đà Lạt, uy tín và tạo ấn tượng tốt đối với người tiêu dùng trong và ngoài nước. Mẫu mã và chất lượng sản phẩm của Vang Đà Lạt không ngừng thay đổi cải tiến để ngày càng tốt hơn, chuyên nghiệp hơn, cạnh tranh với các dòng vang nhập khẩu.

Không dừng ở đó, với định hướng bước vào thị trường vang thế giới, đầu năm 2015, Ladofoods đã

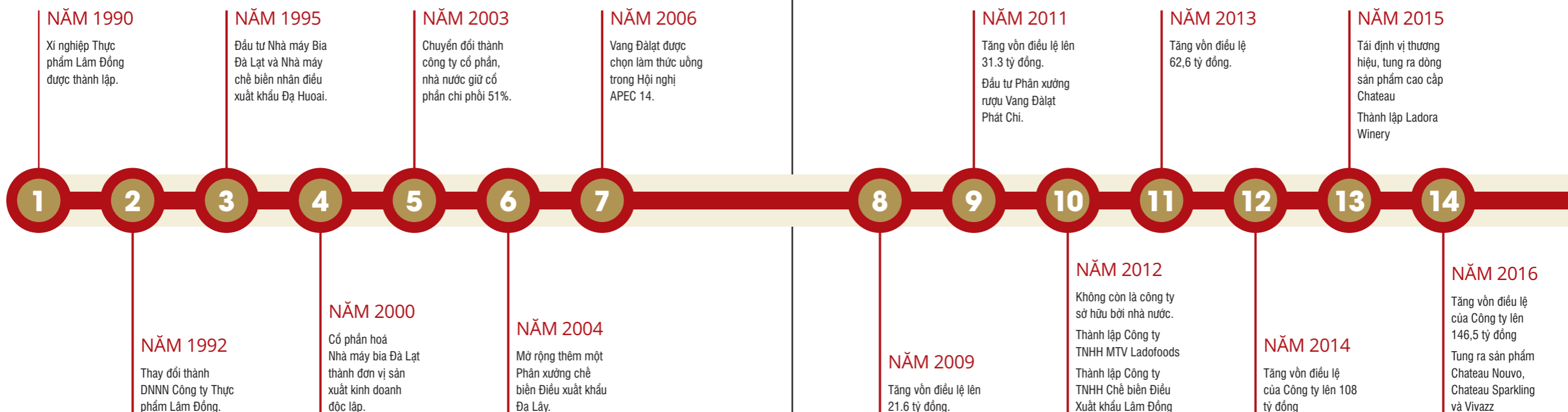
chính thức thành lập “Ladora Winery - Nhà làm vang chuyên nghiệp”. Bằng tư duy hoàn toàn mới, cùng sự thấu hiểu rằng mỗi loại nho và chủng nấm men sẽ tạo nên hương vị đặc trưng khác nhau cho vang. Ladora Winery đã dày công nghiên cứu, đưa về những giống nho phù hợp nhất với điều kiện thổ nhưỡng Việt Nam.

Ladofoods muốn mang đến cho người sành vang những chai vang tuyệt hảo sánh tầm đẳng cấp quốc tế, chứa đựng hồn phách tinh tế, lãng mạn của văn hóa cao nguyên Đà Lạt. Đó là sự kết hợp giữa kỹ thuật canh tác nho với nghệ thuật ủ vang cùng công nghệ tiên tiến bậc nhất được chuyển giao bởi các chuyên gia hàng đầu đến từ cái nôi rượu vang châu Âu.

Hơn hết thảy, đó là tình yêu, là niềm đam mê cháy bỏng với Vang đẳng cấp quốc tế và mong ước ghi danh Việt Nam lên bản đồ “Vang thế giới mới”



CÁC CỘT MỐC CHÍNH

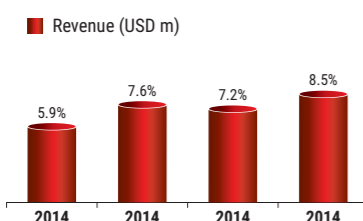


HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong 2016, Ladofoods tiếp tục ghi nhận những thay đổi tích cực: doanh số vang tăng trưởng, khánh thành nhà máy Vang Ladora Winery, tung ra sản phẩm mới, ổn định về mặt sản xuất.

VỀ MẶT TÀI CHÍNH

Doanh số vang năm 2016 là 188 tỷ, tăng trưởng 15% so với năm 2016. Việc tăng trưởng này nhờ vào hoạt động marketing tốt hơn giúp cho hình ảnh Vang Đà Lạt ngày càng củng cố niềm tin với người tiêu dùng. Ngoài ra, việc tiêu thụ các dòng sản phẩm mới như Chateau cũng đóng góp khá nhiều vào tăng trưởng doanh thu của Vang.



SẢN PHẨM CỦA LADORA WINERY

ĐỒNG VANG TRUYỀN THỐNG

Từ những năm cuối thập niên 90 trở về trước, ở Việt Nam vẫn chưa có một nhà máy rượu vang nào sản xuất ra những loại rượu vang "chính thống". Rượu vang chủ yếu được nhập ngoại từ các nước Châu Âu với nhãn hiệu vang Bordeaux của Pháp.

Với mong muốn tạo ra một sản phẩm rượu vang mang dấu ấn và thương hiệu riêng của người Việt, năm 1999 Công ty Ladofoods đã nghiên cứu và cho ra đời những chai "Vang Đà Lạt"



đầu tiên, và nhận được sự đánh giá cao một cách đáng ngạc nhiên từ phía người tiêu dùng.

Với tín hiệu đáng mừng đó, Công ty Ladofoods đã nỗ lực không ngừng, tiếp tục nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng

các sản phẩm Vang Đà Lạt bằng việc hợp tác với các chuyên gia rượu vang nước ngoài, phát triển vùng nguyên liệu nhằm tạo ra một sản phẩm vang ngon tinh tế.

Cột mốc đáng chú ý là năm 2015, Ladofoods tiến hành tái định vị lại thương hiệu cho dòng sản phẩm truyền thống. Với mẫu mã, hình ảnh nhận diện chuyên nghiệp, dòng sản phẩm Vang Đà Lạt ngày càng tạo niềm tin cho người tiêu dùng, cạnh tranh mạnh mẽ với các thương hiệu nhập khẩu.

ĐỒNG VANG CAO CẤP

Năm 2015, Ladofoods tạo ra dấu ấn mới trong thị trường vang với việc tung ra dòng sản phẩm cao cấp Chateau Dalat. Tên Chateau Dalat lấy cảm hứng từ 2 yếu tố gắn kết với vang. Vang do

người Pháp đưa đến Việt Nam đầu tiên. Tại Pháp, những lâu đài theo tiếng Pháp là Chateau thường có nhà làm vang ngon. Người Pháp phát hiện ra Đà Lạt, đưa kiến trúc Chateau vào các kiến trúc biệt thự, trường cao đẳng... để rồi Đà Lạt trở thành thành phố thơ mộng, xinh đẹp được người dân Việt yêu thích. Hơn thế nữa, khí hậu mát lạnh quanh năm của Đà Lạt phù hợp để làm nên những chai vang ngon.

Chateau Dalat được chia ra làm 3 dòng chính:

Chateau Dalat - Special: Nho được thu hoạch đúng thời điểm, chín đều, có độ đường đúng chuẩn được chọn để đưa vào làm Vang. Vang được ủ sồi cho dậy hương. Tuy theo loại nho Cabernet sauvignon, Merlot hoặc Chardonnay mà vang sẽ có hương vị khác nhau.



Chateau Dalat - Reserve: được làm từ những trái nho khỏe mạnh, chín mọng của vụ mùa 2014. Sau khi ủ men, những thùng vang lên men hoàn chỉnh sẽ tiếp tục đưa qua ủ sồi, vị sồi hòa quyện với hương vang tự nhiên cho vang RESERVE có mùi mạnh mẽ, vị đậm thắm. Người làm vang thường đặt tên Reserve khi họ chọn được những thùng





vang có chất lượng vượt trội, với hương thơm đặc biệt hơn những thùng khác trong cùng 1 mẻ ủ men.

Reserve có 4 loại làm từ nho Merlot, Cabernet Sauvignon, Sauvignon Blanc. Đặc biệt vang từ nho Shiraz, vị chát khó lẫn hậu vị dài. Người sành điệu sẽ chỉ chọn Shiraz cho món bò nướng của mình, vị bò nướng và vị Shiraz bổ trợ lẫn nhau để đẩy hương vị tuyệt vời.

Chateau Dalat - Signature, Khác với dòng Special và Reserve. Nho của dòng Signature được chọn từ vụ mùa có thời tiết ban ngày và ban tối chênh nhau hơn 10°C, trong giai đoạn sung sức nhất của cây nho, cho ra trái nho có độ đường cao và đượm mùi thơm nhất. Nhà làm vang phải chọn lựa kỹ những chùm nho có trái chín đều rồi qua quy trình ủ trong thùng sồi, , lắng lọc kỹ và ủ trong chai để đảm bảo quá trình lên men thật hoàn hảo. Các chuyên gia sẽ nếm và chọn ra những thùng rượu ngon nhất, vị vang đậm đà nhất cho dòng vang có tên Signature.

**Signature có 3 loại làm từ nho Merlot, Cabernet Sauvignon & Shiraz.**

Chateau Dalat là kết tinh của một quá trình tìm kiếm, chọn lọc từ nguyên liệu giống nho, với kỹ thuật trồng và chăm sóc chuẩn mực của Ý. Qua đó

những lứa nho tốt nhất được hái về, ép cốt nho và đưa qua các công đoạn lên men, ủ và tinh chế trên dây chuyền công nghệ của Ý, và dưới sự giám sát khắt khe của các chuyên gia quốc tế để đạt được những chai vang tinh tế nhất.

Với thiết kế thanh lịch, sang trọng và bóng bẩy, Chateau Dalat định vị là dòng vang ngon cho người sành điệu Chateau Dalat là một thương hiệu vang phù hợp cho những buổi chiêu đãi khách của các công ty, tiệc quan trọng cần sự lịch lãm và tinh tế.

**DÒNG VANG SPARKLING**

Nhằm đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng là trẻ em và đặc biệt là phụ nữ, năm 2016 Ladora Winery giới thiệu dòng sản phẩm nước trái cây có gas Vivazz. Vivazz sẽ là một lựa chọn thức uống tuyệt vời cho những bữa tiệc gia đình, đặc biệt là cho những đối tượng không muốn dùng đồ uống có cồn.

Được làm từ nguyên liệu nho, chanh, dâu..., thức uống mang nhãn hiệu Vivazz giúp tạo giải khát, ngon miệng, tăng cường tiêu hoá và hữu ích cho sức khoẻ. Vivazz có thiết kế hình ảnh rất ngộ nghĩnh, đáng yêu dành cho trẻ em lẫn hình ảnh thanh lịch, tao nhã dành cho người lớn.

**ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ**

Ladofoods được kế thừa một nền tảng đội ngũ cán bộ kỹ thuật sản xuất có bề dày kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu, tâm huyết, trong đó có nhiều cán bộ được đào tạo tại Châu Âu. Trong năm 2015 và 2016, Ladofoods còn tiếp tục mời thêm một số chuyên gia nước ngoài có kinh nghiệm trong mảng sản xuất Vang để tư vấn chuẩn hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Về mặt kinh doanh, Ladofoods cũng đã xây dựng được một đội ngũ bán hàng, marketing chuyên nghiệp, hiện đại, với đội ngũ lãnh đạo có nhiều năm kinh nghiệm tại các công ty hàng tiêu dùng trong nước và nước ngoài.

Tổng giám đốc Nguyễn Hữu Thụy - TGD: từng kinh qua nhiều chức vụ quản lý như Giám đốc sản xuất của Bibica Miền Bắc. Ông Thụy là thế hệ tiên phong của Bibica, đến Hà Nội những năm 90 để xây dựng hệ thống sản xuất kinh doanh. Khi quay lại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Thụy là Giám đốc bộ phận kế hoạch và đầu tư. Sau đó, ông tham gia công ty Cổ phần Thực phẩm Thiên Hương, công ty sản xuất mì ăn liền và bánh kẹo, với vai trò Phó Tổng giám đốc điều hành hơn 500 nhân viên. 2014, ông Thụy là trưởng ban cố vấn cho Hội Đồng Quản Trị Ladofoods và bắt đầu giữ vai trò Tổng Giám Đốc từ năm 2015. Ông Thụy có hai bằng đại học, hóa thực phẩm và quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa và Đại học Thương mại.

**CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Ladora Winery là nhà làm vang chuyên nghiệp được Ladofoods dành trọn tâm huyết và ngân sách đầu tư lớn để dày công xây dựng. Quy mô của Ladora Winery gồm có nhà làm vang nằm trên khuôn viên 6 hecta đặt tại Điểm công nghiệp Phát Chi - Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và vùng nho nguyên liệu chuẩn quốc tế rộng 20 hecta tại Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

Năm 2016, Ladora Winery tiến hành nâng cấp và khánh thành nhà máy mới nâng công suất lên 10 triệu lít/năm. Ngoài ra, Ladora Winery còn sở hữu quy trình sản xuất hiện đại theo chuẩn công nghệ làm vang hàng đầu tại châu Âu. Bên cạnh đó, để có thể tạo nên những sản phẩm vang hảo hạng, Ladora

Winery quy tụ một đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ châu Âu - cái nôi của rượu vang thế giới - và lực lượng kỹ sư làm vang được đào tạo và làm việc trong môi trường vang chuyên nghiệp tại nhiều quốc gia như Pháp, Ý, Thụy Sĩ...

Đặc biệt, từ năm 2013 Ladora Winery đầu tư phát triển vùng nho nguyên liệu thể hiện khát vọng và tâm huyết để cho ra đời những dòng vang hảo hạng "made-in Việt Nam". Đến nay, những vụ nho chất lượng cao đầu tiên với độ chát, độ chua và độ đường hài hoà lý tưởng - tương đương với những vườn nho rượu tốt nhất ở châu Âu - đã được thu hoạch và ủ chiết để tạo thành những chai vang đẳng cấp thế giới. Trong tương lai gần, Ladora Winery sẽ mở rộng vùng nho nguyên liệu cao cấp lên đến 100 hecta, áp dụng những tiêu chuẩn, quy trình và công nghệ canh tác hiện đại nhất. Vùng nguyên liệu chất lượng cao của Ladora Winery còn là một mô hình điển hình về sản xuất nông nghiệp hiện đại hoá, khởi xướng hướng đi mới cho nông nghiệp Việt Nam theo hướng khoa học, hiện đại và hiệu quả.



**ĐỊNH HƯỚNG 2017**

Trong 2017, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá sản phẩm để tiêu thụ sản phẩm tốt hơn. Đặc biệt là các sản phẩm mới cao cấp như dòng Chateau, Vivazz.

Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục củng cố hệ thống phân phối cho kênh nhà hàng khách sạn (on - Trade) là kênh chính của ngành bia rượu nhằm có doanh thu ổn định trong năm. ❖



# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016 đã chứng kiến bước chuyển mình mạnh mẽ của Công ty Cổ phần GTNfoods về quy mô và tiềm lực phát triển. Nhiều nhiệm vụ chiến lược quan trọng đã được hoàn thành, trong đó nổi bật lên là việc phát hành riêng lẻ cổ phần thành công trong 2 lần giúp tăng vốn điều lệ từ 748 tỷ lên 2500 tỷ với sự tham gia của nhiều nhà đầu tư chiến lược như Tael Two Partner và PENM Partners, các hoạt động M&A và tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty trong ngành có cơ sở kinh doanh mạnh và bền vững như Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam ("Vilico") hay Tổng công ty Chè Việt Nam ("Vinatea"). Thêm vào đó là việc hoàn thiện hệ thống nền tảng hoạt động kinh doanh thông qua tái cấu trúc và sắp xếp lại các hệ thống đầu tư, chuyển dịch rõ nét trọng tâm phát triển vào ngành Nông nghiệp và Thực phẩm. Đối với các Công ty thành viên sau M&A, GTNfoods đã tích cực tham gia vào quá trình hoàn thiện, nâng cao năng lực quản trị sản xuất, quản lý tài chính, xây dựng hệ thống phân phối và định hướng chiến lược phát triển để cùng nhau thực hiện mục tiêu cao nhất của toàn hệ thống GTNfoods: trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm tại thị trường Việt Nam và vươn xa tại thị trường quốc tế.

### KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2016 SO VỚI KẾ HOẠCH

Về kết quả kinh doanh năm 2016, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận sau thuế không đạt kế hoạch năm đề ra tại Đại hội đồng cổ đông 2016 với mức hoàn thành lần lượt tại 72,84% và 16%. Bên cạnh việc cắt giảm nguồn lực và đầu tư tại các hoạt động sản xuất kinh doanh không trọng tâm khiến doanh thu giảm so với kế hoạch, chi phí gia tăng phát sinh từ quá trình tái cấu trúc và xử lý hàng tồn kho, khoản nợ tồn đọng lâu ngày từ

Công ty con mới tiếp quản là Vinatea cũng khiến lợi nhuận suy giảm. Ngoài ra, việc hoàn thành M&A công ty con Vilico tại ngày 03/01/2017 muộn hơn dự kiến cũng khiến các chỉ tiêu thực tế không đạt được như kế hoạch.

Hội đồng quản trị đánh giá đây là một năm bản lề chiến lược khi các nguồn lực được tập trung tối đa vào các hoạt động tái cấu trúc tại các công ty con, huy động vốn và thực hiện các thương vụ M&A và tin tưởng rằng đây là động lực để GTNfoods có thể phát triển bền vững trong tương lai.

Đơn vị: tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	B	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% hoàn thành kế hoạch năm	Thực hiện 2016 so với 2015
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.500	1.821	2.109	72,84%	86,34%
2	LNST hợp nhất	100	16.3	57.3	16%	28,44%
3	Lợi nhuận CĐ công ty mẹ		16	54.9		29,14%

### QUÁ TRÌNH HUY ĐỘNG VỐN TRONG NĂM 2016

Tháng 1/2016: Công ty Cổ phần GTNfoods phát hành riêng lẻ thành công 75.200.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường ngày 09 tháng 11 năm 2015.

Tháng 11/2016: Phát hành riêng lẻ thành công 100.000.000 cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2016.

### QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHIẾN LƯỢC MUA BÁN CÁC CÔNG TY MỤC TIÊU

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần GTNfoods đã tiếp tục thực hiện các kế hoạch M&A được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt với mục tiêu là mua lại hoặc nâng tỷ lệ sở hữu các doanh nghiệp nông nghiệp, hàng tiêu dùng, thực phẩm tiềm năng để tạo thành chuỗi liên kết vững mạnh.

- Hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Tổng công ty Chè Việt Nam từ 75% lên 95%.

- Hoàn tất việc thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Hàng tiêu dùng GTNfoods ("GTNfoods Consumer") nhằm tạo nền tảng cơ bản cho việc

quản lý tập trung hoạt động phân phối các sản phẩm của toàn hệ thống GTNfoods trong tương lai.

- Hoàn tất việc mua thành công Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn ("Forimex") chiếm tỷ lệ sở hữu 35%.

- Tiến hàng thực hiện và hoàn tất vào những ngày đầu năm 2017 việc mua chiếm tỷ lệ sở hữu 65% Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC) tương ứng với 40.969.500 cổ phần.

### CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NỘI BỘ VÀ TUÂN THỦ

#### Quản trị nội bộ

Tập trung củng cố cơ cấu tổ chức, hoàn thiện và ban hành hệ thống các quy chế quản trị nội bộ như ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ, Quy chế tài chính, Quy chế đầu tư ra bên ngoài, Quy trình tuyển dụng nhân sự...

#### Công bố thông tin

Công ty chấp hành đúng các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### Tuân thủ pháp luật, đảm bảo lợi ích của người lao động





Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện sửa đổi và đăng ký Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động với Sở lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội nhằm nhấn mạnh và đảm bảo thực hiện nghiêm túc các lợi ích của người lao động đang làm việc tại Công ty. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định, nộp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

### CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO

GTNfoods đã thực hiện tốt công tác đánh giá rủi ro đối với từng ngành nghề kinh doanh và có những giải pháp hạn chế rủi ro hoặc bảo hiểm rủi ro thích hợp. Trong năm không xảy ra sự kiện hoặc tai nạn nghiêm trọng nào có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình hoạt động và tình hình tài chính của toàn Hệ thống.

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ NĂNG LỰC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị đánh giá rằng Ban Điều hành đã có những nỗ lực đáng ghi nhận và hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, quy mô của Công ty và toàn hệ thống GTNfoods gia tăng nhanh chóng trong thời gian ngắn, hệ thống ngành nghề kinh doanh đa dạng, địa bàn đầu tư rộng khắp, Ban Điều hành đã điều hành, chỉ đạo tất cả các khâu, các ngành đạt được kết quả như đã nêu bên trên, về tổng thể đã tạo được một nền tảng tốt cho sự phát triển của Công ty và toàn hệ thống trong tương lai.

Hội đồng Quản trị nhận xét rằng tất cả các thành viên Ban Điều hành đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt, hoàn toàn có thể để tiếp tục gánh vác các nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.

### KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Dựa trên định hướng chiến lược là trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp

và Thực phẩm tại Việt Nam và vươn xa tại thị trường quốc tế, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch hoạt động cho năm 2017 như sau:

#### VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Ban Điều hành đề ra và giám sát việc thực hiện kế hoạch xuyên suốt trong cả năm 2017.

Phát triển nền tảng mới thành lập tại GTNfood, hướng tới trở thành công ty hàng đầu chuyên về lĩnh vực thực phẩm hàng tiêu dùng trên cơ sở tận dụng nền tảng sẵn có của Công ty GTNfoods và các công ty thành viên, các đối tác đầu tư chiến lược (TAEL Two Partners, PENM Partners, Hanil Feed) để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển các dự án có tiềm năng phát triển; tích cực mở rộng thị trường thông qua nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing hiện đại.

Tiếp tục hỗ trợ các công ty con trong công tác quản trị, xây dựng chiến lược, xây dựng kênh phân phối, tái cấu trúc doanh nghiệp và quản lý tài chính nhằm phát huy hết các tiềm năng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tiếp tục chiến lược tìm kiếm và mua cổ phần chi phối các công ty có thế mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm.

#### VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Năm 2016, HĐQT Công ty Cổ phần GTNfoods sẽ tiếp tục chú trọng xây dựng nguồn nhân lực mạnh mẽ cũng như bộ máy quản trị doanh nghiệp chặt chẽ, hoàn thiện hóa và nâng cao chất lượng quản trị nội bộ Công ty.

Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro để giảm thiểu mọi ảnh hưởng tiêu cực về hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững của toàn Hệ thống GTNfoods.

Tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ, Quy định nội bộ của GTNfoods, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa Công ty với các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người có liên quan, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. ❖

# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Sở hữu cá nhân	Tỷ lệ	Cá nhân, tổ chức có liên quan sở hữu	Tỷ lệ
1	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch	100.000	0,04%	0	0
2	Michael Louis Rosen	Ủy viên	7.150.000	2,86%	0	0
3	Nghiêm Văn Thắng	Phó chủ tịch	100.000	0,04%	0	0
4	Nguyễn Trí Thiện	Ủy viên	0	0	0	0
5	Chew Mei Ying	Ủy viên	100.000	0,04%	0	0
6	La Mạnh Tiến	Ủy viên	100.000	0,04%	0	0
7	Hoàng Mạnh Cường	Ủy viên	10.000	0,004%	0	0

Ngày 26/04/2016, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 đã tiến hành bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới 5 năm 2016-2021 và bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị như bảng trên.

## 2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Thực hiện nhiệm vụ Đại Hội đồng Cổ đông giao phó, HĐQT đã thực hiện kiểm soát, giám sát, đảm bảo lợi ích cổ đông Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ, đồng thời hoàn thiện hoạt động quản trị công ty cho phù hợp với Quy chế Quản trị Công ty đại chúng ban hành kèm Thông tư số 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính. Hoạt động của HĐQT trong năm 2016 trọng tâm vào các điểm sau:

- Hoạch định và kiểm soát chiến lược, định hướng phát triển của toàn bộ Công ty.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện các vấn đề liên quan đến sản xuất kinh doanh, huy động vốn và đầu tư của Công ty.
- Giám sát hoạt động của Ban Điều hành (Ban Tổng Giám đốc) và các cán bộ quản lý cấp cao.
- Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời và chính xác.

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành cũng như các Điều lệ quy định của Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

Theo đó, năm 2016, HĐQT đã tiến hành 26 phiên họp, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức đàm thoại, ban hành 29 Nghị quyết/Quyết định về các vấn đề chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty, các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Tạ Văn Quyền	Chủ tịch	26/04/2016	26/26	100%	
2	Michael Louis Rosen	Ủy viên	18/01/2016	24/26	92%	Bổ nhiệm từ ngày 18/01/2016
3	Nghiêm Văn Thắng	Phó chủ tịch	26/04/2016	17/26	66%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2016
4	Nguyễn Trí Thiện	Ủy viên	26/04/2016	25/26	96%	
5	Chew Mei Ying	Ủy viên	26/04/2016	17/26	66%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2016
6	La Mạnh Tiến	Ủy viên	26/04/2016	26/26	100%	
7	Hoàng Mạnh Cường	Ủy viên	26/04/2016	26/26	100%	
8	Bùi Thị Thanh Hải	Ủy viên	18/01/2016	2/26	7%	Bổ nhiệm từ ngày 18/01/2016

**Ghi chú:**

- Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/2016/NQ/HĐQT ngày 18/01/2016, HĐQT bổ nhiệm ông Michael Louis Rosen thay thế bà Bùi Thị Thanh Hải  
 - Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 bãi nhiệm cũng như bổ nhiệm các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát vào ngày 26/04/2016

**CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT**

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/2016/NQ-HĐQT	15/01/2016	Thông qua danh sách cuối cùng về đối tượng được chào bán trong đợt phát hành riêng lẻ cổ phần tăng vốn điều lệ
2	04/2016/NQ/HĐQT	18/01/2016	Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, thay đổi nhân sự chủ chốt và chốt danh sách hợp ĐHĐCĐ
3	07/2016/NQ/HĐQT	29/01/2016	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn lên 1.500 tỷ đồng
4	09/2016/NQ/HĐQT	10/03/2016	Thực hiện lại việc chốt danh sách hợp ĐHĐCĐ thường niên 2016
5	10/2016/NQ/HĐQT	30/03/2016	Thoái vốn tại các Công ty con không nằm trong chiến lược phát triển của Công ty
6	11/2016/NQ/HĐQT	07/04/2016	Loại bỏ các ngành nghề kinh doanh không trọng yếu của Công ty và gây ảnh hưởng tới việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty lên 100%
7	12/2016/NQ/HĐQT	07/04/2016	Thoái vốn giai đoạn 2 tại các Công ty con không nằm trong chiến lược phát triển của Công ty

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
8	13/2016/NQ/HĐQT	21/04/2016	Bổ nhiệm nhân sự cấp cao
9	14/2016/NQ/HĐQT	25/04/2016	Bổ nhiệm Tổng Giám Đốc
10	01/2016/NQ/HĐQT-NK2	26/04/2016	Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020
11	15/2016/NQ/HĐQT-NK2	27/04/2016	Thông qua Phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp
12	16/2016/NQ/HĐQT-NK2	13/06/2016	Lựa chọn Kiểm toán cho năm tài chính 2016
13	16/2016/NQ/HĐQT	29/06/2016	Thoái vốn tại công ty TNHH Thống Nhất
14	17/2016/NQ/HĐQT	29/06/2016	Đóng cửa công ty TNHH MTV Trading Thống Nhất
15	18/2016/NQ/HĐQT	22/08/2016	Kế hoạch phát hành cổ phần riêng lẻ đợt 2 năm 2016
16	19/2016/NQ/HĐQT	22/08/2016	Danh sách đối tượng dự kiến được chào bán riêng lẻ
17	20/2016/NQ/HĐQT	22/08/2016	Kế hoạch sử dụng vốn từ Phát hành cổ phiếu riêng lẻ đợt 2 năm 2016
18	21/2016/NQ/HĐQT	21/10/2016	Thông qua hợp đồng ký kết với nhà đầu tư chiến lược PENM IV Germany GmbH & Co.KG
19	23/2016/NQ/HĐQT	25/10/2016	Tài liệu trong hồ sơ nộp cho các Cơ quan Nhà nước trong Đợt phát hành riêng lẻ lần 2
20	25/2016/NQ/HĐQT	31/10/2016	Thông qua danh sách cuối cùng các nhà đầu tư mua cổ phần riêng lẻ Đợt 2
21	26/2016/NQ/HĐQT	01/11/2016	Thông qua hợp đồng ký kết với nhà đầu tư chiến lược TAEL TWO PARTNERS LTD
22	27/2016/NQ/HĐQT	10/11/2016	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ Đợt 2 năm 2016
23	28/2016/NQ/HĐQT	18/11/2016	Tỷ lệ chi phí phát hành trên tổng vốn huy động trong đợt phát hành riêng lẻ
24	29/2016/NQ/HĐQT	23/11/2016	Đầu tư giai đoạn 2 vào Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam
25	30/2016/NQ/HĐQT	05/12/2016	Thay đổi tài sản đảm bảo cho trái phiếu đã phát hành
26	31/2016/NQ/HĐQT	21/12/2016	Góp thêm vốn vào CTCP Tre Công nghiệp Mộc Châu
27	32/2016/NQ/HĐQT	25/12/2016	Bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT, thành lập BKS nội bộ và đầu tư thêm vào công ty con
28	33/2016/NQ/HĐQT	25/12/2016	Gia hạn thời gian làm việc của ông Michael Louis Rosen
29	34/2016/NQ/HĐQT	25/12/2016	Xem xét phương án niêm yết Công ty con.



# BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Năm 2016, Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các lĩnh vực trọng yếu bao gồm: kiểm soát chiến lược, kiểm soát hoạt động và kiểm soát tài chính.

Hiệu quả của công tác giám sát tuân thủ đã được tăng cường thông qua các hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Xem xét tính phù hợp và hợp pháp của các Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và

giải pháp phù hợp;

- Đại diện Ban Kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

- Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, năm 2016 nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời xem xét việc chấp hành luật, chính sách và chế độ tài chính kế toán của Công ty.

- Đánh giá tình hình đầu tư của Công ty Cổ phần GTNfoods vào các công ty con, công ty liên kết, các công ty góp vốn đầu tư dài hạn. Định kỳ xem xét các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của các công ty này để kiến nghị, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của GTNfoods.

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Việt Thắng	Trưởng ban kiểm soát	26/04/2016	4/4	100%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2016
2	Pan Mun Kit	Thành viên	26/04/2016	4/4	100%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2016
3	Nguyễn Thị Thu	Thành viên	26/04/2016	4/4	100%	Bổ nhiệm từ ngày 26/04/2016
4	Vũ Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	26/04/2016	0/4	0%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2016
5	Nguyễn Anh Quân	Thành viên	26/04/2016	0/4	0%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2016
6	Cao Ngọc Toàn	Thành viên	26/04/2016	0/4	0%	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2016

*Ghi chú: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 miễn nhiệm cũng như bổ nhiệm các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát vào ngày 26/04/2016*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

### 1. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 31/12/2016. Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán, Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy chế, quy định khác về quản lý tài chính của Công ty và Nhà nước. Một số chỉ tiêu trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của GTN như sau:

- Doanh thu hợp nhất đạt 1.821 tỷ đồng, đạt 72,84% so với kế hoạch đề ra và bằng 86,34% so với năm 2015. Việc tập trung tái cấu trúc các công ty con và tiết giảm hoạt động tại các hoạt động không nằm trong ngành chiến lược là Nông nghiệp và Thực phẩm trong năm 2016 đã làm cho doanh thu giảm.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 16 tỷ đồng, đạt 28,44% so với năm 2016: do chi phí gia tăng phát sinh từ quá trình tái cấu trúc và xử lý hàng tồn kho, khoản nợ tồn đọng lâu ngày từ Công ty con mới tiếp quản, việc hoàn thành M&A công ty con Vilico tại ngày 03/01/2017 muộn hơn dự kiến.
- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016 là 3.206 tỷ đồng, tăng 1.106 tỷ đồng so với 31/12/2015.

### 2. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤP HÀNH CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Năm 2016, công tác chấp hành chế độ hạch toán kế toán, chế độ quản lý tài chính khá tốt, cụ thể như: kiểm soát chặt chẽ trong việc sử dụng vốn, quản lý và đôn đốc thu hồi nợ tốt, chú trọng công tác kế toán quản trị, có báo cáo của Ban Điều hành về hiệu quả hoạt động kinh doanh, tài chính và khả năng thanh toán của Công ty, tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy chế, quy định, thực hiện triệt để công tác thực hành, tiết kiệm chống lãng phí...

### 3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đã tuân thủ và tích cực triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị đã tổ chức tốt các phiên họp thường kỳ và đột xuất nhằm đề ra các chủ trương đúng đắn kịp thời, giúp Công ty luôn hoạt động đúng hướng, góp phần vào hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện đúng các nội dung Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Năm 2016, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh, đảm bảo đúng định hướng của Hội đồng quản trị đề ra, đưa hoạt động của Công ty đi vào nề nếp góp phần vào hiệu quả hoạt động của Công ty năm 2016.

Ban Kiểm soát ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cũng như các bộ phận quản lý của Tập đoàn.

Thực hiện công tác báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.

Ban Kiểm soát không nhận được kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và cán bộ quản lý trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Ban Kiểm soát thống nhất với báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017.

### 4. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2016, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp, cộng tác của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và các phòng ban trong Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các vấn đề cần xem xét, kiểm tra.

Các cuộc họp HĐQT đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát, tài liệu họp và các Nghị quyết của HĐQT được cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

Ban Kiểm soát cũng nhiều lần đưa ý kiến góp ý đối với công tác quản trị doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Điều hành, từ đó góp phần giải quyết các khó khăn phát sinh.

### 5. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Trong năm 2017, Ban Kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm tra thường xuyên và định kỳ hàng quý theo đúng điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Đồng thời Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục cải tiến phương thức hoạt động, tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành của Công ty trên cơ sở giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, cụ thể như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy chế, quy định, Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần GTNfoods, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông đề ra.
- Kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính quý, báo cáo giữa niên độ và báo cáo tài chính năm. Duy trì hệ thống liên lạc thường xuyên với Kiểm toán độc lập để nâng cao chất lượng công tác kiểm toán báo cáo tài chính.
- Giám sát việc tuân thủ thực hiện hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quản trị tại Các công ty con, công ty thành viên thuộc hệ thống GTNfoods.
- Giám sát sự phối hợp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.
- Thẩm định báo cáo tài chính, giám sát tình hình thực hiện kết quả kinh doanh. Đánh giá trình độ, kỹ năng và nguồn lực, tính hiệu quả và độc lập của đơn vị Kiểm toán độc lập.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát, chú trọng công tác quản lý rủi ro, tập trung kiểm soát, phát hiện các yếu tố rủi ro trọng yếu, tiềm ẩn để Công ty kịp thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành.



### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2016

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tael Two Partner	Chew Mei Ying làm Phó tổng của công ty Tael Two Partner	0	0%	55.000.000	22%	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ
2	Michael Rosen		0	0%	7.150.000	2,86%	Như trên
3	Tạ Văn Quyền		0	0%	100.000	0,04%	Như trên
4	La Mạnh Tiến		0	0%	100.000	0,04%	Như trên
5	Phạm Duy Cường		0	0%	100.000	0,04%	Như trên
6	Nguyễn Trần Quang		0	0%	50.000	0,02%	Như trên
7	Ngô Hồng Thái		0	0%	50.000	0,02%	Như trên
8	Hoàng Mạnh Cường		0	0%	10.000	0,004%	Như trên
9	Chew May Ying		0	0%	100.000	0,04%	Như trên
10	Pan Mun Kit		0	0%	50.000	0,02%	Như trên
11	Trần Việt Thắng		0	0%	211.900	0,08%	Mua cổ phiếu phát hành riêng lẻ 50.000, còn lại mua qua sàn.



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

**T**rong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo GTNfoods đã xác định được và theo dõi các loại rủi ro có ảnh hưởng đến hệ thống và xác định rõ quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quản trị công ty hàng đầu cần được đặc biệt chú trọng. Các loại rủi ro chính được xác định và biện pháp quản trị rủi ro tương ứng được Công ty thực hiện như trình bày dưới đây:

## RỦI RO TÀI CHÍNH

### Bản chất

Với danh mục nhiều dự án đầu tư phát triển trong các lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi, thực phẩm, hàng tiêu dùng, sản xuất các sản phẩm nhựa hay kế hoạch M&A các công ty tiềm năng, Công ty luôn cần một lượng tiền lớn để đầu tư và phát triển. Trong một thời điểm nhất định, sự mất cân đối về dòng tiền thu và chi sẽ gây ra rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc đầu tư, mua nguyên liệu sản xuất có thể bị dừng khi thiếu vốn; tiền lương và các khoản nợ nếu không được trả đúng hạn sẽ ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của Công ty.

## BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

Công ty luôn đề cao quản lý chặt chẽ dòng tiền và xây dựng một cơ cấu vốn hợp lý giữa nguồn vốn đầu tư dài hạn và ngắn hạn. Trong năm 2016, Công ty đã chủ động được nguồn vốn cần thiết thông qua các vay ngắn hạn ngân hàng nhằm bổ sung vốn lưu động, phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các dự án đầu tư dài hạn.

## RỦI RO THỊ TRƯỜNG

### Bản chất

GTNfoods và các Công ty thành viên hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau: nông nghiệp, chăn nuôi, thực phẩm, hàng tiêu dùng, sản xuất công nghiệp ... do đó chịu ảnh hưởng của các rủi ro về thị trường, cụ thể là giá nguyên vật liệu đầu vào và giá

bán hàng hóa. Đây là các rủi ro phát sinh khi lạm phát ở mức cao khiến cho các chi phí đầu vào tăng cao hoặc rủi ro về sự giảm giá đột ngột của giá bán thành phẩm đầu ra do nhu cầu thị trường thay đổi, gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống.

## GIẢI PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO

GTNfoods và các Công ty thành viên quản lý rủi ro thị trường thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin giá hàng hóa đầu vào đầu ra và tình hình có liên quan của thị trường trong nước và quốc tế, qua đó, đưa ra giải pháp thống nhất bao gồm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và định mức hàng tồn kho hợp lý. Các rủi ro liên quan đến giá hàng hóa biến động được theo dõi bởi bộ phận thu mua, bộ phận sản xuất tại các Công ty thành viên và báo cáo Giám đốc Sản xuất, Tổng giám đốc theo định kỳ hàng tuần, hàng tháng.

## RỦI RO TỶ GIÁ

### Bản chất

Hoạt động sản xuất kinh doanh của GTNfoods và các Công ty thành viên có nhiều quan hệ giao dịch bằng ngoại tệ với các đối tác nước ngoài, điển hình như hoạt động xuất khẩu chè của Vinatea hay các hoạt động thương mại hàng nhập khẩu của Vilico. Do đó, các biến động tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ có thể gây ảnh hưởng lên cả doanh thu tài chính và chi phí tài chính của Công ty và các Công ty thành viên.

## BIỆN PHÁP HẠN CHẾ RỦI RO:

GTNfoods và các Công ty thành viên đã dự tính rủi ro tỷ giá hối đoái thông qua cơ chế chủ động phòng ngừa, các chính sách điều chỉnh nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại... Các kế hoạch nhập khẩu và xuất khẩu liên quan đến đối tác nước ngoài được tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán để hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất.

## RỦI RO ĐẶC THÙ TỪNG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

### HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

#### Bản chất

Hoạt động nông nghiệp được thực hiện qua Công ty con của GTNfoods là Tổng Công ty Chè Việt Nam (Vinatea). Trong ngành chè, công ty phải đối mặt với nhiều rủi ro đặc thù của ngành như: rủi ro về thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến quá trình sinh trưởng phát triển của cây chè; rủi ro về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật trong chè có thể tạo trở ngại đến việc xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng có giá trị cao, dẫn đến rủi ro về thị trường tiêu thụ sản phẩm...

#### Biện pháp hạn chế rủi ro:

Để đối phó với rủi ro về thời tiết, Vinatea đã và đang chủ động mở rộng vùng sản xuất và diện tích sản xuất tại các vùng sinh thái khác nhau nhằm đảm bảo sản xuất và lượng hàng cung ứng cho nhu cầu của thị trường. Đối với rủi ro về tồn dư thuốc bảo vệ thực vật và chất lượng sản phẩm, Vinatea đang tiến hành áp dụng mô hình quản lý tập trung tại cơ sở vùng trồng từ khâu trồng, chăm bón, thu hoạch, sản xuất đến chế biến và tiêu thụ với sự liên kết chặt chẽ giữa nông dân và doanh nghiệp; đặc biệt, đội ngũ các chuyên gia kỹ thuật luôn bám sát cơ sở để đảm bảo về khâu chất lượng và các chỉ số tiêu chuẩn hướng đến các thị trường khó tính trên toàn thế giới.

### HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI

#### Bản chất

Hoạt động chăn nuôi được thực hiện chính tại Công ty con của GTNfoods là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam (Vilico) với các hoạt động chăn nuôi lợn, gà, bò sữa tại các chi nhánh và đơn vị thành viên. Không nằm ngoài các đặc tính cơ bản của ngành chăn nuôi Việt Nam, các rủi ro tiềm tàng của ngành này bao gồm: rủi ro bệnh dịch như cúm gia cầm, dịch lở mồm long móng, dịch lợn tai xanh... có khả năng gây thiệt hại không nhỏ tới quy mô đàn; rủi ro về nhu cầu của thị trường, trong đó tiêu biểu là sự ảnh hưởng và thao túng của nhu cầu từ thị trường Trung Quốc đối với thị trường chăn nuôi lợn của Việt Nam.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro:

Là doanh nghiệp đầu ngành và có lịch sử phát triển lâu đời, Vilico có nguồn nhân lực tốt về quản trị và kỹ thuật chuyên môn. Do đó, công tác giám sát, ngăn ngừa dịch bệnh, phát hiện sớm và xử lý dịch bệnh được thực hiện nghiêm túc và có bài bản đảm bảo hạn chế rủi ro dịch bệnh một cách tối đa. Về rủi ro nhu cầu thị trường, đội ngũ bán hàng thường xuyên theo dõi và đưa ra các dự báo về nhu cầu của thị trường, trên cơ sở đó định hướng phát triển kế hoạch sản xuất. Vilico cũng đang tiến hành thực hiện chiến lược tập trung phát triển và đưa ra các sản phẩm phù hợp nhằm chiếm lĩnh thị trường nội địa nhằm giảm thiểu rủi ro do ảnh hưởng của thị trường Trung Quốc.

### HOẠT ĐỘNG NGÀNH THỰC PHẨM & HÀNG TIÊU DÙNG

#### Bản chất

Ngành Thực phẩm & Hàng tiêu dùng của GTNfoods bao gồm hoạt động của các Công ty con trong lĩnh vực đồ uống, chè thương hiệu Vinatea và sữa Mộc Châu do Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk) sản xuất. Đối với hoạt động trong ngành Thực phẩm & Hàng tiêu dùng, rủi ro chính có khả năng gây tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm: rủi ro về biến động nhu cầu của người tiêu dùng sức ép cạnh tranh từ các đối thủ đang ngày một gia tăng trên thị trường.

#### Biện pháp hạn chế rủi ro:

Để giảm thiểu các rủi ro về nhu cầu thị trường cũng như sức ép cạnh tranh, Vinatea và Mộc Châu Milk đã có kế hoạch và triển khai mạnh hoạt động R&D nhằm nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tạo tính cạnh tranh mạnh hơn cho từng công ty. Hoạt động Marketing cũng được cải thiện tích cực bằng việc gia tăng đầu tư và nghiên cứu triển khai nhiều hình thức Marketing mới như online marketing, TVC sáng tạo, nhấn mạnh thương hiệu đến người tiêu dùng. Mặt khác, hoạt động tái cấu trúc làm tăng hiệu quả và phát triển kênh phân phối đang được xây dựng và triển khai với mục tiêu là tạo sự liên kết chung giữa các sản phẩm trong cùng Hệ thống GTNfoods, kết hợp tạo nên sức mạnh chung cho toàn hệ thống. ❖





**GTN** Foods

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

## NỘI DUNG

## TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	58
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	59
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT .....	60 - 61
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT .....	62
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT.....	63
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT.....	64 - 89



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó chủ tịch
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Thiện	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Cường	Thành viên
Ông La Mạnh Tiến	Thành viên
Bà Chew Mei Ying	Thành viên

#### BAN GIÁM ĐỐC

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông La Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Hoài Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Cường	Giám đốc tài chính

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty

sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.

**Tạ Văn Quyền**  
**Chủ tịch HĐQT**

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

Số: /2017/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần GTNfoods**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2017, từ trang 03 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các

số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
 Đất Việt tại Hà Nội**

**HOÀNG ĐÌNH HẢI - Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2015-037-1

**LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2014-037-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.349.920.861.161</b>	<b>1.339.388.682.418</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>610.572.592.544</b>	<b>416.449.029.291</b>
1. Tiền	111		156.572.592.544	416.449.029.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		454.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>30.262.808.598</b>	<b>67.110.227.391</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.8a	-	64.601.221.391
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.262.808.598	2.509.006.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.618.550.926.350</b>	<b>712.662.027.259</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	183.108.613.547	344.059.027.580
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.304.717.818.899	270.101.786.092
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	-	7.700.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	132.592.413.463	91.149.011.334
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.867.919.559)	(347.797.747)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>74.362.069.031</b>	<b>124.301.767.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		74.362.069.031	124.301.767.143
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.172.464.638</b>	<b>18.865.631.334</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	831.165.497	477.860.625
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.309.459.336	18.253.094.653
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		31.839.805	134.676.056
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>856.429.365.176</b>	<b>761.589.240.949</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>39.962.176.006</b>	<b>36.908.681.864</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	4.932.176.006	6.908.681.864
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	5.000.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	30.030.000.000	30.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>216.504.600.189</b>	<b>326.647.673.075</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	216.082.922.789	326.526.996.692
- Nguyên giá	222		418.572.479.021	531.178.040.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.489.556.232)	(204.651.043.649)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	421.677.400	120.676.383
- Nguyên giá	228		1.215.469.126	860.769.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(793.791.726)	(740.092.743)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.775.717.720</b>	<b>1.958.105.876</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	23.775.717.720	1.958.105.876
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8b	<b>564.682.100.699</b>	<b>383.811.749.592</b>
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		273.549.997.408	255.579.885.592
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		291.132.103.291	128.231.864.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.504.770.562</b>	<b>12.263.030.542</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	8.986.235.492	6.647.991.333
5. Lợi thế thương mại	269		2.518.535.070	5.615.039.209
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.206.350.226.337</b>	<b>2.100.977.923.367</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>385.323.456.776</b>	<b>1.103.558.860.476</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>279.134.593.217</b>	<b>867.830.549.115</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	81.343.559.891	80.404.696.898
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.672.797.787	25.483.504.696
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	17.404.627.086	19.572.156.332
4. Phải trả người lao động	314		9.098.381.541	6.366.227.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.328.994.006	12.906.992.842
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		17.090.909	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	90.749.684.242	331.972.869.741
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	51.154.895.489	390.747.465.133
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		364.562.266	376.636.349
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.188.863.559</b>	<b>235.728.311.361</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		6.467.409.967	16.197.670.706
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	51.000.000	5.745.024.396
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	97.369.074.609	213.603.305.259
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.127.987.983	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	8.920.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		173.391.000	173.391.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.821.026.769.561</b>	<b>997.419.062.891</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.816.527.169.561</b>	<b>997.419.062.891</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	2.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	748.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	245.042.505.974	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	1.197.575.779	683.081.038
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.17	247.673.549	221.299.709
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	21.223.506.267	101.951.485.611
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		94.087.256.962	47.051.431.269
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(72.863.750.695)	54.900.054.342
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		48.815.907.992	146.563.196.533
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.499.600.000</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		4.499.600.000	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.206.350.226.337</b>	<b>2.100.977.923.367</b>

 Tạ Văn Quyền  
 Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thu Huyền  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.822.420.845.432	2.109.286.422.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.540.394.085	362.794.250
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.820.880.451.347	2.108.923.628.442
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.743.365.497.071	2.045.921.740.476
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.514.954.276	63.001.887.966
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.951.153.804	34.982.458.850
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.570.308.137	15.903.090.611
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.654.774.684	14.922.773.127
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		10.766.814.399	5.551.142.033
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19.471.525.045	8.754.269.942
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	54.616.788.425	15.013.509.462
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.574.300.872	63.864.618.834
12. Thu nhập khác	31		18.656.225.469	14.576.547.253
13. Chi phí khác	32		10.294.225.218	10.349.108.386
14. Lợi nhuận khác	40	VI.7	8.362.000.251	4.227.438.867
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.936.301.123	68.092.057.701
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	5.523.943.358	10.734.040.569
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.127.987.983	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.284.369.782	57.358.017.132
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15.961.629.305	54.900.054.342
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		322.740.477	2.457.962.790
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	101	734

**Tạ Văn Quyền**  
**Chủ tịch HĐQT**

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

**Hoàng Mạnh Cường**  
**Kế toán trưởng**
**Nguyễn Thị Thu Huyền**  
**Người lập biểu**
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.936.301.123	68.092.057.701
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.333.587.654	21.781.587.151
- Các khoản dự phòng	03		1.520.121.812	(518.772.258)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04		93.526.019	(1.161.469)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.250.972.212)	(44.578.882.117)
- Chi phí lãi vay	06		23.654.774.684	14.922.773.127
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.287.339.080	59.697.602.135
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63.934.170.719)	(251.061.634.094)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.087.033.721)	(9.326.742.044)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		198.509.540.243	(43.878.909.928)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.799.164.357)	2.531.714.420
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(54.852.620.386)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(25.785.087.701)	(10.325.923.200)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.642.099.653)	(17.079.790.569)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		4.500.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.049.323.172	(324.296.303.666)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12.941.446.909)	(35.370.542.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		91.628.400	11.030.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(95.865.562.598)	(25.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		71.071.760.000	57.192.100.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.674.273.255.100)	(81.633.612.949)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		253.488.486.217	260.701.833.184
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.345.918.524	2.576.655.601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.451.082.471.466)	188.797.342.327
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.998.712.505.974	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		430.545.279.619	924.170.564.981
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(886.219.242.455)	(383.673.485.595)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(42.469.400)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.542.996.073.738	540.497.079.386
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		193.962.925.444	404.998.118.047
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		416.449.029.291	11.452.072.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		160.637.809	(1.161.469)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	610.572.592.544	416.449.029.291

**Tạ Văn Quyền**  
**Chủ tịch HĐQT**

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

**Hoàng Mạnh Cường**  
**Kế toán trưởng**
**Nguyễn Thị Thu Huyền**  
**Người lập biểu**



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09 - DN

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1. CÔNG TY MẸ

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016. Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.

#### 2. CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

##### Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

\* Địa chỉ: Lô 5 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 90%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 90%

##### Công ty Cổ phần Tre Công nghiệp Mộc Châu

\* Địa chỉ: Cụm CN Bó Bun, Thị trấn NT Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 96,37%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 96,37%

##### Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods (đổi tên từ Công ty TNHH MTV Nông Sản Thống Nhất)

\* Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 100%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 100%

##### Tổng Công ty Chè Việt Nam -CTCP

\* Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 95 %

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 95%

#### 3. CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT

##### Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng

\* Địa chỉ: Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 35,00%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 35,00%

##### Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn

\* Địa chỉ: Số 8 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh

\* Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 35,00%

\* Quyền biểu quyết của công ty mẹ tại ngày 31/12/2016: 35,00%

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM

#### 1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### 2. KỲ KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

#### 3. CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất năm bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Số liệu của Tổng Công ty Chè Việt Nam được hợp nhất tại Báo cáo tài chính Hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được lấy theo Báo cáo tài chính tại thời điểm chuyển đổi sang Công ty Cổ phần (ngày 17/12/2015) đến 31/12/2016. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp

nhất này Công ty chưa nhận được phê duyệt chính thức giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư

số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 2. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy tính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

##### 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### 3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

##### 4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

###### Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

###### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

##### 5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Mọi chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

###### Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành trong quá trình sáp nhập doanh nghiệp có tính chất mua lại là giá trị hợp lý của tài sản đó vào ngày mua.

###### Khấu hao

	Số năm
Phần mềm kế toán	03 - 05
Tài sản cố định vô hình khác	03 - 08

##### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

###### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

###### Đầu tư vào các công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

###### Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

###### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

###### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài



sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**8. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**9. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**10. DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

**Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

Các khoản vay trong kỳ được thanh toán thẳng cho các nhà cung cấp. Do đó dòng tiền vay thanh toán trực tiếp không được trình bày trên Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính.

**12. THUẾ**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**Thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**
*(Đơn vị tính: VND)*
**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.266.361.426	1.546.666.291
Tiền gửi ngân hàng	29.695.660.602	57.411.684.395
Tiền gửi tài khoản phong tỏa (*)	124.610.570.516	357.490.678.605
Các khoản tương đương tiền (**)	454.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>610.572.592.544</b>	<b>416.449.029.291</b>

*(\*) Đây là khoản tiền thu bán cổ phần cổ phần hóa Tổng Công ty Chè -CTCP*
*(\*\*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng tại các ngân hàng Tiên Phong; Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển.*
**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>183.108.613.547</b>	<b>344.059.027.580</b>
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	31.613.146.376	-
- Công ty CP Chè Kim Anh	36.300.000	3.093.679.876
- Công ty CP Đầu tư và DV Công Nghiệp TN	457.334.246	20.246.059.246
- Công ty CP TM & DV An Thịnh	-	53.828.014.500
- Công ty TNHH Thịnh Phát BP	-	25.968.082.300
- Công ty TNHH Cà Phê Hà Lan Việt Nam	-	12.479.129.390
- Công ty CP Cung ứng VLXD Chí Hoàn	-	13.382.858.566
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	18.347.471.999	48.926.592.000
- Công ty CP Đầu tư BZZ	3.956.400.000	-
- Công ty CP Thiết Kế và Xây Dựng Hải Hà	6.687.516.350	-
- Công ty TNHH Đại Quế Lâm	19.528.940.400	-
- Công ty CP Phát triển và Thương mại Á Châu	6.468.182.500	-
- Công ty CP NLN Châu Giang	34.302.959.744	-
- Phải thu các khách hàng khác	61.710.361.932	166.134.611.702
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>4.932.176.006</b>	<b>6.908.681.864</b>
- Công ty CP Chè Kim Anh	3.435.095.220	3.435.095.220
- Công ty CP Chè Văn Hưng	1.497.080.786	-
- Các khách hàng khác	-	3.473.586.644
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.471.395.220</b>	<b>6.528.775.096</b>
- Công ty CP Chè Kim Anh	3.471.395.220	6.528.775.096

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.304.717.818.899</b>	<b>270.101.786.092</b>
- Công ty TNHH Liên Doanh DMC-VTS	4.721.075.000	9.721.075.000
- Công ty VTS Group	6.556.000.000	11.556.000.000
- Công ty CP Xuất nhập Khẩu Quảng Bình	-	115.849.791.376
- Công ty CP NLN Châu Giang	11.621.300.000	20.000.000.000
- Trả trước tiền mua cổ phần (*)	1.266.387.080.000	102.456.000.000
- Trả trước người bán khác	15.432.363.899	10.518.919.716

**b. Trả trước cho người bán dài hạn-**

(\*) Khoản trả trước cho người bán tại 31/12/2016 là khoản ứng trước cho các cá nhân để mua Cổ phần của Tổng Công ty chăn nuôi - Vilico nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị Quyết HĐQT số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016.

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>7.700.000.000</b>
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Thống Nhất	-	2.700.000.000
- Cho các cá nhân vay	-	5.000.000.000
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>
- Cho các cá nhân vay	5.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>7.700.000.000</b>

**5. PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
	Giá trị Dự phòng	Giá trị Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>132.592.413.463</b>	<b>91.149.011.334</b>
- Tạm ứng	31.583.572.851	20.234.511.103
- Ký quỹ, ký cược	9.250.755.927	14.712.661.331
- Phải thu từ chuyển nhượng vốn:		
+ Nguyễn Thị Hương Trà	-	10.500.000.000
+ Nguyễn Quỳnh Ngọc	-	5.040.000.000
+ Vũ Thị Hương Quỳnh	-	3.780.000.000
+ Nguyễn Văn Nghĩa	-	12.600.000.000
+ Đỗ Công Lộc	15.000.000.000	-
- Công ty CP Chè Phú Đa	3.281.242.825	-
- Nguyễn Thế Hiếu	10.000.000.000	-
- Lãi cho vay phải thu	3.362.380.174	8.573.805.258
- Phải thu ngắn hạn khác	60.114.461.686	15.708.033.642
<b>b. Dài hạn</b>	<b>30.030.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
- Công ty CP ĐT và KS Hợp Thành	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ký quỹ, ký cược	30.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>162.622.413.463</b>	<b>121.149.011.334</b>



**6. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	26.531.401.788	-	19.699.736.990	-
- Công cụ, dụng cụ	2.787.850.581	-	3.402.750.952	-
- Chi phí SX, KD dở dang	10.884.766.930	-	67.100.419.873	-
- Thành phẩm	23.548.673.025	-	27.273.558.915	-
- Hàng hóa	10.598.908.346	-	6.825.300.413	-
- Hàng gửi bán	10.468.361	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>74.362.069.031</b>	<b>-</b>	<b>124.301.767.143</b>	<b>-</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>831.165.497</b>	<b>477.860.625</b>		
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	600.602.063	326.865.711		
- Các khoản khác	230.563.434	150.994.914		
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.986.235.492</b>	<b>6.647.991.333</b>		
- Chi phí nội thất văn phòng làm việc	3.460.103.659	1.896.496.819		
- Công cụ, dụng cụ phân bổ	1.275.551.226	106.670.173		
- Các khoản khác	4.250.580.607	4.644.824.341		
<b>Cộng</b>	<b>9.817.400.989</b>	<b>7.125.851.958</b>		

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**
**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị Cổ phiếu	-	-	64.601.221.391	69.600.000.000
+ Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTEP (VLC)	-	-	64.601.221.391	69.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>64.601.221.391</b>	<b>69.600.000.000</b>

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**
**\*Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	65.522.255.787	176.988.312.000	65.522.255.787	152.163.865.000
- Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn	41.422.300.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Sản xuất và KD GB-TEA	-	-	29.000.000.000	-
- Công ty Chè Phú Đa	143.044.800.000	-	143.044.800.000	-
- Công ty Cổ phần Chè Trần Phú	3.242.731.000	-	3.242.731.000	-
- Công ty Cổ phần Chè Kim Anh	3.024.375.848	-	3.024.375.848	-
- Công ty Cổ phần Chè Thái nguyên	-	-	177.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Vật tư Kỹ thuật	-	-	1.512.953.935	-
- Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	-	-	364.672.800	-
- Công ty CPKD Thái Bình Dương	-	-	140.000.000	-
*Lãi (lỗ) trong liên doanh, liên kết	17.293.534.773	-	9.551.096.222	-
<b>Cộng</b>	<b>273.549.997.408</b>	<b>176.988.312.000</b>	<b>255.579.885.592</b>	<b>152.163.865.000</b>

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

\* Đầu tư vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty TNHH Thống Nhất	79.500.000.000	-	-	79.500.000.000
- Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	30.600.000.000	-	-	30.600.000.000
- Công ty Cổ phần NLN Châu Giang	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
- Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Thống Nhất	95.000.000.000	-	-	-
- Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	67.218.566.491	86.996.916.000	-	-
- Công ty Cổ phần Chè Thái nguyên	177.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chè Hà Tĩnh	364.672.800	-	-	-
- Công ty CPKD Thái Bình Dương	140.000.000	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	131.864.000	-	-	131.864.000
<b>Cộng</b>	<b>291.132.103.291</b>	<b>86.996.916.000</b>	<b>-</b>	<b>128.231.864.000</b>

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 30/06/2016. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>289.162.075.348</b>	<b>203.386.669.955</b>	<b>19.768.394.961</b>	<b>2.370.136.399</b>	<b>16.490.763.678</b>	<b>531.178.040.341</b>					
<b>Tăng trong năm</b>	<b>1.887.883.206</b>	<b>11.269.217.218</b>	<b>1.893.406.503</b>	<b>30.818.182</b>	<b>212.345.945</b>	<b>15.293.671.054</b>					
Mua trong năm	680.156.189	4.450.215.710	1.294.545.454	30.818.182	212.345.945	6.668.081.480					
Đầu tư XDCB hoàn thành	705.587.017	6.683.678.315	-	-	-	7.389.265.332					
Tặng khác	502.140.000	135.323.193	598.861.049	-	-	1.236.324.242					
<b>Giảm trong năm</b>	<b>73.297.781.393</b>	<b>52.049.024.574</b>	<b>1.365.795.484</b>	<b>548.711.995</b>	<b>637.918.928</b>	<b>127.899.232.374</b>					
Giảm do hợp nhất	73.297.781.393	50.761.173.772	69.113.665	412.584.198	-	124.540.653.028					
Giảm khác	-	1.287.850.802	-	136.127.797	637.918.928	2.061.897.527					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.296.681.819	-	-	1.296.681.819					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>217.752.177.161</b>	<b>162.606.862.599</b>	<b>20.296.005.980</b>	<b>1.852.242.586</b>	<b>16.065.190.695</b>	<b>418.572.479.021</b>					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>											
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>116.013.406.280</b>	<b>65.505.961.381</b>	<b>9.592.588.150</b>	<b>1.238.790.205</b>	<b>12.300.297.633</b>	<b>204.651.043.649</b>					
<b>Tăng trong năm</b>	<b>12.487.256.949</b>	<b>15.705.338.732</b>	<b>3.003.258.720</b>	<b>213.863.070</b>	<b>936.799.999</b>	<b>32.346.517.470</b>					
Khấu hao trong năm	11.834.995.834	13.966.168.910	2.214.659.219	213.863.070	770.364.408	29.000.051.441					
Tặng khác	652.261.115	1.739.169.822	788.599.501	-	166.435.591	3.346.466.029					
<b>Giảm trong năm</b>	<b>11.328.291.710</b>	<b>20.406.018.292</b>	<b>1.888.620.661</b>	<b>381.685.576</b>	<b>503.388.648</b>	<b>34.508.004.887</b>					
Giảm do hợp nhất	10.045.431.572	19.173.733.060	41.569.622	219.160.752	-	29.479.895.006					
Giảm khác	1.282.860.138	1.232.285.232	919.923.536	162.524.824	503.388.648	4.100.982.378					
Thanh lý, nhượng bán	-	-	927.127.503	-	-	927.127.503					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.172.371.519</b>	<b>60.805.281.821</b>	<b>10.707.226.209</b>	<b>1.070.967.699</b>	<b>12.733.708.984</b>	<b>202.489.556.232</b>					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>173.148.669.068</b>	<b>137.880.708.574</b>	<b>10.175.806.811</b>	<b>1.131.346.194</b>	<b>4.190.466.045</b>	<b>326.526.996.692</b>					
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>100.579.805.642</b>	<b>101.801.580.778</b>	<b>9.588.779.771</b>	<b>781.274.887</b>	<b>3.331.481.711</b>	<b>216.082.922.789</b>					



**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	860.769.126	-	860.769.126
Mua trong kỳ	256.000.000	98.700.000	354.700.000
Phân loại lại	(493.296.826)	493.296.826	-
Số dư cuối năm	623.472.300	591.996.826	1.215.469.126
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	740.092.743	-	740.092.743
Khấu hao trong kỳ	48.763.983	4.935.000	53.698.983
Phân loại lại	(461.399.109)	461.399.109	-
Số dư cuối năm	327.457.617	466.334.109	793.791.726
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	120.676.383	-	120.676.383
Tại ngày cuối năm	296.014.683	125.662.717	421.677.400

**11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DẪNG**

	Cuối năm	Đầu năm
Công trình 225 Nam kỳ Khởi Nghĩa	22.434.699.148	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	1.341.018.572	1.958.105.876
<b>Cộng</b>	<b>23.775.717.720</b>	<b>1.958.105.876</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>81.343.559.891</b>	<b>81.343.559.891</b>	<b>80.404.696.898</b>	<b>80.404.696.898</b>
- Công ty TNHH XD và Vận tải Hoàng Trường	2.002.700.000	2.002.700.000	2.002.700.000	2.002.700.000
- Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Phong	-	-	11.532.850.400	11.532.850.400
- Công ty CP Sam Phú	-	-	3.454.183.525	3.454.183.525
- Công ty TNHH SX & KD Than Trường Minh	3.470.000.000	3.470.000.000	-	-
- Công ty TNHH Tùng Lâm	25.321.544.000	25.321.544.000	-	-
- Tổng Công ty Sông Gianh - CN Bắc Ninh	4.089.735.000	4.089.735.000	-	-
- Công ty CP Chè Phú Đa	10.576.119.403	10.576.119.403	-	-
- Các khách hàng khác	35.883.461.488	35.883.461.488	63.414.962.973	63.414.962.973
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>81.343.559.891</b>	<b>81.343.559.891</b>	<b>80.404.696.898</b>	<b>80.404.696.898</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Phải thu đầu năm	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu cuối năm	Phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	8.171.002.493	52.325.489.459	52.384.829.637	-	8.111.662.315
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	119.006.758	-	3.033.450.682	2.914.443.924	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	10.244.157	150.967.417	161.211.574	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.517.951.054	6.512.979.931	11.259.574.181	20.566.335	4.791.923.139
- Thuế thu nhập cá nhân	7.129.622	39.796.447	1.689.343.221	1.058.333.017	2.733.794	666.410.823
- Thuế tài nguyên	-	3.869.858	505.324	2.171.934	-	2.203.248
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.904.656.594	2.994.532.470	8.539.676	1.918.663.800
- Các loại thuế khác	-	1.829.292.323	46.911.082	1.876.203.405	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.539.676	-	2.873.958.187	951.654.750	-	1.913.763.761
<b>Cộng</b>	<b>134.676.056</b>	<b>19.572.156.332</b>	<b>71.538.261.897</b>	<b>73.602.954.892</b>	<b>31.839.805</b>	<b>17.404.627.086</b>

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>51.154.895.489</b>	<b>51.154.895.489</b>	<b>157.299.818.209</b>	<b>496.892.387.853</b>	<b>390.747.465.133</b>	<b>390.747.465.133</b>
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức (i)	-	-	-	119.400.000.000	119.400.000.000	119.400.000.000
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (Vay Margin)	-	-	6.002.000.000	19.994.297.776	13.992.297.776	13.992.297.776
- Công ty CP Invest Tây Đại Dương	-	-	-	67.000.000.000	67.000.000.000	67.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-	-	7.868.882.667	45.411.852.466	37.542.969.799	37.542.969.799
- Vay ngắn hạn của Tổng Công ty Chè -CTCP	-	-	27.939.655.040	27.939.655.040	-	-
+ Vay Công ty CP ĐTSX và KD GB-TEA Việt Nam	-	-	27.939.655.040	27.939.655.040	-	-
+ Vay Ngân hàng VP bank (ii)	19.866.489.290	19.866.489.290	37.217.089.310	17.350.600.020	17.350.600.020	17.350.600.020
+ Vay Ngân hàng BIDV Đông Đô (iii)	11.975.225.819	11.975.225.819	26.590.588.370	14.615.362.551	14.615.362.551	14.615.362.551
+ Vay các cá nhân và tổ chức khác (iv)	19.313.180.380	19.313.180.380	14.331.602.822	22.668.320.000	27.649.897.558	27.649.897.558
- Vay của các cá nhân (v)	-	-	-	-	-	-
+ Nguyễn Thị Lý	-	-	-	68.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000
+ Nguyễn Thị Minh Từ	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Nguyễn Văn Tới	-	-	37.350.000.000	37.350.000.000	-	-
+ Phạm Thị Lý	-	-	-	43.162.300.000	43.162.300.000	43.162.300.000
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>97.369.074.609</b>	<b>97.369.074.609</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>416.234.230.650</b>	<b>213.603.305.259</b>	<b>213.603.305.259</b>
- Trái phiếu phát hành (vi)	95.000.000.000	95.000.000.000	300.000.000.000	405.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vay dài hạn của Tổng Công ty Chè -CTCP (iv)	2.369.074.609	2.369.074.609	-	11.234.230.650	13.603.305.259	13.603.305.259
<b>Cộng</b>	<b>148.523.970.098</b>	<b>148.523.970.098</b>	<b>457.299.818.209</b>	<b>913.126.618.503</b>	<b>604.350.770.392</b>	<b>604.350.770.392</b>

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

- (i) Vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô theo các Hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng cấp tín dụng từng lần 1483-LAV-201500422 ngày 12/08/2015, với số tiền vay tối đa là 1.400.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 10%/năm.
  - Hợp đồng cấp tín dụng từng lần 1483-LAV-201500484 ngày 21/09/2015, với số tiền vay tối đa là 46.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng. Thời hạn vay 5 tháng, lãi suất vay 5,5%/năm trong 3 tháng đầu và áp dụng lãi suất cho vay thông thường của Agribank từ tháng thứ 4.
  - Hợp đồng cấp tín dụng từng lần 1483-LAV-201500445 ngày 28/08/2015, với số tiền vay tối đa là 72.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng. Thời hạn vay 5 tháng, lãi suất vay 5,5%/năm trong 3 tháng đầu và áp dụng lãi suất cho vay thông thường của Agribank từ tháng thứ 4.
  - Hình thức bảo đảm: Bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba.
- (ii) Vay Ngân hàng Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng vay, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Mục đích toán tiền mua hàng cho các nhà cung cấp.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đông Đô theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/134820/HĐHMTD ngày 18/7/2016 và Hợp đồng thấu chi số 01/2016/134820/HĐTC ngày 18/7/2016 với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời gian vay dưới 12 tháng.
- (iv) Đây là các khoản cá nhân và các ngân hàng của Tổng Công ty chè và Các công ty con.
- (v) Vay ngắn hạn các cá nhân theo từng hợp đồng cụ thể, lãi suất vay từ 6-7%/năm. Thời hạn vay dưới 12 tháng
- (vi) Trái phiếu phát hành: Trong kỳ Công ty đã tiến hành mua lại toàn bộ 200 trái phiếu với mệnh giá: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu đã phát hành. Đồng thời phát hành 300 trái phiếu mới mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong với kỳ hạn 3 năm, lãi suất kỳ đầu tiên là 10,5%/năm. Các kỳ tiếp theo được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân, kỳ hạn 12 tháng trả sau đối với Đồng Việt Nam công bố tại các chi nhánh, sở giao dịch của bốn ngân hàng Thương mại tại Hà nội bao gồm: Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (sở giao dịch); Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội); Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (Sở giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Hội sở) cộng với biên độ 3,5%/năm. Việc phát hành trái phiếu này thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 15/2016/NQ/HĐQT ngày 27/04/2016.
- Tài sản đảm bảo là: Cổ phiếu sở hữu hợp pháp của GTNfoods tại Tổng Công ty Chè Việt Nam, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay	2.261.014.515	12.767.376.923
Các khoản khác	1.067.979.491	139.615.919
<b>Cộng</b>	<b>3.328.994.006</b>	<b>12.906.992.842</b>



**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	379.482.873	24.017.617
- Bảo hiểm xã hội, Y tế, Thất Nghiệp	204.860.485	19.407.100
- Phải trả về cổ phần hóa tại TCT Chè	56.672.540.730	301.736.791.462
- Lãi vay phải trả Ngân hàng NN&PTNN CN Bách Khoa	-	12.053.738.589
- Công ty CP ĐTSX & KD GB-Tea	14.359.071.507	14.000.000.000
- Ông Michael Louis Rosen	9.260.993.826	-
- Ông Yasuyo Asano	750.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.122.734.821	4.138.914.973
<b>Cộng</b>	<b>90.749.684.242</b>	<b>331.972.869.741</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	51.000.000	51.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	5.694.024.396
<b>Cộng</b>	<b>51.000.000</b>	<b>5.745.024.396</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**
**17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>680.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>115.156.907.337</b>	<b>795.156.907.337</b>	<b>-</b>	<b>68.000.000.000</b>
Tăng vốn	68.000.000.000	-	-	-	-	54.900.054.342
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	(68.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(105.476.068)
Tăng (giảm) do hợp nhất	-	-	683.081.038	221.299.709	-	798.904.679
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>748.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>683.081.038</b>	<b>221.299.709</b>	<b>101.951.485.611</b>	<b>850.855.866.358</b>
<b>NĂM NAY</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>748.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>683.081.038</b>	<b>221.299.709</b>	<b>101.951.485.611</b>	<b>850.855.866.358</b>
Tăng vốn (*)	1.752.000.000.000	245.042.505.974	-	-	-	- 1.997.042.505.974
Lãi trong kỳ	-	-	-	15.961.629.305	-	540.868.581
Tăng do trích lập quỹ	-	-	514.494.741	26.373.840	-	(88.825.380.000)
Lỗi do phân chênh lệch giá trị Công ty con (**)	-	-	-	-	-	(7.864.228.649)
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.500.000.000.000</b>	<b>245.042.505.974</b>	<b>1.197.575.779</b>	<b>247.673.549</b>	<b>21.223.506.267</b>	<b>2.767.711.261.569</b>

(\*) Trong năm công ty tiến hành tăng vốn 2 đợt:

Đợt 1: Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường 2015 (theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) ngày 9 tháng 11 năm 2015 của Công ty đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 75.200.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 748.000.000.000 đồng lên 1.500.000.000.000 đồng.

Đợt 2: Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2016 thông qua phương án phát hành riêng lẻ thêm 100.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 1.500.000.000.000 đồng lên 2.500.000.000.000 đồng.

(\*\*) Lỗi do phân chênh lệch giá trị khoản đầu tư thêm 7.402.115 cổ phiếu của Tổng Công ty Chè Việt Nam. Phần chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối mà không ghi nhận là Lợi thế thương mại theo qui định của Thông tư 202/2014/TT-BTC.

**17.2. Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>250.000.000</b>	<b>74.800.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>74.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	74.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>250.000.000</b>	<b>74.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	74.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
*(Đơn vị tính: VND)*
**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu</b>	<b>1.822.420.845.432</b>	<b>2.109.286.422.692</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.822.420.845.432	2.059.458.267.898
Doanh thu xây dựng	-	49.730.887.099
Doanh thu dịch vụ	-	97.267.695
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>1.540.394.085</b>	<b>362.794.250</b>
Hàng bán bị trả lại	1.540.394.085	362.794.250
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.820.880.451.347</b>	<b>2.108.923.628.442</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.743.365.497.071	1.996.099.522.882
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	49.730.887.099
Giá vốn dịch vụ	-	91.330.495
<b>Cộng</b>	<b>1.743.365.497.071</b>	<b>2.045.921.740.476</b>

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.743.365.497.071	1.996.099.522.882
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	49.730.887.099
Giá vốn dịch vụ	-	91.330.495
<b>Cộng</b>	<b>1.743.365.497.071</b>	<b>2.045.921.740.476</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.999.944.013	2.215.222.406
Lãi chênh lệch tỷ giá	159.057.595	2.425.539
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.016.000.000	400.360.000
Lãi chuyển nhượng Cổ phần	11.088.736.036	27.769.695.624
Lãi từ đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	-	4.137.299.000
Chiết khấu thanh toán	687.416.160	457.456.281
<b>Cộng</b>	<b>25.951.153.804</b>	<b>34.982.458.850</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.654.774.684	14.922.773.127
Lỗ từ đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	-	1.424.694.571
Hoàn nhập dự phòng	-	(866.570.005)
Trích lập dự phòng	258.372.952	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	167.286.562	169.762.809
Chi phí tài chính khác	489.873.939	252.430.109
<b>Cộng</b>	<b>24.570.308.137</b>	<b>15.903.090.611</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	7.465.797.346	1.416.324.660
Chi phí dụng cụ bán hàng	392.121.784	30.314.476
Chi phí khấu hao	172.375.690	34.877.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.816.966.361	6.414.941.509
Chi phí bán hàng khác	1.624.263.864	857.812.253
<b>Cộng</b>	<b>19.471.525.045</b>	<b>8.754.269.942</b>



**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	24.303.098.742	3.430.665.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.678.259.278	292.401.195
Chi phí khấu hao	4.396.480.275	748.608.644
Chi phí dự phòng	4.066.139.228	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.937.752.601	5.382.135.441
Chi phí quản lý khác	11.235.058.301	5.159.698.693
<b>Cộng</b>	<b>54.616.788.425</b>	<b>15.013.509.462</b>

**7. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>18.656.225.469</b>	<b>14.576.547.253</b>
Lãi từ thanh lý TSCĐ	125.876.027	6.184.499.264
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	4.846.214.365	357.208.182
Thu nhập khác	13.684.135.077	8.034.839.807
<b>Chi phí khác</b>	<b>10.294.225.218</b>	<b>10.349.108.386</b>
Chi phí thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	3.176.906.737	3.010.843.845
Tiền phạt thuế, chậm nộp thuế	3.483.505.049	365.784.419
Tiền phạt thực hiện hợp đồng	-	2.042.838.046
Chi phí khác	3.633.813.432	4.929.642.076
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>8.362.000.251</b>	<b>4.227.438.867</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN Công ty mẹ	1.611.464.054	6.518.875.905
Thuế TNDN các Công ty con	3.912.479.304	4.215.164.664
<b>Cộng</b>	<b>5.523.943.358</b>	<b>10.734.040.569</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế	15.961.629.305	54.900.054.342
Các khoản điều chỉnh (*)		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.961.629.305	54.900.054.342
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	158.738.251	74.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>101</b>	<b>734</b>

(\*) Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

**10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.700.125.006	92.307.874.715
Chi phí nhân công	59.446.291.768	9.722.593.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.053.750.424	22.044.844.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.132.086.400	15.295.281.768
Chi phí khác	25.731.123.407	41.032.159.738
<b>Cộng</b>	<b>302.063.377.005</b>	<b>180.402.754.532</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Mối quan hệ của các bên liên quan trong kỳ**

**Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Chè Phú Đa	Công ty liên kết của Công ty con
- Công ty CP Chè Kim Anh	Công ty liên kết của Công ty con
- Tổng Công ty Lâm nghiệp Sài Gòn	Công ty liên kết
- Công ty TNHH MTV Ladofood	Công ty con của Công ty liên kết
- Ông Michael Louis Rosen	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Cổ đông lớn, đồng thời ông Nguyễn Trí Thiện là Thành viên HĐQT của GTNfoods và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương đến 25/05/2016.

**Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Trả gốc vay	67.000.000.000
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Lãi đi vay	372.222.223
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Trả lãi đi vay	1.667.555.556
Công ty TNHH MTV Ladofood	Mua hàng	213.544.574
Ông Michael Louis Rosen	Phí môi giới	9.260.993.826
Công ty CP Chè Phú Đa	Mua hàng	120.950.245.143
Công ty CP Chè Kim Anh	Mua hàng	657.497.762
Tổng Công ty Lâm nghiệp Sài Gòn	Bán hàng	2.120.933.650

**Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2016**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Ông Michael Louis Rosen	Phải trả khác	9.260.993.826
Công ty CP Chè Phú Đa	Phải thu khác	3.281.242.825
Công ty CP Chè Phú Đa	Phải trả người bán	10.576.119.403
Công ty CP Chè Kim Anh	Phải thu khách hàng	3.471.395.220

**Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3.256.063.020	1.076.460.000
<b>Cộng</b>	<b>3.256.063.020</b>	<b>1.076.460.000</b>

**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**2.1. Thông tin bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

	Phân bón	Nông sản	Mặt hàng khác	Tổng Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	520.718.852.150	722.786.173.962	577.375.425.235	1.820.880.451.347
Khấu hao và chi phí phân bổ	(515.176.161.461)	(703.901.793.009)	(524.287.542.601)	(1.743.365.497.071)
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	5.542.690.689	18.884.380.953	53.087.882.634	77.514.954.276
Chi phí không phân bổ			-	(74.088.313.470)
Doanh thu tài chính	-	-	-	25.951.153.804
Chi phí tài chính	-	-	-	(24.570.308.137)
Lợi nhuận từ Công ty liên kết, liên doanh				10.766.814.399
Thu nhập khác	-	-	-	18.656.225.469
Chi phí khác	-	-	-	(10.294.225.218)
Chi phí khác	-	-	-	(10.294.225.218)

	Phân bón	Nông sản	Mặt hàng khác	Tổng Cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH (tiếp theo)</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	23.936.301.123
Chi phí thuế	-	-	-	(7.651.931.341)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>16.284.369.782</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản bộ phận	39.770.215.622	10.383.168.958	1.142.837.794.678	1.192.991.179.258
Tài sản không phân bổ			-	2.013.359.047.079
<b>Tổng tài sản</b>			<b>-</b>	<b>3.206.350.226.337</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả bộ phận	5.746.535.000	3.990.536.553	296.339.503.045	306.076.574.598
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	79.246.882.178
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>385.323.456.776</b>

**2.2 Thông tin bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý**

	Hà nội	Tây Nguyên	Khu vực khác	Tổng cộng toàn Công ty
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	520.718.852.150	722.786.173.962	577.375.425.235	1.820.880.451.347
Giá vốn	(515.176.161.461)	(703.901.793.009)	(524.287.542.601)	(1.743.365.497.071)
Lợi nhuận gộp	5.542.690.689	18.884.380.953	53.087.882.634	77.514.954.276
Tài sản bộ phận	2.934.650.801.378	10.383.168.957	261.316.256.002	3.206.350.226.337
Nợ phải trả bộ phận	112.614.725.752	3.990.536.553	268.718.194.471	385.323.456.776

**3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

**3.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	610.572.592.544	416.449.029.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	348.795.283.457	442.116.720.778
Đầu tư ngắn hạn	30.262.808.598	74.810.227.391
Đầu tư dài hạn	594.712.100.699	413.811.749.592
Tài sản tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>1.584.342.785.298</b>	<b>1.347.187.727.052</b>



	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	148.523.970.098	604.350.770.392
Phải trả người bán và phải trả khác	172.144.244.133	418.122.591.035
Chi phí phải trả	3.328.994.006	12.906.992.842
<b>Cộng</b>	<b>323.997.208.237</b>	<b>1.035.380.354.269</b>

### 3.1. Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

### 3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### 3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

#### 3.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có

được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### 3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

#### 3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### 3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối kỳ			
Các khoản vay	51.154.895.489	97.369.074.609	148.523.970.098
Phải trả người bán và phải trả khác	172.093.244.133	51.000.000	172.144.244.133
Chi phí phải trả	3.328.994.006	-	3.328.994.006
<b>Cộng</b>	<b>226.577.133.628</b>	<b>97.420.074.609</b>	<b>323.997.208.237</b>
Số dư đầu kỳ			
Các khoản vay	390.747.465.133	213.603.305.259	604.350.770.392
Phải trả người bán và phải trả khác	412.377.566.639	5.745.024.396	418.122.591.035
Chi phí phải trả	12.906.992.842	-	12.906.992.842
<b>Cộng</b>	<b>816.032.024.614</b>	<b>219.348.329.655</b>	<b>1.035.380.354.269</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
Số dư cuối kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	610.572.592.544	-	610.572.592.544
Phải thu khách hàng và phải thu khác	348.795.283.457	-	348.795.283.457
Đầu tư ngắn hạn	30.262.808.598	-	30.262.808.598
Đầu tư dài hạn	-	594.712.100.699	594.712.100.699
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>989.630.684.599</b>	<b>594.712.100.699</b>	<b>1.584.342.785.298</b>
Số dư đầu kỳ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	416.449.029.291	-	416.449.029.291
Phải thu khách hàng và phải thu khác	435.208.038.914	6.908.681.864	442.116.720.778
Đầu tư ngắn hạn	74.810.227.391	-	74.810.227.391
Đầu tư dài hạn	-	413.811.749.592	413.811.749.592
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>926.467.295.596</b>	<b>420.720.431.456</b>	<b>1.347.187.727.052</b>

## 4. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo

## 5. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2016.

## 6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.

**Tạ Văn Quyền**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

**Hoàng Mạnh Cường**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Huyền**  
Người lập biểu



**GTN Foods**

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	92
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.....	93
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG.....	94 - 95
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG.....	96
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG.....	97
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG.....	98 - 118



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Tạ Văn Quyền	Chủ tịch
Ông Nghiêm Văn Thắng	Phó chủ tịch
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Thiện	Thành viên
Ông Hoàng Mạnh Cường	Thành viên
Ông La Mạnh Tiến	Thành viên
Bà Chew Mei Ying	Thành viên

#### BAN GIÁM ĐỐC

Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông La Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Hoài Bảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Hồng Thái	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Cường	Giám đốc tài chính

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công

ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.

**Tạ Văn Quyền**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

Số: /2017/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty cổ phần GTNfoods**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần GTNfoods (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25/03/2017, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các

số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội**

**HOÀNG ĐÌNH HẢI - Phó Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2015-037-1

**LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2014-037-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

 MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.894.016.829.082</b>	<b>593.363.955.178</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>469.263.504.377</b>	<b>48.031.364.526</b>
1. Tiền	111		15.263.504.377	48.031.364.526
2. Các khoản tương đương tiền	112		454.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.8a</b>	<b>-</b>	<b>64.601.221.391</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	64.601.221.391
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.416.014.804.526</b>	<b>480.411.732.073</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	40.582.658.538	194.750.891.371
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.278.473.893.531	242.827.801.813
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	27.500.000.000	6.389.500.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	69.458.252.457	36.443.538.889
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>8.498.717.468</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	8.498.717.468	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>239.802.711</b>	<b>319.637.188</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	188.862.504	60.079.617
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.355.324	259.557.571
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.12	6.584.883	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.051.017.141.253</b>	<b>803.565.650.553</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.529.775.779</b>	<b>4.161.248.365</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.462.689.774	4.102.915.040
- Nguyên giá	222		4.544.592.728	4.544.592.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.081.902.954)	(441.677.688)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	67.086.005	58.333.325
- Nguyên giá	228		142.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.913.995)	(41.666.675)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.8b</b>	<b>1.047.120.031.115</b>	<b>799.089.478.087</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		878.123.752.300	623.467.222.300
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		106.944.555.787	65.522.255.787
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		67.218.566.491	110.100.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.166.843.463)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>367.334.359</b>	<b>314.924.101</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	367.334.359	314.924.101
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.945.033.970.335</b>	<b>1.396.929.605.731</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016*

 MẪU SỐ B 01-DN  
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>116.605.262.305</b>	<b>572.838.124.063</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.605.262.305</b>	<b>372.838.124.063</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	8.801.484.898	36.354.936.407
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.045.816.647	6.528.138.213
4. Phải trả người lao động	314		233.043.323	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	513.923.611	4.400.451.667
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	10.010.993.826	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	-	325.554.597.776
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>95.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	95.000.000.000	200.000.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.828.428.708.030</b>	<b>824.091.481.668</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>2.828.428.708.030</b>	<b>824.091.481.668</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.500.000.000.000	748.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.500.000.000.000	748.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		245.042.505.974	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.386.202.056	76.091.481.668
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		76.091.481.668	38.107.733.001
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.294.720.388	37.983.748.667
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.945.033.970.335</b>	<b>1.396.929.605.731</b>

 Tạ Văn Quyền  
 Chủ tịch HĐQT  
 Ngày 25 tháng 03 năm 2017

 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thu Huyền  
 Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.243.505.026.112</b>	<b>1.889.169.033.873</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.243.505.026.112</b>	<b>1.889.169.033.873</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.219.077.954.470	1.855.437.775.130
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>24.427.071.642</b>	<b>33.731.258.743</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.471.268.077	32.366.200.946
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	24.091.230.694	13.581.242.933
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.448.287.995	12.770.688.258
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.078.401.307	1.652.586.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.601.321.712	4.139.147.124
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11.127.386.006</b>	<b>46.724.482.982</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	9.021.796	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.230.223.360	2.221.858.410
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.7</b>	<b>(2.221.201.564)</b>	<b>(2.221.858.410)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>8.906.184.442</b>	<b>44.502.624.572</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.611.464.054	6.518.875.905
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>7.294.720.388</b>	<b>37.983.748.667</b>

 Tạ Văn Quyền  
 Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thu Huyền  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MẪU SỐ B 03-DNN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>8.906.184.442</b>	<b>44.502.624.572</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		673.472.586	348.062.801
- Các khoản dự phòng	03		5.166.843.463	(866.570.005)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.471.268.077)	(28.228.901.946)
- Chi phí lãi vay	06		18.448.287.995	12.770.688.258
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>7.723.520.409</b>	<b>28.525.903.680</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		336.152.995.796	(219.885.396.690)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.498.717.468)	144.729.392
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.898.408.966)	(91.786.733.394)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(181.193.145)	242.794.044
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(54.852.620.386)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.327.316.051)	(8.377.736.591)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.518.875.896)	(14.479.139.329)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>289.452.004.679</b>	<b>(360.468.199.274)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(42.000.000)	(3.565.840.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(93.022.000.000)	(24.389.500.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		71.911.500.000	56.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.672.173.255.100)	(400.531.785.927)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		252.184.480.000	261.600.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.433.502.074	2.157.007.030
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.434.707.773.026)</b>	<b>(108.730.118.897)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.997.042.505.974	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		343.352.000.000	869.493.738.150
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(773.906.597.776)	(360.939.140.374)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.566.487.908.198</b>	<b>508.554.597.776</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>421.232.139.851</b>	<b>39.356.279.605</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>48.031.364.526</b>	<b>8.675.084.921</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>469.263.504.377</b>	<b>48.031.364.526</b>

 Tạ Văn Quyền  
 Chủ tịch HĐQT

Ngày 25 tháng 03 năm 2017

 Hoàng Mạnh Cường  
 Kế toán trưởng

 Nguyễn Thị Thu Huyền  
 Người lập biểu

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - DN

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần GTNfoods được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 số 0105334948 vào ngày 17 tháng 11 năm 2016. Vốn điều lệ: 2.500.000.000.000 đồng.

#### Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 2. HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến

không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

#### Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

##### Mức trích lập dự phòng

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

#### Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài

sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

##### Số năm

Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

### 5. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3-5 năm.

### 6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

#### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công



ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

**7. CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**9. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được

ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**10. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**11. DOANH THU**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

**Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. THUẾ**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

(Đơn vị tính: VND)

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.418.207.469	542.450.642
Tiền gửi ngân hàng	13.845.296.908	47.488.913.884
Các khoản tương đương tiền (*)	454.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>469.263.504.377</b>	<b>48.031.364.526</b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng tại các ngân hàng Tiên Phong; Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển.

**2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>40.582.658.538</b>	<b>194.750.891.371</b>
- CN Tổng Công ty Chè - Công ty Chè Mộc Châu	3.743.335.000	-
- Công ty CP Đầu tư BZZ	3.956.400.000	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	31.613.146.376	-
- Công ty CP Nhựa Miền Trung	-	5.003.055.935
- Công ty CP Đầu tư và DV Công Nghiệp TN	457.334.246	20.246.059.246
- Công ty CP TM&DV An Thành	-	53.828.014.500
- Công ty TNHH Thịnh Phát BP	-	25.968.082.300
- Công ty TNHH Cà Phê Hà Lan Việt Nam	-	12.479.129.390
- Phải thu các khách hàng khác	812.442.916	77.226.550.000
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
- Công ty CP Nhựa Miền Trung	-	5.003.055.935
- CN Tổng Công ty Chè - Công ty Chè Mộc Châu	3.743.335.000	-

**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.278.473.893.531</b>	<b>242.827.801.813</b>
- Công ty TNHH Liên Doanh DMC-VTS	4.721.075.000	9.721.075.000
- Công ty VTS Group	6.556.000.000	11.556.000.000
- Công ty CP Xuất nhập Khẩu Quảng Bình	-	115.849.791.376
- Trả trước tiền mua cổ phần (*)	1.266.387.080.000	102.456.000.000
- Trả trước người bán khác	809.738.531	3.244.935.437
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.278.473.893.531</b>	<b>242.827.801.813</b>

(\*) Khoản trả trước cho người bán tại 31/12/2016 là khoản ứng trước cho các cá nhân để mua Cổ phần của Tổng Công ty chăn nuôi -Vilico nhằm mục đích nâng tỷ lệ sở hữu lên 65% theo Nghị Quyết HĐQT số 29/2016/NQ/HĐQT ngày 23/11/2016.

**4. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>27.500.000.000</b>	<b>6.389.500.000</b>
- Công ty CP Nhựa Miền Trung	-	2.760.000.000
- Công ty CP Xây dựng Hạ tầng Thống Nhất	-	2.700.000.000
- Công ty CP tre Công nghiệp Mộc Châu	-	929.500.000
- Tổng Công ty Chè -CTCP	27.500.000.000	-
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	-	-
<b>Trong đó phải thu về cho vay bên liên quan</b>	<b>27.500.000.000</b>	<b>3.689.500.000</b>
- Tổng Công ty Chè -CTCP	27.500.000.000	-
- Công ty CP Nhựa Miền Trung	-	2.760.000.000
- Công ty CP Tre Công nghiệp Mộc Châu	-	929.500.000

(\*) Cho các công ty vay theo các Hợp đồng vay với thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 8-10%/năm

**5. PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>69.458.252.457</b>	-	<b>36.443.538.889</b>	-
- Tạm ứng	10.000.000	-	9.290.000	-
- Ký quỹ, ký cược	128.940.962	-	4.300.080.000	-
- Phải thu từ chuyển nhượng vốn:				
+ Nguyễn Thị Hương Trà	-	-	10.500.000.000	-
+ Nguyễn Quỳnh Ngọc	-	-	5.040.000.000	-
+ Vũ Thị Hương Quỳnh	-	-	3.780.000.000	-
+ Nguyễn Văn Nghĩa	-	-	12.600.000.000	-
+ Đỗ Công Lộc	15.000.000.000	-	-	-
+ Lãi cho vay phải thu	1.604.977.779	-	214.168.889	-
- Các khoản phải thu khác	52.714.333.716	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>69.458.252.457</b>	-	<b>36.443.538.889</b>	-

**6. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	8.498.717.468	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.498.717.468</b>	-	-	-

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>188.862.504</b>	<b>60.079.617</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	2.034.132	60.079.617
- Các khoản khác	186.828.372	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>367.334.359</b>	<b>314.924.101</b>
- Chi phí nội thất văn phòng làm việc	-	206.338.268
- Chi phí công cụ, dụng cụ	98.271.412	106.670.173
- Các chi phí khác	269.062.947	1.915.660
<b>Cộng</b>	<b>556.196.863</b>	<b>375.003.718</b>



**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**
**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng
- Tổng giá trị Cổ phiếu	-	-	-	-
+ Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng
<b>* Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>878.123.752.300</b>	<b>-</b>	<b>(5.166.843.463)</b>	<b>623.467.222.300</b>
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
- Công ty CP VLXD Thống Nhất Miền Trung	-	-	-	16.000.000.000
- Công ty Cổ phần Năng lượng Thống Nhất	-	-	-	95.000.000.000
- Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods (*)	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
- Công ty CP Vật tư NN Thống Nhất Tây Nguyên	-	-	-	90.000.000
- Công ty TNHH MTV Tradding Thống Nhất	-	-	-	100.000.000
- Tổng công ty chè Việt Nam - CTCP	443.123.752.300	-	(2.186.876.032)	280.277.222.300
- Công ty CP tre CN Mộc Châu	292.000.000.000	-	(2.979.967.431)	89.000.000.000
<b>* Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>106.944.555.787</b>	<b>176.988.312.000</b>	<b>-</b>	<b>65.522.255.787</b>
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	65.522.255.787	176.988.312.000	65.522.255.787	152.163.865.000
- Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn	41.422.300.000	-	-	-

(\*) Đối tên từ Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng
* Đầu tư vào đơn vị khác	67.218.566.491	80.907.131.880	-	110.100.000.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	-	-	-	79.500.000.000
- Công ty Cổ phần Granite Phú Yên	-	-	-	30.600.000.000
- Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam (VLC)	67.218.566.491	80.907.131.880	-	-

(\*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2016. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:**

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Lô 5 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, xã Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	90%	90%	Sản xuất ống nhựa và các sản phẩm khác từ plastic
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	92 Võ thị Sáu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	100%	100%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	92 Võ thị Sáu, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội	95%	95%	Kinh doanh, sản xuất chè
Công ty CP Tre CN Mộc Châu	Cụm CN Bó Bun, Thị trấn NT Mộc Châu, H. Mộc Châu, Sơn La	96,73%	96,73%	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu

**Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:**

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty CP Thực Phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng	35%	35%	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm..
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn	08 Hoàng Hoa Thám, Phường 7, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	35%	35%	Trồng rừng, chế biến gỗ, nuôi cá sấu...

**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	4.441.692.728	102.900.000	4.544.592.728
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	4.441.692.728	102.900.000	4.544.592.728
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	412.205.444	29.472.244	441.677.688
Khấu hao trong năm	606.758.616	33.466.650	640.225.266
Số dư cuối năm	1.018.964.060	62.938.894	1.081.902.954
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	4.029.487.284	73.427.756	4.102.915.040
Tại ngày cuối năm	3.422.728.668	39.961.106	3.462.689.774

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	100.000.000	100.000.000
Mua trong năm	42.000.000	42.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	142.000.000	142.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	41.666.675	41.666.675
Khấu hao trong năm	33.247.320	33.247.320
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	74.913.995	74.913.995
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	58.333.325	58.333.325
Tại ngày cuối năm	67.086.005	67.086.005

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>8.801.484.898</b>	<b>8.801.484.898</b>	<b>8.801.484.898</b>	<b>36.354.936.407</b>
- Công ty TNHH XD và Vận tải Hoàng Trường	2.002.700.000	2.002.700.000	2.002.700.000	2.002.700.000
- Công ty TNHH SX-TM-DV Việt Phong	-	-	-	11.532.850.400
- Tổng Công ty Sông Gianh -CN Bắc Ninh	4.089.735.000	4.089.735.000	4.089.735.000	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Thiên Hòa Đất Việt	1.656.800.000	1.656.800.000	1.656.800.000	-
- Các khách hàng khác	1.052.249.898	1.052.249.898	1.052.249.898	22.819.386.007
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.801.484.898</b>	<b>8.801.484.898</b>	<b>8.801.484.898</b>	<b>36.354.936.407</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số phải nộp cuối năm	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	-	24.449.994.157	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.512.291.013	6.518.875.896	6.584.883	1.611.464.053	1.611.464.053
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.847.200	707.996.852	-	434.352.594	434.352.594
Các loại thuế khác	-	-	17.291.797	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.528.138.213</b>	<b>27.205.252.253</b>	<b>6.584.883</b>	<b>2.045.816.647</b>	<b>2.045.816.647</b>



**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Thủ Đức (i)	-	-	43.352.000.000	368.906.597.776	325.554.597.776	325.554.597.776
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (Vay Margin)	-	-	6.002.000.000	19.994.297.776	13.992.297.776	13.992.297.776
- Công ty CP Invest Tây Đại Dương	-	-	-	67.000.000.000	67.000.000.000	67.000.000.000
- Vay của các cá nhân (ii)	-	-	-	-	-	-
+ Nguyễn Thị Lý	-	-	-	68.000.000.000	68.000.000.000	68.000.000.000
+ Nguyễn Thị Minh Từ	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
+ Nguyễn Văn Tới	-	-	37.350.000.000	37.350.000.000	-	-
+ Phạm Thị Lý	-	-	-	43.162.300.000	43.162.300.000	43.162.300.000
<b>b. Vay dài hạn</b>						
- Trái phiếu phát hành (iii)	95.000.000.000	95.000.000.000	300.000.000.000	405.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
	95.000.000.000	95.000.000.000	300.000.000.000	405.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>343.352.000.000</b>	<b>773.906.597.776</b>	<b>525.554.597.776</b>	<b>525.554.597.776</b>

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(i): Vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ đô theo Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cấp tín dụng từng lần 1483-LAV-201500422 ngày 12/08/2015, với số tiền vay tối đa là 1.400.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 10%/năm.
- Hợp đồng cấp tín dụng từng lần 1483-LAV-201500484 ngày 21/09/2015, với số tiền vay tối đa là 46.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng. Thời hạn vay 5 tháng, lãi suất vay 5,5%/năm trong 3 tháng đầu và áp dụng lãi suất cho vay thông thường của Agribank từ tháng thứ 4.
- Hợp đồng cấp tín dụng từng lần 1483-LAV-201500445 ngày 28/08/2015, với số tiền vay tối đa là 72.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền hàng. Thời hạn vay 5 tháng, lãi suất vay 5,5%/năm trong 3 tháng đầu và áp dụng lãi suất cho vay thông thường của Agribank từ tháng thứ 4.
- Hình thức bảo đảm: Bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của bên thứ ba.

(ii): Vay ngắn hạn các cá nhân theo từng hợp đồng cụ thể, lãi suất vay từ 6-7%/năm. Thời hạn vay 6 tháng

(iii): Trái phiếu phát hành: trong năm Công ty đã tiến hành mua lại toàn bộ 200 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu đã phát hành. Đồng thời phát hành 300 trái phiếu mới mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong với kỳ hạn 3 năm, lãi suất kỳ đầu tiên là 10,5%/năm. Các kỳ tiếp theo được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiết kiệm cá nhân, kỳ hạn 12 tháng trả sau đối với Đồng Việt Nam công bố tại các chi nhánh, sở giao dịch của bốn ngân hàng Thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam (sở giao dịch); Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội); Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam (Sở giao dịch 1) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Hội sở) cộng với biên độ 3,5%/năm. Việc phát hành trái phiếu này thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2016/NQ/HĐQT ngày 27/04/2016.

Tài sản đảm bảo là: Cổ phiếu sở hữu hợp pháp của GTNfoods tại Tổng Công ty Chè Việt Nam, Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam, Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung.

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay phải trả	513.923.611	4.392.951.667
Chi phí thuê mặt bằng	-	7.500.000
<b>Cộng</b>	<b>513.923.611</b>	<b>4.400.451.667</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
- Michael Louis Rosen	9.260.993.826	-
- Yasuyo Asano	750.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.010.993.826</b>	<b>-</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**
**16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>				
Số dư đầu năm	680.000.000.000	-	106.107.733.001	786.107.733.001
Tăng vốn	68.000.000.000	-	-	68.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	37.983.748.667	37.983.748.667
Chia cổ tức	-	-	(68.000.000.000)	(68.000.000.000)
Số dư cuối năm	748.000.000.000	-	76.091.481.668	824.091.481.668
<b>NĂM NAY</b>				
Số dư đầu năm	748.000.000.000	-	76.091.481.668	824.091.481.668
Tăng vốn (*)	1.752.000.000.000	245.042.505.974	-	1.997.042.505.974
Lãi trong năm	-	-	7.294.720.388	7.294.720.388
Số dư cuối năm	2.500.000.000.000	245.042.505.974	83.386.202.056	2.828.428.708.030

(\*) Trong năm công ty tiến hành tăng vốn 2 đợt:

Đợt 1: Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường 2015 (theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) ngày 9 tháng 11 năm 2015 của Công ty đã thông qua phương án phát hành riêng lẻ 75.200.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 748.000.000.000 đồng lên 1.500.000.000.000 đồng.

Đợt 2: Tăng vốn theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2016 thông qua phương án phát hành riêng lẻ thêm 100.000.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 1.500.000.000.000 đồng lên 2.500.000.000.000 đồng.

**16.2. Cổ phiếu**

	Cuối năm Cổ phiếu	Đầu năm Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>250.000.000</b>	<b>74.800.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>250.000.000</b>	<b>74.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	74.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>250.000.000</b>	<b>74.800.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	250.000.000	74.800.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

(Đơn vị tính: VND)

**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu</b>	<b>1.243.505.026.112</b>	<b>1.889.169.033.873</b>
Doanh thu bán hàng hóa	1.243.505.026.112	1.889.169.033.873
b. Các khoản giảm trừ	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.243.505.026.112</b>	<b>1.889.169.033.873</b>

**Trong đó doanh thu với bên liên quan**

	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Nhựa Miền trung	-	7.662.050.850
- Công ty CP Invest Tây Đại Dương	-	256.875.400.727
- CN Tổng Công ty Chè - Công ty Chè Mộc Châu	3.743.754.986	-

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, đã bán	1.219.077.954.470	1.855.437.775.130
<b>Cộng</b>	<b>1.219.077.954.470</b>	<b>1.855.437.775.130</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.455.268.077	1.858.541.946
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.016.000.000	400.360.000
Lãi chuyển nhượng Cổ phần	14.000.000.000	25.970.000.000
Lãi từ đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	-	4.137.299.000
<b>Cộng</b>	<b>25.471.268.077</b>	<b>32.366.200.946</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	18.448.287.995	12.770.688.258
Lỗ từ đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	-	1.424.694.571
Hoàn nhập dự phòng	-	(866.570.005)
Trích lập dự phòng	5.166.843.463	-
Chi phí tài chính khác	476.099.236	252.430.109
<b>Cộng</b>	<b>24.091.230.694</b>	<b>13.581.242.933</b>



**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.305.565.348	580.782.920
Chi phí dịch vụ mua ngoài	525.609.700	235.798.403
Chi phí bán hàng khác	247.226.259	836.005.327
<b>Cộng</b>	<b>2.078.401.307</b>	<b>1.652.586.650</b>

**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.046.776.732	1.565.509.885
Chi phí đồ dùng văn phòng	330.221.746	269.924.184
Chi phí khấu hao	673.472.586	348.062.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.506.451.728	571.819.267
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí quản lý khác	2.044.398.920	1.383.830.987
<b>Cộng</b>	<b>12.601.321.712</b>	<b>4.139.147.124</b>

**7. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>9.021.796</b>	<b>-</b>
Thu nhập khác	9.021.796	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.230.223.360</b>	<b>2.221.858.410</b>
Tiền phạt thuế, chậm nộp thuế	1.868.850.338	141.986.116
Tiền phạt thực hiện hợp đồng	-	2.042.838.046
Chi phí khác	361.373.022	37.034.248
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(2.221.201.564)</b>	<b>(2.221.858.410)</b>

**8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.906.184.442</b>	<b>44.502.624.572</b>
<b>Điều chỉnh tăng</b>	<b>2.167.135.830</b>	<b>156.480.116</b>
Chi phí loại trừ khi tính thuế	2.127.478.114	156.480.116
Tăng khác	39.657.716	-
<b>Điều chỉnh giảm</b>	<b>3.016.000.000</b>	<b>15.027.850.575</b>
Cổ tức được chia	3.016.000.000	400.360.000
Thu nhập từ hoạt động không chịu thuế	-	14.627.490.575
<b>Lợi nhuận tính thuế TNDN</b>	<b>8.057.320.272</b>	<b>29.631.254.113</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.611.464.054</b>	<b>6.518.875.905</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**9. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	330.221.746	269.924.184
Chi phí nhân công	7.352.342.080	2.146.292.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	673.472.586	348.062.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.032.061.428	807.617.670
Chi phí khác	2.291.625.179	2.219.836.314
<b>Cộng</b>	<b>14.679.723.019</b>	<b>5.791.733.774</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

(Đơn vị tính: VND)

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**
**Mối quan hệ của các bên liên quan trong năm**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Nhựa Miền Trung - Công ty CP Tre Mộc Châu - Tổng Công ty Chè Việt Nam - CN TCT Chè - Công ty Chè Mộc Châu - Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods - Công ty TNHH MTV Ladofood - Ông Michael Louis Rosen - Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Công ty con Công ty con Công ty con Chi nhánh phụ thuộc của Công ty con Công ty con Công ty con của Công ty liên kết Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Cổ đông lớn, đồng thời ông Nguyễn Trí Thiện là Thành viên HĐQT của GTNfoods và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương đến 25/05/2016

**Giao dịch với các bên liên quan trong năm**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Trả gốc vay	67.000.000.000
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Lãi đi vay	372.222.223
Công ty Cổ phần Invest Tây Đại Dương	Trả lãi đi vay	1.667.555.556
Công ty CP Tre Mộc Châu	Thu gốc vay	929.500.000
Công ty CP Tre Mộc Châu	Cho vay	522.000.000
Công ty CP Tre Mộc Châu	Lãi cho vay	1.737.333
Công ty CP Tre Mộc Châu	Chuyển nhượng Cổ phần	205.100.000.000
CN TCT Chè-Cty Chè mộc châu	Thu lại tiền trả trước	3.000.000.000
Công ty CP Tre Mộc Châu	Góp bổ sung vốn	203.000.000.000
Tổng Công ty Chè Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	27.500.000.000
Tổng Công ty Chè Việt Nam	Lãi cho vay	102.666.667
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Cho vay ngắn hạn	65.000.000.000
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Thu gốc vay	65.000.000.000
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng GTNfoods	Lãi cho vay	1.361.111.111
Công ty CP Nhựa Miền Trung	Thu gốc vay	2.760.000.000
Công ty CP Nhựa Miền Trung	Lãi cho vay	16.954.000
CN TCT Chè-Công ty Chè mộc châu	Bán hàng	3.743.754.986
CN TCT Chè-Công ty Chè mộc châu	Mua hàng	13.683.646.000
Công ty TNHH MTV Ladofood	Mua hàng	213.544.574
Ông Michael Louis Rosen	Phí môi giới	9.260.993.826

**Số dư với bên liên quan tại ngày 31/12/2016**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
- Tổng Công ty Chè Việt Nam	Cho vay ngắn hạn	27.500.000.000
- Tổng Công ty Chè Việt Nam	Phải thu khác	102.666.667
- Ông Michael Louis Rosen	Phải trả khác	9.260.993.826
- CN TCT Chè-Công ty Chè Mộc Châu	Phải trả người bán	1.052.010.600
- CN TCT Chè-Công ty Chè Mộc Châu	Phải thu khách hàng	3.743.754.986

**Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	3.256.063.020	1.076.460.000
<b>Cộng</b>	<b>3.256.063.020</b>	<b>1.076.460.000</b>

**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ, Công ty hoạt động kinh doanh thương mại theo các mặt hàng gồm mặt phân bón, nông sản và các mặt hàng khác. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo các mặt hàng kinh doanh này.

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực (mặt hàng) kinh doanh của Công ty như sau:

**\* Thông tin bộ phận chính yếu theo mặt hàng kinh doanh**

	Phân bón	Nông sản	Tổng cộng
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	520.718.852.150	722.786.173.962	1.243.505.026.112
Khấu hao và chi phí phân bổ	(515.176.161.461)	(703.901.793.009)	(1.219.077.954.470)
Chi phí không phân bổ	-	-	(14.679.723.019)
Doanh thu tài chính	-	-	25.471.268.077
Chi phí tài chính	-	-	(24.091.230.694)
Thu nhập khác	-	-	9.021.796
Chi phí khác	-	-	(2.230.223.360)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	8.906.184.442
Chi phí thuế	-	-	(1.611.464.054)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	7.294.720.388
<b>TÀI SẢN</b>			
Tài sản bộ phận	39.770.215.622	10.383.168.958	50.153.384.580
Tài sản không phân bổ	-	-	2.894.880.585.755
Tổng tài sản	-	-	2.945.033.970.335
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả bộ phận	5.746.535.000	3.990.536.553	9.737.071.553
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	106.868.190.752
Tổng nợ phải trả	-	-	116.605.262.305

**\* Thông tin bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý**

	Hà Nội	Tây Nguyên	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	520.718.852.150	722.786.173.962	1.243.505.026.112
Giá vốn	(515.176.161.461)	(703.901.793.009)	(1.219.077.954.470)
Lợi nhuận gộp	5.542.690.689	18.884.380.953	24.427.071.642
Tài sản bộ phận	2.934.650.801.378	10.383.168.957	2.945.033.970.335
Nợ phải trả bộ phận	112.614.725.752	3.990.536.553	116.605.262.305



### 3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

#### 3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	469.263.504.377	48.031.364.526
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.040.910.995	231.194.430.260
Đầu tư ngắn hạn	27.500.000.000	70.990.721.391
Đầu tư dài hạn	1.047.120.031.115	799.089.478.087
<b>Cộng</b>	<b>1.653.924.446.487</b>	<b>1.149.305.994.264</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay	95.000.000.000	525.554.597.776
Phải trả người bán và phải trả khác	18.812.478.724	36.354.936.407
Chi phí phải trả	513.923.611	4.400.451.667
<b>Cộng</b>	<b>114.326.402.335</b>	<b>566.309.985.850</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

#### 3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### 3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

#### 3.3.1 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### 3.3.2 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

#### 3.3.3 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

#### 3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	-	95.000.000.000	95.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.812.478.724	-	18.812.478.724
Chi phí phải trả	513.923.611	-	513.923.611
<b>Cộng</b>	<b>19.326.402.335</b>	<b>95.000.000.000</b>	<b>114.326.402.335</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
Các khoản vay	325.554.597.776	200.000.000.000	525.554.597.776
Phải trả người bán và phải trả khác	36.354.936.407	-	36.354.936.407
Chi phí phải trả	4.400.451.667	-	4.400.451.667
<b>Cộng</b>	<b>366.309.985.850</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>566.309.985.850</b>

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	469.263.504.377	-	469.263.504.377
Phải thu khách hàng và phải thu khác	110.040.910.995	-	110.040.910.995
Đầu tư ngắn hạn	27.500.000.000	-	27.500.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.047.120.031.115	1.047.120.031.115
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>606.804.415.372</b>	<b>1.047.120.031.115</b>	<b>1.653.924.446.487</b>
<b>Số dư đầu kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.031.364.526	-	48.031.364.526
Phải thu khách hàng và phải thu khác	231.194.430.260	-	231.194.430.260
Đầu tư ngắn hạn	70.990.721.391	-	70.990.721.391
Đầu tư dài hạn	-	799.089.478.087	799.089.478.087
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>350.216.516.177</b>	<b>799.089.478.087</b>	<b>1.149.305.994.264</b>

#### 4. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào cần trình bày sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 5. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2016.

#### 6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.

Tạ Văn Quyền  
**Chủ tịch HĐQT**  
 Ngày 25 tháng 03 năm 2017

Hoàng Mạnh Cường  
**Kế toán trưởng**

Nguyễn Thị Thu Huyền  
**Người lập biểu**



**GTN**foods

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2016



**GTN**foods

**CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS**

Địa chỉ: 92 Võ Thị Sáu, phường Thanh Nhàn,  
quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (+84-4) 6276 6366; Fax: (+84-4) 6276 6466

Email: [info@gtnfoods.com.vn](mailto:info@gtnfoods.com.vn) Website: [www.gtnfoods.com.vn](http://www.gtnfoods.com.vn)

BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2016